

diễn đàn

F O R U M

Số 104/02.2001

ISSN 1164-2378



Xuân Tân Ty

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,
Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Văn, Hoà Văn

Lịch lưu diễn tại châu Âu của NGUYỄN LÊ trong quý 1 năm 2001

Tháng 2 :

Ngày 1 tại Chambéry : concert of the workshop ; 24/26
tại Paris (Duc des Lombards) : Paolo Fresu Angel 4tet ;
27 tại Cergy Pontoise : Paolo Fresu Angel 4tet ; 28 tại
Metz : Paolo Fresu Angel 4tet

Tháng 3 :

Ngày 10, tại Le Creusot : guest w/ CNSM bigband ; 12-
18 tại Italia : Nguyễn Lê trio (khả năng) ; 22 tại Vaux en
Velin : Michel Benita 4tet (khả năng) ; 25 tại Paris (Auditor-
ium St-Germain) : Nguyễn Lê trio (Renaud Garcia Fons,
Karim Ziad)

Vở múa mới

REQUIEM / NGUYỄN CẦU

của đoàn Ea Sola

(do Ea Sola sáng tác, biên đạo, dựa trên bộ gõ và hồ Huế)
sau khi ra mắt lần đầu tiên tại triển lãm Quốc tế
HANNOVER 2000

sẽ lưu diễn mùa Xuân 2001 tại châu Âu :

STRASBOURG (*Le Maillon*, 6-7 avril)

BRUXELLES (*Palais des Beaux-Arts*, 21 avril, *có thể*)

ROTTERDAM (*Rotterdamse Schouwburg*, 2-3 mai)

AMSTERDAM (*Stadsschouwburg*, 2-3 mai, *có thể*)

PARIS (*Théâtre de la Ville*, 9-10-11-12 mai)

AMIENS (*Maison de la Culture*, 15 mai)

BERLIN (*F. der Kontinente, Hebbel Theater*, 8-9-10 juin)

Cũng trong mùa xuân 2001, vở múa **Voilà Voilà**
còn được trình diễn tại Pháp : LE CREUSOT (31 mars)
và FOIX (18 mai)

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi
dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15
ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang :
550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA
20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần
thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn
và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu
muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước
phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên.....
.....
.....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức
là 40 Euro) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ;

Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro) .

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN
FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W
Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể
ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF
vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76
của *Diễn Đàn*. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF
lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money
Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG
NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề
tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương
với 15 USD/năm, gửi cho P. Le Duc, tài khoản PKO S.A.,
IV O. W. Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-
001-0000 (for Forum) *đồng thời* gửi photocopy phiếu
chuyển tiền về Mrs. LEDUC, 03-914 warszawa, Ul. Saska
44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào
trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211
GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu
chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am
Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển
khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM
(Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBERG, Konto : N° 380 48 94
76 : blz 752 500 00).

Cung Chúc Tân Xuân

Nhân dịp đầu năm Tân Ty, Diễn Đàn xin kính chúc bạn đọc và gia quyến một năm mới an lành, tốt đẹp

TIN TỨC

Thủ tướng Ấn Độ thăm VN

Thủ tướng Ấn Độ Atal Behari Vajpayee đã tới thăm chính thức VN từ ngày 7 đến 10.1.2001. Chuyến đi nối tiếp các chuyến thăm VN của bộ trưởng quốc phòng và bộ trưởng ngoại giao Ấn (tháng 3 và tháng 11 năm ngoái), và của chủ tịch Trần Đức Lương thăm Ấn tháng 12 năm 1999, rõ ràng nhằm thắt chặt quan hệ vốn thân hữu lâu đời giữa hai nước, song chưa được thể hiện tương xứng trên nhiều khía cạnh. Từ lần thăm VN trước của một thủ tướng Ấn (ông N. Rao, vào tháng 9.1994 - xem ĐĐ số 34) thấm thoát đã 7 năm trôi qua. Kim ngạch trao đổi giữa hai nước vẫn ỉ ạch ở mức dưới 200 triệu đôla/năm...

Trong thời gian ở thăm Việt Nam, thủ tướng A.B.Vajpayee đã đến chào tổng bí thư Lê Khả Phiêu, chủ tịch nước Trần Đức Lương; hội đàm với Thủ tướng Phan Văn Khải. Thủ tướng A.B.Vajpayee cũng đã có cuộc gặp đại tướng Võ Nguyên Giáp, tiếp bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Dy Niên, bộ trưởng quốc phòng Phạm Văn Trà.

Thủ tướng Atal Behari Vajpayee nêu rõ chương trình hợp tác khoa học công nghệ giữa Ấn Độ và Việt Nam sẽ được tăng cường trong thời gian tới, Ấn Độ sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với Việt Nam trong lĩnh vực công nghệ thông tin, hợp tác đầu tư trong ngành dược...; mong muốn Việt Nam và Ấn Độ tiếp tục hợp tác chặt chẽ trên các diễn đàn đa phương như: Phong trào không liên kết, hợp tác Nam - Nam, hợp tác trong khuôn khổ ARF, LHQ, trong Chương trình hợp tác Hàng Hà-Mê Công mới đây...

Thủ tướng Phan Văn Khải đã khẳng định Việt Nam ủng hộ nguyện vọng của Ấn Độ tham gia Hội đồng Bảo an LHQ và Diễn đàn APEC.

Sau buổi hội đàm, hai thủ tướng đã chứng kiến lễ ký các văn kiện hợp tác, gồm nghị định thư gia hạn Chương trình hợp tác văn hóa Việt Nam - Ấn Độ năm 2001 - 2003; thỏa thuận hợp tác năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình và hiệp định du lịch. (AFP, Reuters 8.1, Nhân Dân 10.1.2001)

Việt Nam - Trung Quốc : còn tranh chấp trên biển

Thoả thuận về phân định lãnh hải trên vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc, và Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện giữa hai nước (xem Diễn Đàn số trước) còn lâu mới đồng nghĩa với việc giải quyết hết những tranh chấp lãnh thổ giữa hai nước. Thực tế này, phía Trung Quốc đã không ngần ngại phũ phàng nói tráng ra ngay giữa chuyến đi thăm “ hữu nghị chính thức ” của chủ tịch Trần Đức Lương tại Bắc Kinh. Tại buổi họp báo ngày 26.12.2000, hôm sau khi hai bên vừa ký kết những văn kiện nói trên, người phát ngôn bộ ngoại giao Trung Quốc, bà Zhang Qiyue, không chỉ cho biết là “ hai bên không đề cập đến các vấn đề tranh chấp chung quanh các quần đảo ở biển Nam Hải ”. Bà Zhang còn khẳng định lại lập trường của Trung Quốc về “ chủ quyền không thể chối cãi được của Trung Quốc ” trên các quần đảo đó và trên vùng biển chung quanh. Mặc dù 5 nước khác, Việt Nam, Philippines, Malaysia, Brunei và Đài Loan, ‘chối cãi’ chủ quyền đó, và bất chấp Tuyên bố chung hai ngoại trưởng vừa ký kết hôm trước, trong đó hai bên “ thoả thuận tiếp tục cuộc thương lượng về các vấn đề (tồn tại) trên biển và kiên trì tìm kiếm một giải pháp cơ bản và lâu dài chấp nhận được cho cả hai nước, thông qua các cuộc thương lượng hoà bình ”.

Ngày hôm sau cuộc họp báo của bà Zhang, người phát ngôn bộ ngoại giao VN đã tuyên bố khẳng định “ VN có đầy đủ chứng cứ lịch sử và pháp lý về chủ quyền không thể chối cãi được của mình trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ”. (AFP, Reuters 26.12, VNA 28.12.2000)

Việt - Mỹ, một vụ nói dối khó hiểu

Sáng sớm ngày thứ hai 15.1, tại Hà Nội, người ta được tin đô đốc Dennis Blair, tổng tư lệnh quân đội Mỹ vùng Thái Bình Dương, sẽ không ghé thăm Hà Nội như dự trù. Lúc ấy, đô đốc

Quỹ cứu lụt

Từ khi số báo tháng 11 đưa lời kêu gọi tới ngày 31.12.2000, Diễn Đàn đã thu được 20 979 F của bạn đọc ở Pháp, Ý (một ngân phiếu tập thể 7963F), Bỉ, Thụy Sĩ, Đức, đóng góp giúp đỡ đồng bào bị lụt ở đồng bằng sông Cửu Long. Như đã thông báo, ngay khi được tin lũ lụt lớn, chúng tôi đã tạm trích quỹ báo 10 000 F đưa về đóng vào Quỹ cứu lụt của báo Tuổi Trẻ. Số còn lại sẽ được đưa về trong tháng 2 này.

Qua trao đổi với Tuổi Trẻ, chúng tôi đã đồng ý để tờ báo đưa trọn số tiền đóng góp của bạn đọc ĐĐ vào một chương trình xây dựng một trường học ở một xã nông thôn tỉnh Bến Tre. Tuổi Trẻ sẽ cho biết sau tên trường và xã nào.

Blair đang ở thủ đô Vientiane, sau khi rời Kuala Lumpur, trên một chuyến đi thăm các nước Đông Nam Á để giải thích là chính sách quốc phòng Mỹ sẽ không thay đổi với tổng thống mới. Chương trình của ông trong 3 ngày thăm VN còn bao gồm cả những cuộc hội đàm với các nhà lãnh đạo cao cấp ở Hà Nội về nhiều vấn đề khác, trong đó có mối quan hệ Mỹ-Việt về quân sự, có thể có quan tâm của Mỹ tới số phận của cảng Cam Ranh mà hợp đồng cho Liên Xô (nay là Nga) thuê sắp hết hạn (2004)...

Phóng viên AFP đưa tin một quan chức của bộ quốc phòng VN cho biết “*phía Mỹ không đưa ra một lời giải thích nào về quyết định huỷ bỏ (chuyến đi) vào giờ chót này*”. Nhưng thiếu tá John Singley, người phát ngôn của đô đốc Blair cho biết chính bộ quốc phòng VN đã gọi tùy viên quân sự Mỹ ở Hà Nội hôm thứ bảy để nói rằng họ rất tiếc phải hoãn lại chuyến đi của đô đốc. Thiếu tá Singley nói tiếp : “*Họ không đưa ra lời giải thích nào*”.

Vài giờ sau, từ Washington, người phát ngôn của bộ quốc phòng Mỹ nói với báo chí : “*Ông đô đốc không huỷ bỏ cuộc đi thăm. Người Việt Nam đã huỷ bỏ cuộc đi thăm*”.

Ai nói thực, ai dối ?

Thông thường, chuyện ngoại giao giữa hai nước, người ta phải đợi một thời gian mới biết thực hư diễn biến của chuyện. Nhưng, *coup de théâtre*, ngay ngày hôm sau, 16.1, bà Phan Thúy Thanh, người phát ngôn của bộ ngoại giao VN, ra tuyên bố : “*Chúng tôi hoan nghênh cuộc đi thăm VN của đô đốc Dennis Blair. Song, tại thời điểm này trong năm, do có quá nhiều công việc, chúng tôi đã yêu cầu hoãn lại chuyến đi tới một thời điểm thuận tiện hơn cho cả hai bên*.”

Nói cách khác : bộ ngoại giao thừa nhận là bộ quốc phòng nói dối. Nhưng “*không đưa ra lời giải thích nào*”. Ai muốn hiểu sao thì hiểu. Người qua đường không khỏi nghĩ đến các cuộc đấu đá đang diễn ra trong thời kỳ chuẩn bị đại hội đảng. Chắc hẳn bên trong còn lắm điều hay, song xin đợi hồi sau phân giải. (Tin AFP 15, 16.1, Reuters 15.1.2001, về cảng Cam Ranh, xem FEER 28.12.2000)

Đại hội các đảng bộ đảng cộng sản :

“*đuối tâm so với chức trách*”

Trong tháng chạp vừa qua, đảng cộng sản Việt Nam đã tiến hành các đại hội đảng bộ ở 41 tỉnh, thành chuẩn bị cho đại hội toàn quốc lần thứ 9, dự kiến triệu tập vào cuối quý một. Các tỉnh, thành còn lại sẽ họp đại hội từ đây đến đó.

Ở Hà Nội, một ban chấp hành 51 người (gồm phân nửa thành uỷ viên mới) đã được cử ra, với một ban thường vụ 15 người, đứng đầu là ông Nguyễn Phú Trọng, 56 tuổi, uỷ viên bộ chính trị, giữ chức bí thư thành uỷ từ năm 1999. Ông Trần Văn Tuấn, 50 tuổi, uỷ viên trung ương và phó bí thư thường trực thành uỷ khoá trước, và ông Hoàng Văn Nghiên, uỷ viên trung ương và chủ tịch uỷ ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội, cũng được bầu lại ở cương vị phó bí thư. Một phó bí thư thứ ba được cử ra là ông Phùng Hữu Phú.

Ở Thành phố Hồ Chí Minh, ban thường vụ mới có 13 người, bình quân 50 tuổi, đứng đầu là uỷ viên bộ chính trị Nguyễn Minh Triết, 58 tuổi, giữ chức bí thư thành uỷ từ tháng

1.2000. Hai ông Võ Văn Cương (58 tuổi, uỷ viên trung ương) và Huỳnh Đảm (52 tuổi, chủ tịch hội đồng nhân dân), cũng được bầu lại làm phó bí thư. Trong những người vắng mặt : chủ tịch UBND TP Võ Viết Thanh, bị tai tiếng trong một số vụ án kinh tế vừa qua và dự kiến sẽ phải nhường chỗ chủ tịch UBND cho ông Huỳnh Đảm hoặc ông Lê Thanh Hải ; trưởng ban văn hoá tư tưởng Trần Văn Tạo đang chuyển sang hoạt động luật sư và được dự kiến sẽ là người nắm lại đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Ở Thái Bình, hai nhân vật chủ chốt khoá trước là các ông Vũ Mạnh Rinh (bí thư), Vũ Xuân Trường (phó bí thư kiêm chủ tịch UBND) đã bị mất chức sau vụ biến động năm 1997, người thay thế là ông Bùi Sĩ Tiểu, chưa có chân trong trung ương, được cử lại làm bí thư kỳ này.

Ở Thừa Thiên - Huế, bà Ngô Yên Thi, uỷ viên trung ương, bí thư khoá trước nhường chỗ cho ông Hồ Xuân Mãn chưa có chân trong trung ương.

Phát biểu tại đại hội đảng bộ Thành Phố Chí Minh, tổng bí thư Lê Khả Phiêu cho rằng “*vấn đề đầu tiên của đại hội đảng bộ Thành phố, cũng như đại hội các đảng bộ tỉnh, thành phố khác là [...] phải khắc phục suy thoái về chính trị, tư tưởng, nguyên tắc và ý thức tổ chức, đạo đức, lối sống, mơ hồ về bản chất dân tộc và giai cấp trong giai đoạn cách mạng mới*”. Tại Hà Nội, ông Phiêu nêu câu hỏi : “*Nếu đến năm 2005, Hà Nội chỉ xây dựng được 65 - 70% đảng bộ trong sạch (mục tiêu phấn đấu của đảng bộ, được đưa ra trong báo cáo ở đại hội), vững mạnh thì có thể lãnh đạo được sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có thể là Thủ đô xã hội chủ nghĩa được hay không?*”.

Trong khi, theo phó thủ tướng Phan Văn Khải, thì “*với chức trách, không chỉ về năng lực mà quan trọng hơn là đuổi về đạo đức và nhân cách*”. (tổng hợp tin các báo Tuổi Trẻ, Nhân Dân, Thời báo Kinh Tế tháng 1.2001)

Xử vụ ăn chặn tiền cứu trợ ở Vinh

Từ năm 1996 đến tháng 10.2000 qua 6 đợt vận động Uỷ ban Mặt trận tổ quốc thành phố Vinh đã nhận được số tiền ủng hộ đồng bào bão lụt trên 3 tỉ đồng, nhưng một số cán bộ chủ chốt ở uỷ ban đã giữ lại 997,7 triệu đồng để chia nhau (xem ĐĐ số trước). Qua 32 lần chia, số tiền cụ thể từng người “được” như sau : Nguyễn Xuân Anh (chủ tịch) 166,8 triệu, Trương Xuân Mai (phó chủ tịch) 167,2 triệu, Võ Như Tịch (uỷ viên thường trực) 166,6 triệu, Nguyễn Thị Xuân (kế toán) 166,3 triệu và Trần Thị Hồng (thủ quỹ) 166 triệu đồng. Tổng cộng chia cho 5 người là 832,3 triệu đồng, còn 227,7 triệu đồng chi tiêu trái quy định. Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã nộp lại cơ quan điều tra 700 triệu đồng (!). Ngày 15-16.1.2001 tại Vinh, toà án nhân dân tỉnh Nghệ An đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án. 5 bị cáo đã phải chịu mức án tổng cộng 83 năm tù giam : Nguyễn Xuân Anh 20 năm, Trương Xuân Mai 18 năm, Võ Như Tịch 17 năm, Nguyễn Thị Xuân 15 năm (4 bị cáo này phạm 2 tội ‘tham ô tài sản’ và ‘cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng’), riêng Trần Thị Hồng (thủ quỹ) chỉ bị kết tội ‘tham ô tài sản’ chịu mức án 13 năm.

Ủy ban dân tộc và miền núi ăn chặn tiền của người dân nghèo khó ...

Vào trung tuần tháng chạp vừa qua, một cuộc đối chất giữa Ủy ban dân tộc và miền núi (UBDTMN) và Tổng thanh tra nhà nước đã công khai hoá một phần nào thực trạng tham ô, biển thủ công quỹ tại cơ quan quản lý những dự án của nhà nước đầu tư cho các vùng núi và hỗ trợ những dân tộc ít người. Hình thành năm 1993, từ sự sát nhập của Ban dân tộc trung ương và Văn phòng miền núi, Ủy ban dân tộc và miền núi hiện nay do bộ trưởng Hoàng Đức Nghi làm chủ nhiệm. Theo kết luận của đoàn thanh tra, cán bộ của UBDMTN, từ trên tới dưới, đã ăn

chặn tiền của các chương trình giúp đỡ người miền núi và người dân tộc đặc biệt khó khăn, đồng thời đã lợi dụng chức quyền để ăn hối lộ.

– Chương trình “ mô hình kinh tế thay thế cây thuốc phiện ” : UBDMTN đã ký 38 dự án với tổng kinh phí đầu tư hơn 7 tỉ đồng, song lại cho biết đã làm mất (!) hồ sơ của 7 dự án (trị giá 1 tỉ đồng). Cuộc thanh tra 8 trên 31 dự án còn lại (trị giá 1,7 tỉ đồng) cho thấy 63 % số kinh phí (1 tỉ đồng) bị biển thủ. Mặt khác, UBDMTN đã trích 920 triệu đồng của chương trình để mua sắm tài sản và cho cán bộ đi công tác ở nước ngoài và 560 triệu đồng để thuê viết bản báo cáo tổng kết chương trình !

Đọc báo trong nước

Mẫu giáo : học thêm từ tuổi lên... 5

Cho đến nay, chưa có thống kê cho biết bao nhiêu trường mẫu giáo Việt Nam – còn gọi là trường mầm non – tổ chức dạy thêm những môn ‘ năng khiếu’, cũng như chưa có thống kê cho biết bao nhiêu trẻ em 5 tuổi được cha mẹ cho đi học trước chương trình tiếng Việt lớp 1. Nhưng thăm trạng này, theo bài phóng sự dưới đây thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh của báo Tuổi Trẻ ngày 2.1 2001, “ đang trở thành phổ biến đến mức trở thành... phong trào, và là nỗi sợ hãi của khá nhiều học sinh 5 tuổi ”. Nhận xét của một giáo viên ở cuối bài khiến người ta không thể không đặt câu hỏi về trách nhiệm chính trị của nhà nước VN hiện nay khi họ để tình trạng này được tiếp tục duy trì.

Rất nhiều buổi sáng, được mẹ đánh thức dậy đi học là bé Thủy Tiên lại thở dài thườn thượt : “ Cho con nghỉ một bữa đi, đi học chán chết ! ”. Ngoài giờ học chính khoá ở trường mầm non, mẹ Tiên đã ghi danh cho cô bé học thêm đến ba môn năng khiếu : Anh Văn, vi tính và thể dục nhịp điệu. Cứ sau 15g30, thay vì được vui chơi, múa hát cho đến cuối buổi học (như qui định của bộ giáo dục và đào tạo) thì Tiên và các bạn cùng lớp phải chuyển sang phòng học khác với máy vi tính, với những con chữ lạ lẫm.

17 giờ, cô bé mới “ thoát ” ra khỏi phòng học năng khiếu về nhà để tranh thủ tắm rửa, ăn cơm và tiếp tục... đến nhà cô giáo tiểu học ! Ở đây, Tiên phải gò mình mất một tiếng rưỡi với những con chữ mà theo Tiên là “ khô như ngói ”. Buổi tối, khi đã hoàn thành nhiệm vụ học hành, Tiên được mẹ chở đến nhà, lúc đó đồng hồ đã chỉ 21g. Người mệt nhoài, cô bé chỉ kịp thay quần áo rồi... đi ngủ, chẳng còn thiết coi tivi hay phim hoạt hình nữa.

Cứ sau 16g30, chị Bích Hà, nhân viên hành chính của một trường đại học trong thành phố, lại cuống cuống : “ Phải tới chỗ bé đi học chút, 18g là bắt đầu rồi. Tranh thủ ghé cho nó ăn cái gì dần bụng chút không thì học sao nổi ”. Rồi chị than thở : “ Con nít bây giờ học cực ghê. Tôi rút kinh nghiệm từ nhỏ chị nó rồi. Năm trước tôi bảo thủ không cho con nhỏ đi học trước. Đến khi vô lớp 1 hầu như cả lớp đã biết chữ, giáo viên dạy nhanh quá con mình không theo kịp phải mượn gia sư dạy kèm ”.

Ngay cả con trai của bà chị họ tôi cũng ‘ được ‘ học đến...

bốn môn năng khiếu : Anh văn, vi tính, đàn organ và võ thuật, chưa kể còn ‘ kèm ‘ luôn cả môn tiếng Việt lớp 1 vào buổi tối. Khi tôi hỏi sao không giảm bớt những môn học năng khiếu ở trường, chị vô tư : “ Thì nhà trường gợi ý cần phải chuẩn bị kiến thức cho thằng nhỏ thích nghi với thời đại công nghiệp hoá, phải biết tiếng Anh, vi tính chứ ”. không biết sự chuẩn bị ấy có thành công không, nhưng chỉ sau vài tháng đi học suốt từ 6g30 đến 21g, con chị trở nên trầm lặng, ít nói, đêm vẫn thường ngủ mơ la hét rồi khóc lóc...

Hỏi về lý do cho con học chữ, hầu hết các bậc phụ huynh đều có chung câu trả lời “ để khi lên lớp 1 nó đạt ‘ học sinh giỏi’ ”. Bởi thế nên không có gì ngạc nhiên khi đầu năm học vừa rồi có trường tiểu học đã phải tiến hành phân loại học sinh lớp 1 để có phương pháp giảng dạy khác nhau. Theo lời một cán bộ quản lý trường này thì hơn 90% học sinh lớp 1 đã học chữ trước, nhưng vẫn có thể chia làm ba loại : A, đã biết đọc, biết viết ; B, mới biết ráp vần ; C, chỉ nhận mặt được các chữ cái. Chị H., giáo viên dạy lớp 1 đã hơn sáu năm, cho biết : “ Trường mình là trường vùng ven nhưng có đến 40% học sinh đã học trước chương trình lớp 1. Mình không thích học sinh dạng này. Vô lớp, dĩ nhiên mình phải dạy lại từ đầu với những điều học sinh đã biết. Bài giảng vô tình trở nên nhàm chán. Học sinh thường ý lại vì cứ đĩnh ninh mình biết hết rồi ”. [...]

Nói về việc học chữ trước, bà Lê Thị Liên Hoan, phó phòng mầm non sở giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, cũng khẳng định : “ Cho trẻ em 5 tuổi học chữ như học sinh lớp 1 là không phù hợp với đặc điểm lứa tuổi. Nếu ép, trẻ có thể làm được nhưng sẽ ảnh hưởng không tốt đến tâm sinh lý sau này. Sự chú ý của trẻ 5 tuổi là sự chú ý không chủ định và trí nhớ cũng là trí nhớ không chủ định. Tất cả các nội dung giáo dục phải xuất phát từ nhu cầu và sự hứng thú của tuổi trẻ. ở lứa tuổi này thể lực chỉ có thể tập trung trong 10-15 phút mà ép ngồi viết chữ cả tiếng thì không thể không ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ xương, hệ cơ... ”.

Và cuối cùng xin kết thúc bài viết bằng nhận xét của chị M.T., khối trưởng khối 1 của một trường nội thành : “ Học sinh đã học trước chương trình rất thụ động, chỉ làm được những điều theo khuôn mẫu, không có sự sáng tạo. Cứ theo đà này khi lên lớp lớn học sinh sẽ trở thành những... người máy ”.

Hoàng Hương

– Chương trình “ *mô hình hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn* ” có 19 dự án với tổng kinh phí đầu tư gần 4 tỉ đồng. Cuộc thanh tra 4 trên 19 dự án đó (trị giá 650 triệu đồng) cho thấy chỉ có 30 % tiền đầu tư đến tay người dân, phần còn lại được chi vào việc đi lại và tiếp khách của cán bộ uỷ ban và các ban dân tộc và miền núi...

– Chương trình “ *trợ giá máy thu thanh cho đồng bào các vùng đặc biệt khó khăn* ” : UBDMTN đã tổ chức đấu thầu trả hình cho bốn công ty lắp ráp điện tử, gây thiệt hại cho ngân sách trên 1,8 tỉ đồng vì chênh lệch giá. Khi kiểm tra chất lượng tại một xã cách thị xã Cao Bằng 8 km thì máy thu thanh không bắt được sóng của đài địa phương, cũng không bắt được sóng của đài Tiếng nói Việt Nam mà chỉ bắt được sóng của... đài Trung Quốc.

– Công trình xây dựng 50 km cầu đường ở huyện Mường Tè (Lai Châu) với vốn đầu tư gần 100 tỉ đồng : công ty xây dựng ký hợp đồng với UBDMTN đã nâng giá thành lên để có thể rút 7 tỉ đồng đem cúng biếu hàng loạt quan chức, trong đó có những quan chức của UBDMTN. Danh sách lên tới 117 người...

Căn cứ trên những lời khai của các doanh nghiệp và cơ quan đã ký hợp đồng với UBDMTN, đoàn thanh tra đã liệt kê danh sách những cá nhân đã nhận tiền hối lộ, gồm đầy đủ cán bộ lãnh đạo của uỷ ban : chủ nhiệm, 4 phó chủ nhiệm, kế toán trưởng, 7 vụ trưởng và vụ phó, phó chính thanh tra, hàng loạt chuyên viên... Trong bản dự thảo báo cáo, đoàn thanh tra đề nghị cách chức bộ trưởng Hoàng Đức Nghi và điều tra, truy tố các cán bộ phạm pháp. Người ta còn được biết UBDMTN đã đưa hối lộ 1000 USD cho một thành viên trong đoàn thanh tra, và sau khi đoàn thanh tra lập biên bản thì số tiền này đã được hoàn lại.

Tuy nhiên, khi trả lời phỏng vấn của báo **Tuổi Trẻ**, ông Tạ Hữu Thanh, tổng thanh tra nhà nước, cho biết “ *không hoàn toàn đồng ý* ” với đề nghị của đoàn thanh tra, và trong bản báo cáo chính thức trình chính phủ, ông chỉ kiến nghị bộ trưởng Hoàng Đức Nghi “ *tự kiểm điểm và tự đề xuất hình thức xử lý kỷ luật* ”. Ông Tạ Hữu Thanh cũng cho biết đã trao cho ông Nghi danh sách cán bộ UBDMTN bị nghi nhận hối lộ để lãnh đạo uỷ ban kiểm điểm và xử lý những trường hợp sai phạm : “ *không ai hiểu việc này bằng chính các đồng chí cán bộ UBDMTN vì trong danh sách có ghi rõ cả tên và số tiền* ” – nếu không thì khi truy tố vụ án cơ quan điều tra sẽ làm sáng tỏ những hành vi tham nhũng, hối lộ nếu có. Về sự việc UBDMTN hối lộ thành viên đoàn thanh tra, tổng thanh tra nhà nước cho rằng : “ *anh em không nhận mà trả lại thì coi như xong* ” ! Hồ sơ hiện nay đang chờ đợi ý kiến của thủ tướng chính phủ. (Tuổi Trẻ 28, 29.12 2000 và 2.1 2001 ; Lao Động 1.1. 2001)

Cơ quan thanh tra, kiểm tra làm tiền các doanh nghiệp...

Kết quả cuộc điều tra của Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam về khu vực kinh tế phi quốc doanh, công bố ở Hà Nội vào trung tuần tháng chạp vừa qua, cho thấy mỗi doanh nghiệp, kể từ khi ra đời đến nay, đã bị thanh tra, kiểm

tra ít nhất 10 lần và nhiều nhất là... 170 lần ! Tiến hành trong thời gian từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2000, cuộc điều tra dựa trên trả lời của 766 doanh nghiệp ‘dân doanh’ (gồm 523 công ty trách nhiệm hữu hạn, 174 doanh nghiệp tư nhân, 53 công ty cổ phần, 3 công ty hợp doanh) trong đó có 158 doanh nghiệp thành lập theo luật doanh nghiệp (tức sau ngày 1.1.2000).

Theo phó chủ tịch Phòng thương mại và công nghiệp, bà Phạm Chi Lan, hiện nay có đến 140 văn bản và 30 loại hình thanh tra, kiểm tra. Các ngành thường xuyên đến ‘thăm hỏi’ doanh nghiệp là thuế (88%), quản lý thị trường (48%), lao động (30%), môi trường (26%), pháp luật (23%), tài chính (21%)... Cơ quan công an trung bình đến thanh tra các doanh nghiệp ba lần trong ba năm qua, và trường hợp nhiều nhất là... 36 lần ! Số người trung bình của mỗi đoàn thanh tra là 3,6 người, và thời gian ở lại doanh nghiệp là khoảng 5 ngày. Chi phí trung bình cho mỗi lần thanh tra, kiểm tra là 800 nghìn đồng, cao nhất lên đến 10 triệu đồng : chi ‘phong bì’ (32%), chi ăn uống (10%), chi cho... giải trí (6%). Các doanh nhân cũng than phiền nhiều đoàn kiểm tra gây lãng phí hàng hoá, sản phẩm của doanh nghiệp : một doanh nghiệp xuất khẩu 200 tấn gạo đã bị lấy mất 10 tấn dùng cho kiểm tra “ *vì qui định được lấy mẫu 5 %* ” ; các doanh nghiệp thuỷ sản cho biết sản phẩm tôm mực loại 1 xuất khẩu thường xuyên bị lấy mẫu kiểm tra.

Một số doanh nghiệp thẳng thắn phản ánh tình trạng vôi vĩnh, làm tiền của những đoàn thanh tra : nếu doanh nghiệp không chịu ‘chung chi’ thì sẽ bị kết luận xấu hoặc bị thanh tra liên tục. Riêng trường hợp công ty LK, một doanh nghiệp tư nhân sản xuất bao bì ở đồng bằng sông Cửu Long, đã bị thanh tra, kiểm tra với mật độ dày 5 lần/tháng – tổng cộng 170 lần trong ba năm qua – với những lý do nhiều khi rất mơ hồ như : có tuân thủ qui định về khấu hao máy móc thiết bị, có cạnh tranh lành mạnh hay không...

[Tuổi Trẻ 19.12 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 21.12 2000 và 4.1 2001]

WB và ADB áp đặt thể thức cạnh tranh trong đấu thầu

Kể từ đầu năm 2001, Ngân hàng thế giới (WB) và Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) không cho phép các doanh nghiệp xây dựng của bộ quốc phòng Việt Nam tham gia đấu thầu các dự án sử dụng vốn vay của WB và ADB. Hai tổ chức tài chính quốc tế còn yêu cầu các doanh nghiệp nhà nước khác không được nhận thầu các dự án khi bộ chủ quản của doanh nghiệp là cơ quan chủ đầu tư. Các doanh nghiệp thuộc sở giao thông vận tải của các tỉnh, thành cũng không được quyền tham gia đấu thầu các dự án giao thông nông thôn trên địa bàn của tỉnh mình.

Những qui định này nhằm tạo sự bình đẳng và tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hoạt động đấu thầu các công trình làm đường, xây cầu do WB và ADB tài trợ. Từ trước tới nay, những dự án do cơ quan nhà nước nào làm chủ quản thì doanh nghiệp của cơ quan đó thường trúng thầu, và không ít cuộc đấu thầu chưa diễn ra đã biết người thắng cuộc. Các doanh nghiệp nhà nước thuộc những cơ quan khác muốn kiếm phần chỉ còn cách liên doanh. Còn đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh thì

khả năng trúng thầu hoàn toàn xa vời. Phó chủ tịch Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, bà Phạm Chi Lan, đã nêu trường hợp của một công ty trách nhiệm hữu hạn về tư vấn xây dựng trúng thầu một dự án : khi dự án được đưa lên bộ để phê chuẩn, vị lãnh đạo bộ đã phản ứng và hỏi ngay “ *tại sao lại để cho công ty trách nhiệm hữu hạn trúng thầu ?* ”. Bà Lan còn cho biết, các công ty tư doanh muốn tham gia đấu thầu phải mua những thông tin từ cơ quan quản lý đầu tư với giá bình quân 1 triệu đồng/tin.

Quyết định của WB và ADB là mới đối với Việt Nam song đó là những qui định thông thường mà các tổ chức này áp dụng ở các nước khác. Thứ trưởng giao thông vận tải Nguyễn Văn Tiến xác nhận : “ *Cách đây vài ba năm, các tổ chức này cũng đã yêu cầu Việt Nam phải thực hiện theo cách thức trên nhưng chúng ta đã đàm phán duy trì cách làm truyền thống đến ngày hôm nay* ”. Theo ông Tiến, giải pháp căn cơ đối với vấn đề này là các bộ và các cơ quan hành chính khác không quản lý những doanh nghiệp nhà nước nữa, và các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều có thể hoạt động trong một sân chơi chung.

[Thời báo Kinh tế Sài Gòn 21.12 2000 và 4.1 2001]

Liên hoan Ca trù Hà Nội 2000

Mấy đêm liền, trước sân đường nhà Thái Học, vừa mới được khánh thành của Văn Miếu-Quốc Tử Giám, náo nức người và sênh sang tiếng phách, tiếng đàn. Hơn 100 nghệ nhân, từ những người già phải đi lên sân khấu, cho đến cháu bé mới lên 6 tuổi đầu, thuộc gần 20 nhóm và câu lạc bộ ca trù trong cả nước đã tề tựu về đây, đem đến cho khách văn những đêm và ngày đắm cái tài tử, cái thên thang của nghệ thuật ca trù. Người mừng nhất có lẽ là bà Bạch Vân, chủ tịch Câu lạc bộ Ca trù Hà Nội. Ban tổ chức treo đèn lồng và thỉnh chuông Văn Miếu, đến khi sương trời bảng lảng thì tiếng sênh phách cũng vang lên.

Lão nghệ nhân Nguyễn Thị Trúc được đưa xe hơi từ Hà Tây về nhà bà Bạch Vân để hát thử từ hôm trước. Cái thời cụ đi hát ở “ Ca quán bà Mùi ” nức tiếng ở Hải Phòng cách đây đã gần 70 năm trời. Đến nay cụ vẫn làm cho khách đa tình phải khóc với một thiên trữ tình nhất của ca trù, bài *Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị đời Đường. Đệm đàn nâng tiếng ca cho dào dạt 80 tuổi này, là cụ Ngô Trọng Bình, thuộc nhóm ca trù từ xứ Thanh ra. Đặc biệt, lần này Liên hoan có sự góp mặt đông đảo của giới trẻ : cô Lưu Thị Phượng, sinh năm 1980, đoàn Hải Phòng ; cô Nguyễn Thị Tuyết, 15 tuổi, học lớp 9, lớp kế thừa của ca trù Cổ Đạm, Hà Tĩnh ; cô Lê Thị Minh Hân, sinh năm 1977, học trò cưng của cụ Trúc. Đặc biệt hơn hết, có lẽ là trường hợp của cô bé Trương Thị Hằng, 6 tuổi, chắc chắn là người trẻ nhất trong lịch sử mấy trăm năm ca trù Việt Nam. (Đỗ Doãn Hoàng, *Thanh Niên*, 12-12-2000)

Việt Nam có 33% diện tích rừng che phủ

Ngày 5-1-2001, Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt kết quả tổng kiểm kê rừng toàn quốc. Theo đó, đến hết ngày 31 tháng 12 năm 1999, cả nước có 10 915 592 ha rừng các loại, độ che phủ tương ứng là 33,2% (không tính cây gỗ trồng phân tán và cây công nghiệp lâu năm có tán lớn). Trong

Nghệ sĩ Quách Thị Hồ qua đời

Cụ Quách Thị Hồ, nghệ sĩ ca trù hàng đầu của Việt Nam, đã trút hơi thở cuối cùng vào lúc 3h45 phút ngày 4.1.2001 tại nhà riêng ở số 20 phố Đặng Dung, Hà Nội, thọ 89 tuổi.

Nghệ sĩ Quách Thị Hồ sinh trưởng trong một gia đình cha truyền con nối theo nghề hát. Được mẹ cẩn thận dạy cho từng câu hát, từng nhịp phách, cho đến khi hát được tròn vành rõ chữ, lúc ngậm miệng thì như nụ hoa, khi mở miệng thì như đóa hoa đang nở, và tiếng phách lúc nghe như tiếng suối reo, lúc lại hiền hòa êm ả hòa quyện với tiếng đàn câu hát. Tiếng đàn, tiếng phách của bà đã làm say đắm biết bao tâm hồn tao nhân mặc khách. Trong kháng chiến chống Pháp, bà đưa gia đình lên Việt Bắc, dùng tiếng hát để kiếm sống. Khi hòa bình lập lại, về Hà Nội, bà được nhạc sĩ Văn Chung giới thiệu vào hát ở Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam. Năm 1976, giọng hát của nghệ sĩ Quách Thị Hồ được giáo sư Trần Văn Khê ghi âm trong băng hát ca trù để giới thiệu với Hội đồng Quốc tế âm nhạc UNESCO, được UNESCO cấp bằng danh dự "Nghệ sĩ hát ca trù đặc sắc của Việt Nam". Năm 1988, bà Quách Thị Hồ được tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân. Quanh năm sống thanh bạch, nhưng bà luôn lấy tiếng hát chia vui với bạn, với đời. Bà đã từng tâm sự: “ *Tôi cần tiếng hát, tôi say tiếng hát ca trù như người ta cần tiền, say tiền vậy* ”. Mấy năm lại đây, bị liệt nửa người, ốm đau luôn, suốt ngày quay trở trên chiếc giường chật hẹp trong căn phòng nhỏ không đủ tiện nghi, bà lão nghệ sĩ vẫn vui vẻ trò chuyện và cảm thấy tăng sức sống mỗi khi nói về ca trù ; và khi cao hứng, bà lại cất tiếng hát. (Theo báo Thể thao và Văn hóa 5.1.2001)

đó, diện tích rừng tự nhiên là 9 444 198 ha, chiếm 86,5% tổng diện tích rừng cả nước. Diện tích rừng trồng : 1 471 394 ha, chiếm 13,5% tổng diện tích rừng cả nước (xem bảng tóm tắt dưới đây).

Đầu tháng 11.2000, tại một hội nghị sơ kết 2 năm thực hiện dự án trồng 5 triệu hecta rừng (theo một nghị quyết của quốc hội, nhằm nâng độ che phủ của rừng lên 43% vào năm 2010), báo cáo của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (NN- PTNT), cho thấy, diện tích rừng trong 5 năm qua đã tăng 1,5 triệu hecta, nhưng chủ yếu là tăng do khoanh nuôi tái sinh, diện tích trồng mới chỉ tăng 600 nghìn. Kết quả này, theo bộ NN-PTNT, là chưa đạt chỉ tiêu so với yêu cầu của mục tiêu kế hoạch. Nguyên nhân chính được đưa ra là thiếu vốn. Mục tiêu 2 năm 1999-2000 cần số vốn ngân sách khoảng 900 tỉ đồng, nhưng khả năng ngân sách chỉ cần đối được 630 tỉ đồng, bằng 70% nhu cầu.

Ngoài ra, thị trường tiêu thụ sản phẩm rừng trồng còn nhiều khó khăn, giá thu mua nguyên liệu thấp... Theo Cục Chế biến nông lâm sản (bộ NN- PTNT), hiện nay ở nhiều địa phương xuất hiện tình trạng thừa ứ gỗ nguyên liệu gây tranh mua, tranh bán, ép cấp, ép giá làm cho nghề trồng rừng bị thua lỗ. Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng thí điểm Nhà máy ván sợi ép MDF tại tỉnh Gia Lai công suất 54.000m³/năm và Nhà máy

ván dăm gỗ tại Thái Nguyên công suất 16.500m³/năm. Đây là hai nhà máy hiện đại đầu tiên trong lĩnh vực công nghiệp chế biến gỗ.

Chính sách cho vay tín dụng trồng rừng sản xuất là một vấn đề khác. Hiện mức lãi suất 7% năm là quá cao so với năng suất rừng trồng và giá cả thu mua sản phẩm rừng trồng, nên nông dân chưa sẵn sàng vay vốn đầu tư, chưa kể những cơ chế phiền phức làm cho những nơi có nhu cầu vay lại không thể vay đủ vốn cho sản xuất.

Trong khuôn khổ dự án, hai năm qua cũng đã giao khoán bảo vệ 1 830 000 ha rừng, đạt 91,5% kế hoạch, song báo cáo đánh giá, đầu tư 50 nghìn đồng/ha/năm cho khoán bảo vệ rừng chỉ là một giải pháp tình thế, và việc ban hành một chính sách hưởng lợi cho người nhận khoán bảo vệ rừng có thu nhập từ rừng, bằng chính kết quả lao động bảo vệ rừng của họ mang lại, thay cho việc cấp ngân sách để khoán bảo vệ rừng như hiện nay là việc cần kíp.

Diện tích rừng kiểm kê đến 31.12.1999

Vùng	diện tích tự nhiên	diện tích rừng tự nhiên	diện tích rừng trồng	tỷ lệ che phủ (%)
Toàn quốc	32 894 398	9 444 198	1471394	33,2
Đông Bắc	6 746 293	1 890 595	478 387	35,1
Tây Bắc	3 572 365	884 409	79 032	27,0
Đb sông Hồng	1 266 254	45 333	38 305	6,6
Bắc Trung bộ	5 130 454	1 835 633	300 016	41,6
Duyên hải MT	3 301 624	969 316	169 975	34,5
Tây Nguyên	4 464 472	2 339 167	33 949	53,2
Đông Nam bộ	4 447 622	1 416 643	164 357	35,5
Đb s.Cửu Long	3 965 314	63 102	207 373	6,8

Ghi chú: Diện tích tự nhiên (bằng hec-ta) lấy theo tài liệu của Tổng cục Địa chính ban hành tháng 6 năm 1999.

(ND5.1, LĐ 7.11.2000)

Cây sưa trắng đang kêu cứu

Trong khi các ngành chức năng của tỉnh Kon Tum đang tiến hành đưa 2 vụ phá rừng ở Sê San và lâm phần Sa Thủy (Sa Thủy) ra ánh sáng thì ở địa bàn xã Đak Pơ (Kon Plong), lâm tặc ngày đêm lén lút triệt hạ loài cây sưa trắng hay còn gọi là trác thối (*Dalbergia tonkinensis* prain). Đây là loại cây đặc biệt quý hiếm, nằm trong sách Đỏ Việt Nam, gỗ đắt hơn cả pơmu. Qua kết quả giám định, Hội đồng Khoa học kỹ thuật Trường Trung học lâm nghiệp Tây Nguyên khẳng định tiêu bản gỗ tìm thấy ở Kon Plong đúng là sưa trắng họ Fabaceae, bộ Fabales. Cây thân màu nâu xám, cành non vỏ màu xanh xám. Gỗ màu đỏ hơi nâu, chéo thớ, giác vàng nhạt và có mùi thơm hắc... Gỗ bền, đẹp, không bị mối mọt rất được ưa chuộng dùng trong xây dựng, đóng đồ gia đình, làm đồ mỹ nghệ, chạm khắc... Loài cây này có ở các tỉnh Hà Bắc, Quảng Ninh, Nam Hà, Ninh Bình, Phú Yên, Khánh Hoà, Đồng Nai (Việt Nam) và đảo Hải Nam (Trung Quốc).

Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Kon Plong Ngân Văn Ron cho hay: “*Mấy tháng nay lực lượng kiểm lâm Kon Plong đã phối hợp với công an, cơ quan quân sự huyện căng mình ra để truy*

bắt lâm tặc khai thác và vận chuyển nguồn gỗ quý hiếm này”. Mặc dù vậy, do giá cả hấp dẫn, địa bàn nằm trong vùng sâu vùng xa, bọn lâm tặc vẫn lén lút khai thác và vận chuyển gỗ trái phép. Anh Ron cho biết: Giá gỗ lên đến 5-7 triệu đồng/m³, đem về thị xã Kon Tum khoảng 10 triệu đồng/m³ và đưa ra Hà Nội hơn 20 triệu đồng/m³. (LĐ 14.9.2000)

Voi châu Á đang chết nhanh

Báo cáo về tình trạng các loài được Quỹ Quốc tế về bảo vệ thiên nhiên (WWF) vừa công bố cho biết số lượng các loài voi ở châu Á hiện nay chỉ bằng 10% số loài voi ở Châu Phi.

Voi đang bị sức ép buộc phải rời khỏi nơi cư trú của chúng do nạn chặt cây lấy gỗ, phát quang rừng để lấy đất dành cho canh tác và các chương trình phát triển được quy hoạch yếu kém. Sự di cư ô ạt của con người, tàu hoả, tiếng động tàu chạy đã dẫn đến cái chết của voi và các chương trình định cư đã dẫn tới tình trạng xung đột chí tử giữa người và voi. Báo cáo của các tác giả Elizabeth Kemf và Charles Santiapillai còn nói rằng voi đang bị những người nông dân bắn và giết để lấy thịt, da và ngà. “*Có khoảng từ 35.000 đến 50.000 con voi châu Á đang phải gắng sức để tồn tại, đa số chúng đang bầu vú vào những vùng đất ngày càng bị thu hẹp. Sự phân bố hiện nay của loài voi châu Á chỉ bằng một phần nhỏ so với sự phân bố của chúng trước đây. Toàn bộ số lượng loài voi này chỉ còn tồn tại rải rác ở 13 nước châu Á ngày nay và chỉ bằng 10% của toàn bộ số voi châu Phi*”. Do việc phát quang rừng để định cư và phát triển các hoạt động nông nghiệp ngày càng gia tăng, các tuyến di cư truyền thống của voi đã bị đứt đoạn, dẫn tới tình trạng xung đột khi những con voi đói phá phách mùa màng. Kết quả là hàng trăm người đã bị voi giết hàng năm ở khắp châu Á. Chỉ riêng tại Ấn Độ, đã có tổng số 300 người bị voi giết. Nếu không có những hành động khẩn cấp để giải quyết tình trạng xung đột này, WWF tin rằng không những chỉ có con người bị thiệt hại mà số lượng loài voi cũng sẽ tiếp tục giảm nhanh trên toàn châu Á. Sản bắn voi để lấy ngà vốn chỉ có ở con đực là nguy cơ lớn nhất đối với loài thú này, tác động nghiêm trọng tới tỷ lệ giữa con đực và con cái tại nhiều khu vực ở châu Á, đáng chú ý là Nam Ấn Độ, Campuchia và Việt Nam. (Lao Động 22.12.2000)

Hàng không VN phát triển mạnh trong năm 2000

Thu nhập của hãng hàng không Vietnam Airlines (HKVN) năm 2000 đã lên đến 8 254 tỷ đồng (568,7 triệu USD), tăng 12 % so với năm 1999. Chỉ tiêu của hãng cho năm 2001 là tăng thu nhập 13,9 %. Theo tờ báo Saigon Times Daily thì năm nay HKVN đã đạt 464 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế (31,97 triệu USD). Trong năm, gần 3 triệu khách đã bay với HKVN trên 15 tuyến bay nội địa và 17 tuyến bay quốc tế, tức khoảng 40 % số khách quốc tế đi hoặc đến VN. Ngoài ra, công ty cũng cung cấp dịch vụ cho 14 540 chuyến bay của các hãng hàng không nước ngoài, và có hợp đồng chia mã số trên nhiều tuyến bay do các hãng nước ngoài thao tác, như trên các đường đi Berlin, Zurich, Los Angeles, San Francisco. Năm qua, HKVN cũng đã nối lại hoặc mở thêm các đường bay như từ TP HCM đi Siem Riep, Quảng Châu, Seoul...

Tuy nhiên, một điểm đen đáng kể còn tồn tại trong năm qua là một phần tư số chuyến bay được đăng ký (7 478 trên tổng số 27 876 chuyến) đã bị trễ hoặc buộc phải hủy bỏ vì điều kiện thời tiết xấu hoặc vì thiếu máy bay và thiếu phối hợp giữa các văn phòng của hãng. Hiện nay HKVN hoạt động với 3 chiếc Boeing 767-300, 12 chiếc Airbus A-320, 2 chiếc Fokker-70 và 6 ATR-72. Cuối tháng 11, hãng đã ký với Boeing một thư ngỏ ý để mua ba chiếc máy bay 777-200 ER trong vòng hai ba năm tới, tất cả trị giá 480 triệu USD. (Reuters 10.1, VNA 9.1.2001)

Việt Nam đứng thứ hai thế giới về xuất khẩu hạt tiêu

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, cả nước hiện có hơn 26.500 ha hồ tiêu, năng suất bình quân 2,45 tấn/ha, sản lượng trên hơn 37.500 tấn. Trong số này, 90% sản lượng dùng để xuất khẩu.

Riêng năm 2000, Việt Nam xuất khẩu 35.220 tấn, trị giá gần 140 triệu USD sang 30 nước trên thế giới, vượt lên hàng thứ hai, sau Ấn Độ, và chiếm 16 % tổng sản lượng tiêu trao đổi trên thế giới. Nước nhập khẩu hạt tiêu nhiều của Việt Nam là Singapore với hơn 12.700 tấn, kế đến là Hà Lan (3.594 tấn), Trung Quốc (2.637 tấn), Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất (2.464 tấn), Mỹ (2.152 tấn)... Hạt tiêu Việt Nam có sức cạnh tranh cao so với các nước như Indonesia, Malaysia, nhờ giá thành bình quân của Việt Nam thấp hơn.

Xây dựng khu bảo tồn biển đầu tiên tại Việt Nam

Việt Nam có hơn 3.000 km bờ biển với nguồn tài nguyên biển phong phú. Nhưng trong những năm qua, việc sử dụng nguồn tài nguyên biển chưa hợp lý, ảnh hưởng môi trường sinh thái biển. Ngày 10-1, tại Hà Nội, đại diện Bộ Thủy sản, Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), Chính phủ Đan Mạch (DANIDA), Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) đã ký văn kiện dự án "Thí điểm khu bảo tồn biển Hòn Mun". Đây là khu bảo tồn biển đầu tiên tại Việt Nam, là một trong 16 khu bảo tồn biển được Bộ Thủy sản, Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường trình Chính phủ trong quy hoạch tổng thể hệ thống khu bảo tồn biển. Dự án này có tổng kinh phí viện trợ không hoàn lại 1.906.965 USD; trong đó; vốn của GEF là 999.731 USD, DANIDA 829.551 USD, IUCN 77.683 USD. Dự án thực hiện trong bốn năm tại khu vực Hòn Mun (Khánh Hòa) nhằm bảo vệ môi trường sinh thái biển; khai thác hợp lý tài nguyên biển.

Chính phủ Úc giúp 5 nhà máy lọc nước

Hà Nội (Ttxvn 18/1/2001) Tỉnh Bến Tre vừa đưa vào sử dụng thêm 5 nhà máy nước loại nhỏ do chính phủ Úc tài trợ, đáp ứng nhu cầu nước sạch sinh hoạt, đặc biệt là cho nhân dân nông thôn vùng sâu, vùng xa thuộc 5 huyện: Bình Đại, Ba Tri, Giồng Trôm, Mỏ Cày và Thạnh Phú.

Mỗi nhà máy nước loại nhỏ có công suất 10 m³/giờ, cung cấp nước sạch sinh hoạt cho khoảng 400- 500 hộ dân, kinh phí xây dựng trên 100 triệu đồng.

Hiện nay, Bến Tre đã có trên 30 nhà máy nước loại nhỏ đưa

vào sử dụng ở nhiều địa phương trong tỉnh, nâng cao năng lực phục vụ nhu cầu nước sạch sinh hoạt cho nhân dân.

Riêng trong năm 2000, đã có 10 nhà máy nước loại nhỏ được xây dựng và đưa vào sử dụng, trong đó có 5 nhà máy do Úc tài trợ; số còn lại do Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bến Tre đầu tư xây dựng từ nguồn kinh phí chủ yếu nhờ sự tài trợ của tổ chức Unicef.

Bến Tre đã có trên 50% số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch.

Sản xuất tàu đánh cá lớn

Liên hiệp khoa học sản xuất công nghiệp sinh hóa học thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia đã nghiên cứu và chế tạo thành công tàu đánh cá hoạt động liên tục trong mọi điều kiện thời tiết, có thể làm nơi trú, tránh bão cho ngư dân. Đây là loại tàu cá chuyên dụng được nghiên cứu thiết kế với nhiều phương án, có thể làm nơi trú ẩn cho từ 100 đến 800 ngư dân.

Tàu đánh cá này có mặt trên dạng hình cung elíp, trong khung chứa toàn bộ thiết bị bảo đảm cho tàu và đoàn thủy thủ hoạt động. Ở đây, không khí được hút vào thường xuyên bảo đảm thoáng mát; phía trên có khung sàn làm bằng thép tròn, trên đó lát một lớp sàn di động. Khi có gió lớn, bão tố thì lớp sàn được thu lại và cất giữ trong tàu dưới mái vòm. Phía dưới lòng tàu là toàn bộ không gian để các ngư dân từ các tàu thuyền đánh cá quay về tàu trú ẩn, lánh nạn. Giá thành chế tạo loại tàu này từ 230 đến 930 triệu đồng.

(Ttxvn 16/1/2001)

Sách tập đọc tiếng Việt cho trẻ em

Theo tin của phóng viên tạp chí *Thế giới mới*, một cặp vợ chồng người Việt Nam sống ở Hà Lan, anh Nguyễn Văn Thế và chị Phạm Thị Tú Minh, là đồng tác giả của một bộ sách dạy tiếng Việt theo *phương pháp cơ cấu*, mang tên là *Học kỹ đọc đúng*, thoát đầu cốt dành cho các trẻ em Việt Nam sinh ra ở Hà Lan (Cộng đồng người Việt ở Hà Lan có khoảng 12.000 người). Sách gồm 12 cuốn tập đọc, 2 cuốn tập viết, 8 cuốn bài tập, 3 cuốn hướng dẫn giảng dạy, và các học liệu trực quan hấp dẫn : lịch bài tập, tranh treo tường, bảng từ, bảng phân tích cơ cấu, bảng đồ vị. *Phương pháp cơ cấu* bắt đầu bằng dạy cho các em một loạt từ mẫu chốt, gọi là *từ cơ cấu*, được phân tích trên mọi mặt thính giác và thị giác. Vậy là khác hẳn với cách dạy bắt đầu bằng nhận mặt các chữ cái abc, rồi chấp vần, v.v...

Được các giới giáo dục Hà Lan và đồng hương Việt Nam nhiệt tình ủng hộ, công trình của chị Minh và anh Thế cuối cùng đã ra đời và được Liên hiệp châu Âu tài trợ để thực hiện. Các tác giả bộ sách *Học kỹ đọc đúng* dự kiến năm 2001 sẽ giới thiệu bộ sách cho các cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

(Hoàng Phổ Quang, Tạp chí *Thế giới mới*)

TIN NGẮN

* Việt Nam dự định trong quý 2 năm nay sẽ khởi công xây dựng chiếc cầu dài nhất nước (12,4 km), bắc qua sông Hồng tại thủ đô Hà Nội. Đây sẽ là chiếc cầu thứ tư bắc qua sông Hồng, dự trù xây xong vào năm 2005. Trong dự án hiện tại cầu sẽ có 4 đường xe, nhưng chiều rộng của cầu cho phép trong tương lai đưa lên 6 đường. Kinh phí xây dựng cầu lên tới khoảng 410 triệu USD sẽ do Nhật cho vay nhẹ lãi.

* Hai tuần trước Tết, thủ tướng Phan Văn Khải ra chỉ thị cấm nhập các loại vũ khí đồ chơi. Theo chỉ thị thì bất kỳ loại đồ chơi nào nhằm kích thích tính hung bạo của trẻ em hoặc có thể nguy hiểm cho sức khoẻ sẽ bị cấm. Những nhà buôn xâm phạm luật có thể bị rút chiếu bài hoặc đóng cửa. Hiện đồ chơi Trung Quốc chiếm 90 phần trăm thị trường Việt Nam.

* Theo Văn phòng thường trực phòng chống ma túy, thuộc Ủy ban quốc gia phòng chống Aids và phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm, năm 2000, các lực lượng chức năng đã khám phá 10 300 vụ, bắt 19 500 đối tượng phạm tội ma túy. Tang vật thu giữ được bao gồm 60 kg hêrôin, 567 kg thuốc phiện, 2 200 kg cần sa, 119 465 ống tân dược gây nghiện...

* Ngày 15/1/2001, ca sinh thứ 200 bằng phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm tại Bệnh viện Từ Dũ đã thành công. Tỷ lệ thành công bằng phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm tại bệnh viện Từ Dũ đến nay đạt trên 35%, cao hơn một số trung tâm thụ tinh trong ống nghiệm trên thế giới. Trong số 200 bé chào đời bằng phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm, có 6 trường hợp sinh tư. Tất cả các trẻ em đều phát triển bình thường.

* Kể từ ngày 1/1/2001, Bộ Thương mại không cho phép các tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng nhập khẩu xe và phương tiện sử dụng xăng pha chì, trừ các loại xe và phương tiện thuộc phương án của các bộ quốc phòng và công an. Bộ công an chỉ cấp đăng ký cho xe và phương tiện thuộc các hợp đồng nhập khẩu ký kết từ ngày 1/1/2001 khi các chủ xe và phương tiện chứng minh được xe và phương tiện này sử dụng xăng không pha chì.

* VN, trạm chuyển tiếp cho người Trung Hoa xuất cảnh lậu ? Câu hỏi đã được tờ nhật báo South China Morning Post đặt ra khi một toà án VN tuyên án tù 8 phạm nhân về tội đưa 543 người Trung Hoa quá cảnh lậu sang Cam Bốt, cuối tháng 12 vừa qua. Theo tờ báo, đi lậu qua biên giới Trung-Việt là việc rất dễ dàng vì nạn tham nhũng trong công an biên phòng. Sau đó, từ Cam Bốt, việc kiểm giấy tờ giả để xin sang cư trú ở các nước phương tây dễ hơn nhiều là từ Trung Quốc. Mặt khác, ngay tại VN, cũng dễ kiếm giấy tờ giả để xuất cảnh.

* Cuối năm 2000, một lần nữa nhà cầm quyền TP Hồ Chí Minh lại đã tổ chức một cuộc đốt sách báo, văn hoá phẩm mà họ cho là “độc hại”. Theo ông Nguyễn Thành Tân, thanh tra trưởng của ty thông tin-văn hoá thành phố, sáu tấn sách báo, 6000 băng video, 5000 băng cát-xét, 51000 đĩa nhạc chủ yếu được nhập (lậu) từ Trung Quốc, có những nội dung “bạo động, kích dục và mê tín dị đoan”, đã bị huỷ.

* Tai nạn xe cộ đã làm cho 7 500 người chết trong năm 2000, tăng 12,4 % so với năm trước, tương ứng với số xe máy

tăng 14 % trong năm. Tổng số vụ tai nạn trong năm lên đến hơn 22 500, tăng 8,5 % so với năm 1999. Khoảng 64 % các vụ tai nạn liên quan tới xe hai bánh, và 80 % tai nạn có hai nguyên do chính là say rượu và tốc độ. Từ đầu tháng 9, nhà nước đã ra luật bắt buộc những người đi xe máy mang mũ bảo hiểm, nhưng trên thực tế luật chưa được thi hành.

* Bắt đầu từ ngày 1.1 vừa qua, chính phủ Việt Nam áp dụng chế độ “ một giá “ trong giao thông vận tải và các dịch vụ đối với Việt kiều và người thân (vợ, chồng, con, con nuôi, bố, mẹ) có quốc tịch nước ngoài. Khi mua vé hàng không, Vietnam Airlines yêu cầu Việt kiều xuất trình giấy tờ chứng minh nguồn gốc Việt Nam còn người thân thì xuất trình giấy tờ chứng minh liên hệ gia đình.

* Tháng 12 vừa qua, bốn đội bóng đá công an Thành Phố Hồ Chí Minh, công an Hải Phòng, Đồng Tháp và Nghệ An đã thi đấu giải bóng đá chuyên nghiệp đầu tiên của Việt Nam với thành phần gồm có một số cầu thủ thuê ở nước ngoài : 2 quốc tịch Pháp, 2 Liberia, 3 Uganda. Trong chiều ngược lại, đội công an Thành phố Hồ Chí Minh cho biết đã đồng ý chuyển nhượng một năm cầu thủ Lê Huỳnh Đức, tiền đạo số 1 của Việt Nam, cho đội bóng đá Lifan Hongda của Trung Quốc.

* Tổng cục Thống kê và Quỹ dân số Liên hiệp quốc vừa công bố kết quả dự báo dân số Việt Nam giai đoạn 1999 - 2024. Theo dự báo, số dân thành thị nước ta tăng từ 17,9 triệu người năm 1999 lên 31,8 triệu người năm 2024, bình quân mỗi năm tăng khoảng 556 nghìn người. Như vậy, tính tại thời điểm Tổng điều tra dân số ngày 1-4-1999 là 76,3 triệu người thì đến năm 2010 theo dự báo sẽ là 86,4 triệu người và đến năm 2024 là 98,9 triệu người.

* Ngày 2-1-2001, dịch giả Nguyễn Trung Đức (sinh ngày 27-7-1942) đã qua đời tại Hà Nội sau một thời gian lâm bệnh. Nguyễn Trung Đức đã chuyển ngữ các tác phẩm của những bậc thầy tiểu thuyết Mỹ La-tinh như Alejo Carpentier, Garcia-Marquez, của những nhà thơ và nhà tiểu luận vĩ đại như Octavio Paz và Luis Borges.

* Lần thứ hai, thủ tướng Tây Ban Nha (TBN) Jose Maria Aznar đã hoãn chuyến đi thăm chính thức Việt Nam, lần này vì thân phụ ông từ trần 3 ngày trước chuyến đi, dự định vào hai ngày 15 và 16.1.2001. Thủ tướng Phan Văn Khải đã gửi điện chia buồn tới ông Aznar. Chuyến đi thăm VN đầu tiên của một thủ tướng Tây Ban Nha lẽ ra đã thực hiện vào tháng 10 năm ngoái, song đã bị hoãn vì một vụ nổ bom tại Seville do tổ chức khủng bố ETA gây ra.

Tin giờ chót - Tin giờ chót - Tin giờ chót - Tin giờ

Diễn biến hoà bình ở... Philippines

Những cuộc biểu tình hoà bình ở Philippines đã buộc tổng thống Joseph Estrada, phạm tội tham nhũng, phải từ chức sau nhiều ngày kháng cự - và sau khi bị quân đội bỏ rơi -, nhường chỗ cho bà Gloria Arroyo, phó tổng thống.

Tất nhiên, những vấn đề của Philippines không vì thế mà bay đi như một phép màu, nhưng... chẳng hơn là đợi tức nước vỡ bờ hay sao ?

Thư Hà Nội

Thư trước tôi hứa viết về chuyện cung đình chuẩn bị đại hội IX. Hôm nay (12 tháng 1) Hội nghị Trung ương họp chưa xong, nhưng tiện chuyến thư qua Pháp, nên có gì viết nấy, nếu từ nay đến cuối tháng, có dịp, tôi sẽ viết thêm.

Dự đoán về triển vọng đại hội IX, thông tấn xã vỉa hè tóm tắt bằng hai chữ bắt đầu bằng I và X : **Íu Xiu**. Về nội dung các văn kiện, đúng là thế. Quan hệ đi quanh lại, vẫn “kiên trì chủ nghĩa xã hội”, vẫn “bốn nguy cơ”. Có chua thêm chút máu mào gà “dân chủ”, rắc tí “kinh tế tri thức” cho nó “hiện đại” thì cũng thế thôi. Tất cả chỉ là hoá mù để che đậy chuyện “nhân sự”, nghĩa là chuyện ai đi ai ở ai vào ai lên. Mà chuyện này thì không ỉu xiu chút nào, ngược lại khá căng, rồi còn căng nữa.

Đầu tiên là chuyện các “cố vấn của Ban chấp hành trung ương”. Các bạn còn nhớ, chế độ “đa thái thượng hoàng” đã được thiết lập từ đại hội VI (cuối năm 1986). Hồi ấy, đó là giải pháp thỏa hiệp để đưa ông Lê Đức Thọ ra khỏi Bộ chính trị, cùng với hai ông Trường Chinh và Phạm Văn Đồng. Mười năm sau, tại đại hội VIII, lẽ ra ba ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt rút ra khỏi Bộ chính trị để trở thành cố vấn, song việc “chuẩn bị đội ngũ thay thế” còn lẩn tránh, nên họ ở thêm nửa nhiệm kỳ. Nhưng ngay từ lúc đó, đã có một sự đồng thuận : sau họ, sẽ bãi bỏ quy chế cố vấn. Bởi vì, các ông “cố” nếu không vượt hẳn lứa người kế nhiệm một cái đầu, thì ít nhất về tuổi tác và quá trình hoạt động cũng là bậc trưởng thượng (nôm na là “sống lâu lên lão làng” như trong trường hợp cố vấn Võ Chí Công vô thưởng vô phạt). Chứ Bộ chính trị hiện nay, sần sần như nhau cả, còn “cố” gì nữa.

Câu chuyện cũng hợp lý, nhưng nó lại để ra một tình thế lưỡng nan cho vài vị, cụ thể là cho ông tổng bí thư Lê Khả Phiêu.

Cách đây một năm, tham vọng của ông Phiêu phình to tới mức muốn kiêm nhiệm cả chức chủ tịch nước, cho nó oai như Giang Trạch Dân bên Tàu [trong một chuyến bí mật đi Bắc Kinh, ông còn đề nghị với họ Giang là “*chúng ta sẽ gặp nhau định kỳ để trao đổi những vấn đề lớn như trước đây Bác Mao và Bác Hồ vẫn làm*”. Họ Giang không hiểu vì nghề nghiệp hay khinh thị, không thèm trả lời]. Để thực hiện mục tiêu đó, ông gạ ông Trần Đức Lương làm thủ tướng, đẩy ông Phan Văn Khải về nghỉ [ông này một phần vì ngăn ngấm những sự chống phá của bộ máy trong cuộc cải tổ, phần khác vì những lời đàm tiếu chung quanh đứa con trai bê bối, đã viết thư xin nghỉ]. Ông Phiêu thật là mắt to hơn bụng. Tham vọng của ông càng phô ra thì hình ảnh của ông từ cung đình ra vỉa hè càng sập sệ. Số người Thanh Hoá ông cất nhắc nhiều đến nỗi – người ta gọi là sự “Thanh Hoá hoá” – ông Đỗ Mười phải chửi toáng lên. Còn nhân dân thì sáng tác câu chuyện tiểu lâm mà có lẽ các bạn đã nghe thấy rồi : *cả tỉnh Thanh Hoá có phong trào đổi họ, Nguyễn, Trần, Hồ, Trịnh... thành Lê Khả hết ; chỉ có một người không chịu đổi, ai nói gì cũng khẳng khái giữ họ*

cũ ; người ta gắng hỏi mãi, anh ta mới nói : “Tôi đổi họ thì không tiện” ; cái gì mà không tiện ? “Bố mẹ tôi chót đặt tên tôi là... Ố”. Giới cung đình thì người ta kể cho nhau câu chuyện ông Phiêu sang Pháp gặp Việt kiều ở đại sứ quán, tới tiết mục tặng quà, tùy tùng đưa ông tắm thêu, ông giới thiệu : “*Đây là chùa Một Cột*”, tay cán bộ ghé tai nói nhỏ, nói đi nói lại mấy lần, ông mới nghe ra : không phải là chùa Một Cột, mà là cái nhà sàn Bác Hồ ! Từ cung đình ra vỉa hè, người ta đều nhất trí : từ 70 năm nay, chưa bao giờ ĐCS Việt Nam lại có một ông tổng bí thư tồi tệ như vậy. Sau cuộc đối đáp với Clinton, người ta còn thêm : “*nhục quốc thể*”. Trong cung đình, điều bất ngờ đối với ông Phiêu là một đòn nặng lại đến từ “*cố*” Anh. Để củng cố lực lượng, mỗi tuần một lần, tổng bí thư gọi điện thoại cho từng người trong số tư lệnh 17 sư đoàn quân đội ; không ngờ rằng những cú điện thoại này, qua báo cáo của Tổng cục 2, trở thành một sự phạm thượng, khiêu khích, vi phạm “*khu rừng cấm*” đối với Lê Đức Anh. Việc phải tới đã tới : tháng 10, ba ông cố vấn ký chung một lá thư, đánh giá Lê Khả Phiêu “*lãnh đạo yếu kém*”. Tháng 12, họ phát biểu còn nặng hơn trong một cuộc họp với Bộ chính trị, và tung ra một chương mới : người nào 70 tuổi trở lên không nên ở lại Bộ chính trị khoá tới.

Ông Phiêu, do đó, bị dồn vào thế cùng : ở thêm một khoá thì rất khó, rút ra mà không được làm cố vấn, nghĩa là không còn cương vị nào nữa, thì “*chúng sẽ không tha*”, bao nhiêu chuyện bê bối từ mấy năm nay sẽ bị khai ra hết, kể cả những viên thuốc Viagra mà ngài tổng đã hằng hái thử nghiệm. Mục tiêu phấn đấu trước mắt : ra sức vận động ở lại thêm được nửa nhiệm kỳ, 1/2 nhiệm kỳ này với 1/2 nhiệm kỳ tới, cộng lại cũng thành 1 nhiệm kỳ tổng bí thư. Tất nhiên chuyện này không giải quyết ở hội nghị trung ương, mà sẽ là enjeu đấu đá trong thâm cung những tuần lễ tới.

Các bạn sẽ hỏi : nếu mộng không thành thì sao ? Tôi không phải là thầy bói hay nhà ngoại cảm, nên chỉ xin đưa lại những tin hành lang Ba Đình : khả năng ngang nhau là Trần Đức Lương, Nguyễn Phú Trọng (ban đối ngoại), hàng ba là Nguyễn Văn An (ban tổ chức, ông này chắc khó, vì Lê Đức Anh chưa quên những lần bị ông An trực diện phản bác) ; còn ông Phan Văn Khải thì dư luận đều nhất trí coi như sẽ ở lại, hoặc giả sẽ làm chủ tịch nước, nhường chức thủ tướng cho Nguyễn Tấn Dũng. Bất luận thế nào thì những điều này không được bàn trong cuộc hội nghị trung ương kỳ này.

Đại hội IX sẽ họp vào cuối tháng 3. Hi vọng vở tuồng đại hội “*thật*” (họp kín và họp trước) rồi họp “*giả*” (để quay truyền hình) sẽ được tổ chức khá hơn kỳ trước. Các bạn còn nhớ, kỳ trước, đại hội VIII “*thật*” đã bầu ông Nguyễn Đình Tứ vào Bộ chính trị, ông Tứ chết (đau tim) rồi mới trình diễn đại hội giả. Những ngày trước đó, hai ông Lê Mai và Khoá cũng đột tử vì “*nhồi máu cơ tim*”. Còn một ông đại biểu Sa Đéc, xin miễn kể tên, cũng được nhắm vào trung ương, nhưng trong không khí hồ hởi, đã bị công an tóm quả tang tại một nhà khách, trong một cuộc “*quét sạch mại dâm*” chào mừng đại hội. Thế là ông bị ông Đỗ Mười đuổi về. Ca dao vỉa hè hồi ấy có câu rằng :

*Ba ông nhồi máu cơ tim
Một ông nhồi máu cơ chim, đuổi về.*

N.S.P.

**Bão tố trong chén trà :
thu hồi, in lại hàng chục ngàn
số báo Xuân Tuổi Trẻ**

Những ngày giáp tết, không khí toà soạn báo *Tuổi Trẻ* thật là âm ảm : số báo Xuân Tân Tỵ 2001 dày 58 trang in 120 000 bản vừa phát hành thì có lệnh thu hồi, phải làm lại trang 34. Tin “ nội bộ ” còn cho biết thêm : tết ra, “ cấp trên ” sẽ “ xử lý ”, và gần như chắc rằng một trong hai người chủ biên là Lê Văn Nuôi (tổng biên tập) và Huỳnh Sơn Phước (phó tổng biên tập) sẽ phải “ nhận nhiệm vụ khác ” [thật ra, từ hai năm nay, “ cấp trên ” đã có ý chuyển, nên đã “ tăng cường ” một phó tổng biên tập nữa là Dương Thành Truyền].

Chuyện gì đã xảy ra ở nơi trang 34 số Xuân Tuổi Trẻ ? Tốt hơn cả, chúng tôi xin đăng toàn văn bài báo đã bị “ hốt cắt đục ” trước khi có đôi lời bình luận :

“ Bước vào thế kỷ mới, thần tượng trong mắt giới trẻ là ai ? Tuổi Trẻ đã làm một cuộc điều tra ở 200 bạn trẻ chọn ngẫu nhiên, đủ thành phần : học sinh, sinh viên, công nhân viên chức, giáo viên doanh nghiệp, phóng viên... lứa tuổi 15-28 tại TP.HCM. Kết quả thật đáng ngạc nhiên.

*** 57 % bạn trẻ cho là cần có thần tượng** vì thần tượng giúp họ có một định hướng tốt cho cuộc đời và lấy đó làm mục tiêu hoàn thiện mình, giúp họ học hỏi những cái hay cái tốt.

Theo số này thì thần tượng của họ là :

- **Nhà chính trị** : chiếm tỉ lệ cao nhất 38,6 %. Chủ tịch Hồ Chí Minh chiếm 39 % (cao nhất), đại tướng Võ Nguyên Giáp (35 %) ; tổng thống Bill Clinton, nhà cách mạng Che Guevara (6,5 %) ; thủ tướng Phan Văn Khải, chủ tịch Fidel Castro, cựu tổng thống Nelson Mandela, Hillary Clinton (3,2 %).

- **Doanh nhân** (22,7 %) : Bill Gates (89,5 %), Matsushita, Võ Quốc Thắng (5,3 %).

- **Nhà khoa học** : 1,8 %.

- **Ca sĩ, cầu thủ, diễn viên, văn nghệ sĩ...** : 21,1 %, trong đó Maradona chiếm 29 %.

- **Cùng một lúc có nhiều thần tượng** : 15,8 %.

*** 43 % cho rằng trong đời sống của họ không nhất thiết phải có thần tượng** bởi lẽ với họ mỗi người đều có cái hay để họ học hỏi chứ không tôn sùng hay say mê cụ thể một ai. Họ không cần thần tượng nhưng vẫn chọn cho mình một người mà họ cho rằng có lẽ được họ mến mộ.

- **Nhà chính trị** : 16,3 %.

- **Nhà kinh tế** : 9,3 % (tất cả đều chọn Bill Gates).

- **Ca sĩ, cầu thủ** : 25,6 %.

- **Hoàn toàn không chọn ai** : 48,8 %.”

Trong bản in mới, kết quả cuộc điều tra (do 3 nhà báo Đặng Tươi, Kim Anh và Thi Ngôn thực hiện) chỉ còn vồn vẹn 19 “ đức tính ” được tuổi trẻ “ yêu chuộng ” (bản cũ “ đức tính được bạn trẻ đặt ra cho thần tượng kiểu mẫu của mình ”) : có đức (80 %), tài giỏi, thông minh (56 %), tự trọng cao thượng (36 %), yêu thương nhân loại, vị tha (33 %), biết hi sinh và chia sẻ (27 %), sống có lí tưởng, quyết đoán, bản lĩnh (25 %), trung

thành, chung thủy (24 %), ham học hỏi, cầu tiến (22 %), hoà đồng, vui vẻ, giản dị, gần gũi, được yêu mến (20 %), có cống hiến (15 %), có cá tính (14 %), nhìn xa trông rộng, có tài lãnh đạo, có chiến lược (13 %), thật thà (10 %), nổi tiếng, thành công (8 %), khiêm tốn, không ích kỉ (8 %), có ý chí vươn lên, vượt khó (8 %), tính dân tộc (5 %) và (bất ngờ nhất) : trẻ đẹp chỉ chiếm 4 % và giàu có chỉ 3 % ! ”. Ngoài ra, trong một khung cạnh bài, TT trích phát biểu của 4 bạn trẻ. Trong bản mới, chỉ còn 3. Lời trích của cô Liên Hương (lớp thương mại 21, ĐH Luật) bị đục bỏ : “ *Tôi không cần thần tượng vì thần tượng chẳng giúp ích gì cho tôi* ”.

Bình luận

1. Điều đáng ngạc nhiên là ban chủ biên Tuổi Trẻ đã quyết định tiến hành cuộc điều tra có tính cách chính trị. Đó là điều tối kỵ đối với chính quyền vì nó mở ra cái hộp Pandora mà chính quyền đang dùng hết sức nặng của mình để đậy chặt.

2. Theo thống kê học, một mẫu thăm dò, muốn có giá trị, phải có khoảng 1000 người, chọn một cách hoàn toàn ngẫu nhiên trong đủ mọi thành phần. Cuộc điều tra của báo TT thu hẹp trong 200 người, giá trị của nó tất nhiên là rất “ tương đối ”, cần xử lý một cách dè dặt như một thăm dò “ định chất ” hơn là “ định lượng ”.

3. Tuy nhiên, kết quả cuộc điều tra không “ đáng ngạc nhiên ” chút nào. Ngược lại, nó hé cho ta thấy 200 bạn trẻ nói trên tỏ ra rất lạnh mạnh. Lạnh mạnh trước hết ở thái độ từ khước thần tượng của non nửa (43 %). Trong số 57 % chọn thần tượng, số đông nhất (38,6 %) chọn thần tượng chính trị (hơn hẳn 22,7 % chọn doanh nhân). Đó là điều rất có ý nghĩa vì ở Việt Nam (cũng như ở Trung Quốc), sau một giai đoạn đầy xáo trộn chính trị, ai cũng biết là người dân, nhất là thanh niên, muốn lánh xa mọi chuyện chính trị. Không những thế, việc bộ máy của ĐCS mang “ tư tưởng Hồ Chí Minh ” để sơn phết cho chế độ, lẽ ra phải làm cho giới trẻ bị dị ứng cao độ, thì 39 % vẫn chọn Hồ Chí Minh. Điều đó chứng tỏ uy tín của chủ tịch Hồ Chí Minh, mặc dầu chính sách tuyên truyền thô bạo của chính quyền, vẫn còn rất cao. Cũng như uy tín của tướng Giáp, vì ông từ lâu đã bị loại ra khỏi giới cầm quyền thực sự nên không bị coi là có trách nhiệm trong những sai lầm và tội ác của chế độ.

4. Ngoài “ tội ” công bố một cuộc thăm dò cấm kỵ, báo Tuổi Trẻ còn mắc thêm “ trọng tội ” nữa : đó là sự thiếu vắng các “ lãnh tụ ” đương quyền (từ tổng bí thư Lê Khả Phiêu đến các cố vấn...) mà lại có thủ tướng Phan Văn Khải (thêm kẹt cho ông Khải).

5. Lệnh thu hồi số báo, một lần nữa, lại không đếm xỉa tới mạng lưới internet và sự giao lưu giữa Việt Nam và thế giới : trang 34 của số báo đã được phổ biến khá rộng rãi trên mạng. Điều khôi hài là một tờ báo Việt ngữ xuất bản tại California đã phấn khích tới mức trộn lẫn hai mục “ thần tượng chính trị ” và “ thần tượng doanh nhân ” với nhau, và tung ra một kết luận xanh rờn : Bill Gates (89,5 %) “ gần gấp ba ” Hồ Chí Minh (39 %). Tờ báo... hại quên rằng học sinh tiểu học cũng biết rằng 89,5 % trong 22,7 % là 20,3 %, còn 39 % trong 38,6 % là 15 %. Và học sinh lớp ba tiểu học cũng biết rằng không thể cộng 2 bát cơm với 3 mẫu bánh mì. Sự hấp tấp reo mừng của tờ báo nọ thật xứng đôi vừa lứa với sự khăng khăng cấm đoán của nhà cầm quyền.

P. Q.

Vietnam AD 2000

Nguyễn Giang

Việt Nam Năm Chúa 2000. Nhạc Giáng Sinh vang lên ở nhiều nơi trên đường phố. Trong nhà hàng Thủy Tạ bên hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội. Một buổi sáng, tôi từ khách sạn ra đó ngồi uống cà phê sau bữa sáng ở một hàng phở đầu Lý Quốc Sư. Trời còn sớm, sương trắng phảng phất mặt hồ. Gọi một cà phê sữa nóng ngồi nhìn sang đền Ngọc Sơn, vừa nhăm nháp vừa nghĩ không hiểu chất sữa trong cà phê có trái tính trái nết đánh nhau với bụng nước phở vừa ‘nhập nội’ hay không. Từ đó nhìn ra phía tay trái, xa xa đường từ đền Bà Kiệu chạy lên đầu Cầu Gỗ. Trên đường phố là những dòng người đi lại xa xa, xe đạp xe máy ồn ào. Hà Nội bắt đầu một ngày làm việc ra vẻ bận rộn. Bận quá mức cần thiết và ôn ã, mệt mỏi quá tâm vóc của nền kinh tế nhất là trong những giờ cao điểm ở những nút giao thông vào thành phố. Khi đó mới là khoảng 8 giờ. Bờ Hồ vẫn còn những cụ già hoặc những cụ chưa già lắm đi dạo buổi sáng hoặc hăng hái tập thể dục. Phía bên phải là tòa nhà của Bưu Điện với chiếc đồng hồ vuông vuông trước thật to, nay bỗng nhỏ bé hơn trước so với tòa khách sạn hay cao ốc gì đó tôi chưa kịp biết tên mọc lên từ đời ba năm rồi. Bài ca Giáng Sinh tiếng Anh vang ra từ đôi loa của quán. Cô phục vụ nhẹ hỏi cũng bằng tiếng Anh. Chẳng lạ khi bàn bên cạnh có mấy người nước ngoài. Nhưng tôi có cảm giác là lạ khi tiếng nhạc Giáng Sinh vang reo trong không khí đáng ra phải cổ kính, phải rất Việt Nam với bên kia là đài nghiên tháp bút Phương Đình Nguyễn Văn Siêu cho dựng để tỏ rõ cái tự hào của đất học Thăng Long. Cái sự học Nho Giáo bao thế hệ đã can dự vào. Tôi dùng chữ ‘can dự’ với một hàm ý tiêu cực, khi mà những cái hay của Nho Giáo đã chết từ lâu. Còn lại là chế độ khoa cử, đầu óc thủ cựu, thói từ chương và bệnh quan liêu vẫn rất nặng. Mỗi người Việt Nam có một ông quan ở bên trong. Thế giới thì đang chạy từng ngày về phía trước, một phía trước có nhiều điều vô định và mạo hiểm. Nhưng người Việt Nam xem ra sẽ không phải lo dính líu vào những trò mạo hiểm đó. Nào công nghệ di truyền, nào phần mềm phần cứng, những chú bé đánh giày ở đầu phố vẫn thềm thong nhìn những đôi chân của giới trưởng giả hay vài ông Tây ngố và nhăm ra “*đánh một đôi được 2 nghìn là no bụng một gói xôi sáng, hai đôi rưỡi là ngày lên hương một bát phở*”. Với rất đông người Việt Nam ăn uống, sinh hoạt vẫn là những nhu cầu thường trực. Việt Nam lại không có một khả năng con người và vốn liếng, quan hệ như Ấn Độ để xây dựng ra những ốc đảo *high-tech* giữa biển người đông đúc và nghèo khó. Và tôi, trong một thoáng thương tiếc đó, cũng dự tính sẽ làm một động tác vừa là cần thiết, vừa để tự trấn an rằng mình chưa mất liên lạc với một thế giới đi về phía trước kia. Vàng, tôi đợi đến 9 giờ thì ra một cà phê Internet gần đó để *check mail* và ‘lướt’ qua mấy trang *web*. Sau đó, chừng 9 giờ 30 tôi sẽ đến một làng ở ngoại thành, quan sát một nghề thủ công truyền thống đang vật lộn để tồn tại trước làn sóng hàng Tàu, hàng nội địa. Trong cuộc chơi đó, phần thua về bên nào thì ai cũng đã biết. Các vị chuyên gia gọi đó là toàn cầu hóa. Còn đối với những người

thợ hay nghệ nhân nghề đúc đồng, dệt đũi hay nung đồ gốm sứ thì nó có một cái tên dễ hiểu hơn và nhận định của họ cũng gây xúc động trực tiếp hơn “*É làm bác ạ*”. Tất nhiên, cũng có những người sống được, kiếm ra tiền, thậm chí làm giàu nhờ ngành nghề thủ công. Nhưng tôi sẽ kể chuyện đó trong một dịp khác.

Ỗ đò ông già Giáng Sinh

Ngồi trong nhà hàng Thủy Tạ tôi chỉ muốn hỏi cô phục vụ sao để nhạc Giáng Sinh chơi tự nhiên như vậy. Tuyệt đại đa số người Việt Nam có theo Thiên Chúa giáo đâu. Và ngoài đường, trên các hàng cây me, cây gù gù đó nữa vắt cành qua phố vẫn là các biểu ngữ đỏ màu cách mạng. *Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm, Chào mừng đại hội đảng bộ... Toàn dân nghiêm chỉnh chấp hành luật giao thông v.v.* Nhưng tôi bỗng hiểu ra thế nào là tính hỗn dung văn hoá của người Việt. Nói nôm na là tính dễ dãi, vô nguyên tắc. Nói cho hay là cởi mở trước ảnh hưởng nước ngoài. Nhà hàng Thủy Tạ chơi nhạc Giáng Sinh vì có khách nước ngoài, như trong các quán cà phê ở các khách sạn cao sừng sững, ngạo nghễ trưng bộ mặt bóng nhoáng kính (chứ không phải mờ). Nhưng đó chơi, hình ông già Noel, đồ như cờ đảng cũng có mặt ở mọi nơi. Bọn trẻ nô nức chuẩn bị Giáng Sinh. Nhớ hôm vào Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), kế bên Nhà thờ Đức Bà là một dãy hàng bán thiệp Giáng Sinh, bán chui, bán chạy như một loại chợ cóc. Chỉ một thoáng buổi chiều thôi. Chính thức là không được. Không phải vì lý do tôn giáo mà đơn giản vì không có giấy phép kinh doanh và nói thế cho to chứ đó chỉ là một dãy mươi chiếc xe đẩy, xe đạp của những người bán dạo không được công an hoan nghênh. Người Việt Nam đã điem nhiên, thản nhiên và tự nhiên vui Giáng Sinh. Một giảng viên Đại học Văn hoá Hà Nội còn nói với tôi : “*Ngày Giáng Sinh đẹp và vui chẳng kém gì mừng Một Tết. Có làm sao đâu*”.

Chuyến về Việt Nam của tôi trong nửa đầu tháng 12 năm 2000 là một chuyến đi thú vị, bổ ích và hiệu quả. Thú vị vì được dịp chứng kiến một xã hội đổi thay nhanh chóng, với tất cả các biểu hiện hay và dở của một nước đang phát triển, phát triển theo nghĩa thực chứ không phải là ‘*developing country*’ theo cách gọi mới, bớt xúc phạm mà người ta dành cho các nước từng mang tên ‘thế giới thứ ba’. Thú vị vì có dịp đem những kiến thức xã hội học học được từ một nước chuyển đổi thể chế từ cộng sản sang dân chủ tư sản là Balan để chiếu vào Việt Nam, một nước cộng sản đã ngả màu nhưng chưa đến được đầu cầu dân chủ và tư sản. Bổ ích vì là người Việt ở xa nước lại được dịp sống với xã hội vốn là của mình, sửa đổi lại không ít những suy nghĩ trước đó về xã hội Việt Nam, nhưng cũng khẳng định lại không ít những điều, những giá trị mình tin là đúng. Bổ ích hơn nữa vì kinh nghiệm của hai tuần sống ở Hà Nội, TPHCM, ở nhà, ở khách sạn, ở chỗ bạn bè v.v. có giá trị không gì thay thế nổi về cách nhìn nhận cuộc sống riêng tư, đường đời và lý tưởng. Và quan trọng hơn cả là tôi tự thấy mình đã cảm được không khí của những nơi tôi đến, bắt được ít nhiều ý nghĩ của những nghệ nhân, những người thợ tôi gặp, dù ở Bát Tràng, Ninh Vân, Đông Kỵ, Ngũ Xã hay giữa Hà Nội. Tôi phần nào hình dung được một xã hội Việt Nam rộng hơn giới quen biết có sẵn là bạn bè, các công chức, quan chức, một số trí thức, văn nghệ sĩ.

Cảm giác chung về Việt Nam năm nay là vui vui pha lẫn lo lo. Lo không phải vì một đồng chí trung tá công an đến thăm đúng một giờ sau khi tôi về đến nhà. Lo là vì thấy khả năng tiến bộ của một dân tộc tuy đã được bộc lộ nhưng có cái gì đó còn chưa xứng đáng với tham vọng của chính những người sống trong nước. Nói trắng ra là người Việt Nam muốn nhiều nhưng trình độ và khả năng chưa có bao nhiêu, dù ai cũng biết là người Việt Nam ta có tài. Nhưng nhiều thứ tài trái ngược nhau quá nên một xã hội đang có trước mắt đây là một đám đông vô kỷ luật, chạy theo những mục đích cá nhân ngắn hạn. Đường phố Hà Nội là một ví dụ đầy hình ảnh cho xã hội Việt Nam và thậm chí, cho cả nền chính trị. Những giờ cao điểm phố đông đặc người đi xe máy, xe đạp và cả ô tô. Đa số người Hà Nội đã đi xe máy, tức là nhanh hơn nhíp xe đạp xưa kia. Nhanh hơn trước nhưng cũng loạn hơn trước và xét đến mục đích cuối cùng thì cũng chẳng nhanh lắm. Hàng vạn chiếc xe máy đua nhau đi, tranh nhau từng khoảng không gian để luôn lách khi chạy, để đặt chân chổng khi dừng. Thành ra tốc độ chỉ 30-40 km một giờ mà thôi. Vì tranh nhau đường nên thường xảy ra tai nạn. Vì lấn nhau nên cũng chẳng ai đến đích trước hẳn. Tất cả cùng chậm lại. Nghệ thuật đi xe máy cũng là nghệ thuật sống của người Hà Nội. Phải đoán ý trước xem người đi ngược chiều, người đâm ngang sẽ làm động tác gì, sẽ rẽ bên nào và với tốc độ bao nhiêu. Đoán ý người đối thoại sai hay đưa tiền không đúng cửa là mất, là thiệt, lại còn bị chửi là ngu. Đường phố có đèn đỏ nhưng người ta coi đó là một thứ xa xỉ phẩm (như dân chủ ?) mới chỉ dành cho dân đi ô tô, còn đa số không chấp hành. Bất cứ lúc nào cũng có những kẻ đi ngược dòng, vì như thế sẽ tiện hơn để rẽ vào ngõ, vào ngách. Chú ý ! Một số khu nhà ở quận Tây Hồ có tên đường là Ngách số X, số Y. Không phải ngõ mà ngách. Ngóc ngách, vòng vèo và không tiết kiệm thời gian của nhau.

Tí Tây Tí Ta

Bức tranh Việt Nam thể hiện ra những màu sắc trái ngược nhau, vừa điển hình cho một xã hội đang thay đổi, tìm đường, không khác mấy những nước ở Đông Âu lỡ chuyến tàu cải tổ toàn diện như Rumani, Bulgari, các cộng hòa thuộc Liên Xô cũ nhưng cũng rất riêng cho Việt Nam, nơi mà quá khứ hàng trăm năm chưa có dịp gặp gỡ thế giới. Cách cư xử của con người là cái nhiệt kế của những giá trị và tình cảm bên trong họ, những mâu thuẫn của một xã hội, một thế hệ hoặc vài ba thế hệ. Người Việt Nam hiểu phải hội nhập, phải học tập để tiến bộ, nếu không sẽ thua thiệt nhưng đa số chưa biết phải bỏ cái gì khỏi hòm, rương cũ kỹ trong nhà để mua về đồ mới. Hoặc là họ vứt luôn các hòm rương đó ra đồng rác và rước về mọi thứ theo tiêu chuẩn cứ thuộc G7 là tốt – nói như lời một cán bộ đã đi nước ngoài nhiều. Hoặc là bản khoán rất lâu đến mức nửa tin nửa ngờ không biết những đồ Tây đem đến có SIDA hay không, hoặc thôi cứ tí tí Tây, tí tí Ta cho chắc. Trong một phóng sự về các ngôi nhà mới *Sự lựa chọn hợp lý*, đài truyền hình Việt Nam (VTV3) đã phỏng vấn rất nhiều kiến trúc sư, cả trẻ cả già ở Hà Nội để hỏi ý kiến về các mẫu nhà mà đa số những người có tiền xây lên thời gian qua. Câu trả lời của họ là chưa có một mô hình gì đảm bảo được tính chất Việt Nam, không nói là để phù hợp truyền thống chung chung mà để nhà được thông thoáng, có nhiều ánh sáng, đủ độ ẩm, độ mát thích hợp với khí hậu, thời tiết nước nhà. Các căn nhà

được xây đa số theo sở thích muốn mới, muốn hiện đại nhưng ‘*có cái gì đó dân tộc*’ của các ông bà chủ. Dân tộc tính có khi là mái đầu đao như đình chùa, biểu hiện một ham muốn về bản sắc chưa tìm ra hay chưa tìm lại được.

Nhà cửa là thế. Còn các hệ giá trị khác cũng không kém phần phức tạp. Chưa nói đến những người ít học, mà ngay lớp cán bộ có chức có quyền cũng đầy ắp những tư duy ‘*cổ quái*’. Đa số thích hiện đại nhưng cái con người trần trụi thì vẫn để đầu óc nơi làng quê họ xuất thân. Nhưng người Hà Nội không ai bị kịch hoá vấn đề vì chuyện nhà ai nghe cũng có chút hài hước. Một cán bộ cỡ lớn ở một ngành đi nước ngoài ‘*hơi bị nhiều*’, tuổi đã 50 và mới có bằng tiến sĩ đột nhiên bỏ vợ và hai con gái mà một cô sắp lấy chồng. Tiêu chí ông ta muốn đạt được để cuộc đời có ý nghĩa trọn vẹn là phải để cho được một quý tử. Người vợ sau, trẻ hơn rất nhiều lại cho ra đời một ‘*vịt gười*’. Ông tiến sĩ gọi điện cho một người bạn thân thờ “*Nhà em lại sinh con gái anh ạ*” và được câu an ủi “*Thôi thì cậu cố để đứa nữa, nếu cũng con gái thì hoá ra là ‘tứ nữ bất bản’*”. Chắc chắn cái bằng tiến sĩ của ông không phải ngành y vì ông hình như không chịu biết rằng để con trai hay gái không phụ thuộc vào người vợ. Hay ông lấy vợ mới để đồng nghiệp và các đơn vị liên quan có dịp ‘*được mời phải đi ăn cơm giá cao*’ ? Có trời mà biết.

Đi Chùa Thầy

Sự nhùng nhùng trong quan điểm mới cũ đó, nhìn rộng ra hệ thống nhà nước, thì rõ ràng là một vấn đề nghiêm trọng hơn so với chuyện lấy vợ mới, có bỏ bịch hay xây nhà nhớ nhàng. Cụ thể là Việt Nam cần cải tổ ngay lập tức hai ngành giáo dục và y tế. Chưa cần nói đến chiến lược ‘*xây dựng con người*’ – không con người mới XNCN mà chỉ con người bình thường – thì cách vận hành của hệ thống giáo dục là nỗi đau kinh tế cho hàng vạn gia đình. Ở nông thôn, bán đi cả vụ lúa chưa đủ tiền cho con ra thành phố một chuyến luyện thi đại học. Tầng lớp thị dân có tiền cũng không thoả mãn, thậm chí bất mãn trước tình cảnh con cái phải đóng phải nộp đủ thứ khoản mà chữ nghĩa cũng chưa ra đầu vào đầu cả. Chưa kể trẻ con từ bé tí đã phải học vô vàn loại trường, sáng công chiều tư, tạo ra một gánh nặng tiền bạc và nỗi lo an toàn xe cộ cho bố mẹ. Riêng chuyện đưa đón con cái đi học hàng ngày đã là một công việc tốn thời gian, xăng dầu cho từng gia đình. Mà đóng tiền vào trường giỏi, trường điểm từ cấp tiểu học không có nghĩa là chất lượng học hành và sự chăm sóc của thầy cô được tử tế. Con gái của chị tôi năm nay 6 tuổi, sáng học một trường công chiều học một trường nữa ở cách nhà chừng 5 km. Trường nằm ở trung tâm Hà Nội, bố mẹ sáng đưa con đến trường, chiều đón về. Một hôm đến đón không thấy con đâu, cô giáo cũng đã về rồi. Cuống lên chạy đi tìm thì thấy cháu ngồi thu lu trong một cái cổng gần trường. Hoá ra lớp tan sớm, cô giáo hết giờ không muốn chờ lâu đã dẫn cháu đến bỏ ở đó để về nhà. Cả nhà được một phen hết vía. Hỏi thế có đến nói để lần sau họ không làm như vậy nữa thì được trả lời là nếu có nói thì cũng phải lựa lời để cháu không bị cô trù. Đó là chuyện trẻ nhỏ. Còn với thanh niên thì cũng tương tự. Một cô sinh viên kể : “*Hồi năm thứ nhất nghe bọn năm trên hỏi ‘Đã đi chùa Thầy chưa ?’ em ngày thơ nói rằng quê Hà Tây lạ gì chùa Thầy. Chúng nó*

cười cho bảo đi chùa thầy là lẽ thầy. Năm nào cũng thế, như phong trào”.

Tình trạng trong các bệnh viện thì còn tồi tệ hơn nữa. Bệnh viện tiếng là công nhưng thực thì như nhà riêng của bác sĩ và y tá. Một cán bộ nhà nước nói “*Họ như những con gấu trong rạp xiếc, bỏ viên đường vào miệng mới động chân động tay*”. Những viên đường ở đây là vài chục đến thậm chí vài trăm nghìn đồng. Tiêm có tiền cô y tá vừa tiêm vừa gãi gãi, hỏi thân ái “*Có đau lắm không?*”. Không có tiền cô tiêm cho ngoài ven, đau giãy người lên. Ở một bệnh viện quân đội có cảnh chính ông đại tá bác sĩ, cựu trưởng khoa vào nằm ở chính khoa mình cũ nhưng không có tiền nên chẳng được ai chăm sóc. Ông tự bò ra ngoài mua thuốc về chữa, gặp người tiêm thuốc, đau quá thì nghiêng răng bấu vào thành giường. Có trường hợp bệnh nhân đang lúc truyền máu cũng bị ngưng và giường bị đẩy ra hành lang để lấy chỗ cho bệnh nhân khác đưa nhiều hơn. Vài tuần sau người kém may mắn đã chết. Nhiều người ở Hà Nội nói với tôi là họ sẵn sàng trả tiền nhiều để được chạy chữa tử tế, trả đảng hoàng chứ không phải cảnh đi một bước là phải đưa tiền, “*vừa đếu đếu, vừa nể nể*”. Mà đưa tiền nhảm người coi như mất toi. Vấn đề thật nghiêm trọng nhưng chưa ai nói đến chuyện tư nhân hoá dịch vụ y tế dù trên thực tế nó đã được ‘thị trường hoá’ theo nghĩa *thị là chợ*. Trong TPHCM đã có cơ sở y tế tư nhân, đắt nhưng không mất nhân phẩm và nguy hiểm như ngoài Hà Nội.

Một chính trị gia Phương Tây xưa đã nói “*Mọi bí quyết là ở sự thi hành*”. Bộ máy nhà nước Việt Nam từ lâu đã không còn tính cách mạng, chỉ đơn thuần là một hệ thống quan liêu nặng nề, công kênh và càng gần dân càng những nhiều. Có thể nói rằng các nhà lãnh đạo ở cấp cao thừa hiểu tầm quan trọng của vấn đề. Những kế hoạch cải cách bộ máy hành chính đã được đưa ra nhưng càng xuống dưới nó càng mất đi hiệu quả. Cấp bộ là cấp đi nước ngoài nhiều, giao dịch với những cơ quan quốc tế thường xuyên, hợp hành với ASEAN liên tục nên tiếp nhận thông tin khá nhanh và con người cũng cởi mở và dân chủ hơn trong cách nghĩ. Nhưng cấp địa phương, nhất là phường xã thì tệ hại hơn nhiều. Có người muốn chuyển hộ khẩu từ một quận trong nội thành Hà Nội sang một quận khác cũng trong nội thành đã được gợi ý là “*Đưa 100 nghìn thì chỉ mất một buổi*”. Nhưng đương sự tự cho mình là người đứng đắn nên đã thử ‘nghiêm chỉnh’ xem sao. Hậu quả cho niềm tin đó là vài tháng đi lại, tổng cộng 14 lần lên phường xuống quận, nhiều đêm mất ngủ để viết lại đơn từ. Có những tờ đơn yêu cầu khai rõ mọi chỗ đương sự đã từng cư trú. Cô cán bộ phường tuổi nhỏ hơn con ông ta nghiêm nét mặt :

– Ai bảo bác viết đơn thế. Bác về viết lại tuân sau đem lên nhé. Không phải khai tất cả những chỗ từng cư trú từ nhỏ mà chỉ từ năm 15 tuổi trở lên.

Với một người ngoài 60 thì việc nhớ thời gian ở và những nơi từng sống trong bao năm chiến tranh, thuyên chuyển công tác quả là một phép đánh đố. Nhưng qua được bước ấy bỗng nhận được một nụ cười nhạt nữa :

– Vãn sai. Mời bác về viết lại. Sao vẫn địa danh ấy mà mỗi đoạn bác viết tên một tỉnh khác nhau ?

– Thưa cô, đây đâu có phải lỗi của tôi. Đúng là vẫn một nơi đó nhưng ông nhà nước đổi tên, nhập tỉnh tách tỉnh bao nhiêu lần thì nó mới ra thế.

Đi đón Lê Khả Phiêu : 10 000 đ

Những cuộc gặp đại loại như vậy kéo thêm đủ thứ giấy tờ, từ bản thiết kế ngôi nhà đến chứng nhận hôn nhân chỉ để cho một việc là nhắc tập hồ sơ từ quận A sang bỏ vào ngăn kéo quận B. Chưa nói đến hộ khẩu vốn là sản phẩm của những chế độ chuyên chế mà Lenin từng sử dụng như một phương thức quản lý con người khi chính quyền Xô Viết ra đời thì bệnh cửa quyền đã thành một thói quen ở các cấp phường xã. Nó đè nặng lên cuộc sống của người dân, làm mất thời gian của toàn xã hội và tạo cơ hội cho các quan ông quan bà những nhiều. Nguy hiểm hơn nữa, nó tạo ra một tình trạng bất an toàn diện ở mọi chỗ, mọi cấp. Vì luật pháp có quá nhiều loại chông chéo lên nhau nên sức mạnh của nó chỉ còn tùy vào độ ‘thiêng’ của từng người, từng cơ quan. Một người dù có chức có quyền ở một chỗ nhất định nhưng sang một chỗ khác, vùng khác là phải ‘chịu phép’ của thổ công nơi đó. Một cán bộ tham nhũng được tiền ở chỗ làm của mình nhưng dính vào một cửa quan khác là phải ‘nhả’ phải ‘nộp’ mới được việc. Trước đây mấy năm quen biết còn có giá trị nhưng giờ thì quen mới chỉ là cách để đưa tiền dễ hơn và may ra ít hơn. Cơ quan nhà nước nào cũng to nhưng chỉ ở một lĩnh vực thôi, sang một chỗ khác bỗng bé bỗng, hèn kém. Có lẽ chỉ trừ Bộ Chính Trị và Trung Ương, còn các cơ quan đảng cũng ở vào tình trạng đó. Ngay trong một cơ quan nhà nước đến đi họp phổ biến nghị quyết mới cũng phải có phong bì. Nếu không có tiền giải thì chỉ có đám ba người đến nhìn nhau loáng thoáng mấy phút rồi ai cũng ‘bận lắm’, ‘phải đi ngay có việc’. Nghe nói họp như vậy bỏ rở cơ quan cũng phải 50 nghìn đồng cho mỗi cán bộ đảng viên. Thậm chí đối với học sinh dự mít tinh cũng phải có chút chút bồi dưỡng. Một cháu 10 tuổi nói với mẹ : “*Ngày mai trường cho con đi đón đại biểu Lê Khả Phiêu*”. Bà mẹ hỏi : “*Thế con có biết đại biểu Lê Khả Phiêu là ai không?*”. “*Chắc là người trên Sở Giáo dục xuống*”. Đi về, cháu ngoan ngoan đưa cho mẹ 10 nghìn đồng : “*Đây, người ta trả công*”.

Cụ Ram Cao thật là siêu

Vấn về cải cách bộ máy hành chính thì báo chí đã nói nhiều, các tệ nạn đã được nêu tên, các tấm gương tốt được khen ngợi, hành vi xấu bị lên án. Nhưng cái gọi là đổi mới tư duy hình như chưa thoát khỏi vòng Kim Cô của quan điểm về con người xã hội chủ nghĩa. Nói ngắn gọn thì toàn bộ xã hội Việt Nam có một quan niệm sai lầm về con người. Hệ thống định nghĩa mọi người là xấu, là đáng ngờ và nhiệm vụ của cơ quan nhà nước – hay ít nhất các cán bộ nghĩ họ có nhiệm vụ đó – là truy xét ra những gian dối của dân chúng, lột mặt nạ kẻ xấu và họ cần được giáo hoá, được cải tạo để trở thành tốt hơn. Chính quan niệm này đưa đến chỗ tha hoá của con người. Người dân có trách nhiệm phải chứng minh mọi hành vi của mình là đúng. Hệt như một câu nói người Balan dùng để chỉ quan hệ quan với dân dưới thời cộng sản ở Đông Âu là : “*Đương sự hãy tự chứng minh mình không phải là hươu cao cổ*”. Khi giải quyết bất cứ việc gì, người dân bị đặt vào thế phải trình, nộp muôn vàn loại giấy tờ để chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp lý. Nhiệm vụ của cơ quan nhà nước, của cán bộ là lật tẩy, là đòi cho ra những thứ giấy có thể đòi được. Giấy thì nhiều, sức người có hạn nên kết cục bao giờ cũng là hành vi đóng vai phụ mẫu ban phát, thông cảm, người dân ra

về vừa toát mồ hôi vì đã thoát hiểm, vừa rung rung xúc động trước tình cảm của cán bộ. Tuy nhận thức của các nhà lập pháp đã khác, và từ năm 1999, luật kinh tế Việt Nam đã công nhận nguyên tắc có từ ngàn xưa của luật La Mã : “ *Những gì không cấm tức là được phép* ”. Nhưng từ trên xuống dưới vẫn còn vạ dậm của sự thi hành. Báo chí gần như ngày nào, tuần nào cũng tố cáo ra những chuyện những lạm, những điều ngôn ngữ mới gọi là ‘bất cập’ nhưng tác dụng xem ra còn rất ít. Một vị trí thức nói với tôi : “ *Cụ Nam Cao thật là ‘siêu’. Để cho thằng Chí Phèo chửi cả làng Vũ Đại nhưng ai cũng nghĩ là nó không chửi mình* ”.

Trước câu hỏi vì sao một hệ thống như vậy vẫn tồn tại được một cán bộ trả lời : “ *Vì nó là con tàu chung, ai cũng bầu vào để sống, để nó chìm thì chết cả* ”. Ước tính có cả thảy 11 triệu người ‘bầu’ vào ngân sách dưới những hình thức khác nhau. Thời Pháp thuộc, mỗi làng chỉ có hai kẻ ăn tiền công là lý trưởng và trương tuần mà đứng ra là họ ăn tiền thu từ thuế của dân. Nhưng sau bao năm phình to, một làng giờ có ít nhất là 10 nhân vật ăn lương, từ chủ tịch, bí thư, công an đến thanh niên, phụ nữ v.v... Dù lương họ không nhiều nhưng cũng là một gánh nặng trực tiếp cho ngân sách và gián tiếp là người dân đóng thuế. Con tàu nhà nước tuy đã thủng lỗ chỗ nhưng không ai muốn nó chìm. Vấn đề không phải là lo một cuộc nổi dậy của dân chúng mà đơn giản là vì có quá nhiều người thừa, chẳng có trình độ gì từ quản trị đến kỹ thuật. Chỉ biết mỗi một nghề là làm cán bộ, nếu bỏ nhà nước hay trong trường hợp chế độ cải tổ triệt để thì họ biết làm nghề gì để sống ? Bám vào nhà nước còn có chỗ đứng chân trong chân ngoài. Dù không mặn mà vì với đảng và chính phủ nhưng làm cán bộ vẫn hơn làm dân. Có tí quyền chức vẫn sống được, liêu thì tham nhũng được tiền to, nhất thì tìm ‘cửa’ nào đó kiếm ít ít mà sống. Làm cán bộ có quan hệ nên ít nhiều cũng giúp được vợ con. Không nói đến chuyện sợ bị trả thù, nếu dân chủ thực sự, người dân được bầu chọn ra các vị lãnh đạo thì những người không có tài lãnh đạo sẽ thất nghiệp. Mà thất nghiệp thì chẳng ai thích. Thế nên cứ bám. Ở Hà Nội tôi nghe được mấy câu ca dao mới nói về giới cán bộ, phản ánh văn hoá chính trị khác nhau ở ba vùng :

*Hà Nội thì lắm thằng điên
Trong túi đầy tiền lại nói rằng không
Suốt ngày chỉ chạy lông bông
Thuộc lâu nghị quyết nhưng không làm gì
Chỉ được cái giới súc ì
Bao nhiêu nghị quyết, nghị quyết gì cũng thông*

*Nghệ An thì lắm thằng khôn
Nó đi cửa trước nó luôn cửa sau
Nghị quyết thì thuộc lâu lâu
Nhưng chỉ áp dụng những câu nó cần*

*Sài Gòn thì lắm thằng sang
Nó ăn như phá, nó làm như điên
Trong túi thì luôn đầy tiền
Vừa cưới chị một tính liền chị hai
Suốt ngày chỉ nhậu lai rai
Có một nghị quyết học hoài chẳng thông*

Trong một thế giới đổi thay, tỉ lệ dân số khác xa trước kia với số thanh niên ngày một đông, mang những ước vọng khác

xa thế hệ cha mẹ họ, bộ máy chính trị Việt Nam vẫn hoạt động theo mô hình cũ là hô hào vận động quần chúng theo phong trào, quản lý dân qua bằng những tổ chức ngoại vi của đảng. Quan hệ xã hội đã bị ‘chợ hóa’ hoàn toàn nhưng vị trí của đồng tiền vì không được đặt đúng chỗ nên nó đóng một vai trò lệch lạc, không kiểm soát được và cũng chẳng thực sự điều hoà quan hệ kinh tế. Xương sống của chính trị vẫn là các phong trào dù sự mặn mà của dân chúng không còn. Luật pháp tuy đã có nhưng chỉ được hiểu và áp dụng như một thứ phụ trợ cho các cuộc vận động. Ví dụ đơn giản là luật giao thông. Đường phố đầy biển ngữ kêu gọi người dân hưởng ứng khẩu hiệu An toàn Giao thông. Cảnh sát tung ra những đợt kiểm soát xe cộ ngặt nghèo, phạt nặng những người vi phạm. Nhưng cũng chỉ được từng đợt, không nhất quán, không kiên trì nên tạo ra một tâm lý nguy hiểm là coi thường luật pháp và cơ quan thi hành luật. Một người lái taxi nói với tôi : “ *Khi người đi xe đạp, xe máy sai rõ ràng, nhưng cảnh sát vẫn bắt lỗi người lái xe hơi* ” theo kiểu “ *Nắm thằng có tóc, không bắt kẻ trọc đầu* ”. Cảnh sát biết rằng nếu bị giữ xe dù chỉ vài giờ thì người lái taxi phải chi tiền để được thoát dù đúng lý, bởi không có xe chạy, anh ta sẽ phải móc tiền túi ra bù cho công ty. Cách bắt bí này là một ví dụ khiến luật không thực hiện được và cả bên sai lẫn bên đúng đều coi thường luật và tìm cách ‘giải quyết’ theo lệ.

Đại hội IX = Ứu Xiu

Tâm lý chung là chán nản trước hiện trạng xã hội. Gặp ai cũng được nghe câu “ *Tình hình sẽ phải khác đi* ” với một hy vọng là đời con mình sẽ được sống trong một xã hội tử tế hơn. Nhưng chỉ hy vọng suông thôi, còn trên thực tế ai cũng tiếp tay cho nó tồi đi. Chính vì không có một hệ thống bảo hiểm xã hội khả dĩ nên người ta chỉ lo kiếm chác, vợ vét, lo ám thân. Về hưu, hết chức quyền là hết tất cả. Về hưu bạn bè cũng chẳng đến thăm nữa. Quà cáp chẳng còn ai biếu. Lúc đó chỉ còn các bạn tổ hưu vừa bất mãn vừa sĩ diện để họp, để chén trà điếu thuốc qua ngày. Con người đối xử với nhau tệ bạc. Cả một hệ thống đối xử với dân tệ bạc, với chính những cán bộ của mình cũng tệ bạc. Nhìn về tương lai thấy bất an. Chỗ dựa tinh thần bỗng mất đi đâu. Người ta đua nhau tin vào thế giới tâm linh, phong thủy, bói toán. Không khí sặc mùi Lê Mật. Chuyện làm ăn, lừa đảo, chuyện đồng cốt, gọi hồn nghe như đọc lại *Vũ trung tuý bút* hay *Tang thương ngẫu lục*. Thậm chí tôi còn được hầu chuyện mấy vị chuyên xem đất, hướng nhà cho không ít cán bộ cỡ tại Hà Nội. Họ nói từ chuyện thoái khí, sinh khí của Việt Nam thời nay đến chuyện bảo tàng Hồ Chí Minh nằm không hợp với “ *Tả thanh long, hữu bạch hổ* ” trong thế tương quan với Lăng Hồ Chủ Tịch. Rồi chuyện thần núi Tản Viên, chuyện Trung Quốc muốn phá những long mạch ở quanh Hà Nội.

Còn nền chính trị vẫn đi theo một quy luật riêng, con đường riêng với những cột mốc là các kỳ đại hội đảng. Sau Tết Con Rắn tới đây, đảng sẽ họp đại hội lần thứ IX. Thông tấn xã vỉa hè Hà Nội đã tán thối ngay rằng IX nghĩa là Ứu Xiu, sang X mới là một ẩn số (x), nên đừng có vui vội.

Nguyễn Giang

Tết, nhớ

Nguyễn Lộc

Đến bây giờ, Tết hình như chỉ còn đáng nhớ đối với tôi là Tết của những năm tôi chưa đầy mười tuổi, lúc mà một phần khá lớn của thành phố Sài Gòn vẫn còn thừa thớt dân cư, chỗ tiếp giáp giữa thành thị và thôn quê chưa phân định rõ nét. Ngôi nhà của gia đình tôi vẫn còn là căn nhà mái ngói, vách ván, nền đất chen gạch Tàu ông ngoại tôi dời từ “quê” xuống “chợ”. Mạch nối giữa chợ và quê là những chuyến xe thổ mộ và những chuyến xe bò chậm rãi, thong dong...

Bà con trong xóm là dân tứ xứ tụ về. Góc gác gần thì có Gia Định, Bình Chánh, Bình Điền, Tân An, Gò Công,... Xa hơn chút nữa, Tây Ninh, Bến Tre, các tỉnh Hậu Giang. Tha phương cầu thực thì có những người dân xứ Bắc vào Nam; thế hệ đầu làm nghề cạo mủ, giờ con em bán phở, lập tiệm hớt tóc, tiệm may, ... Thật sự tha phương, là những “chú, thiếu” từ mãi đâu Hải Nam, Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu,... mang theo những nghề thủ công, trồng trọt, mua ve chai lông vịt, bán tiệm “chạp phở” (tạp hoá), và những thức ăn uống “đặc sản” mang theo từ quê hương gốc.

Tết có thể bắt đầu khá sớm với người lớn. Ngoài những mua sắm, lo toan mà lũ trẻ con chúng tôi lúc ấy chưa hề hiểu như là một gánh nặng cho những người làm cha mẹ, Tết bắt đầu với việc ông Ngoại tôi đem bộ lư đồng ra phơi trước sân đầy nắng. Chỉ các cậu tôi mới đủ lớn để ông tôi tin cậy giao cho việc đánh bóng bộ lư. Tôi và các em tôi chỉ được quyền xán rần, xem người lớn làm việc. Mùi thuốc chùi đồng, sau nhiều năm tháng, đã đủ thấm sâu vào ký ức đơn sơ của tôi lúc ấy như mùi hương báo hiệu của Tết. Cái màu lư đồng vàng choé dưới nắng là màu của năm hết, Tết đến. Chùng ấy cũng đủ cho cho tôi náo nức, ngắt ngay ...

Báo hiệu của Tết còn là ngày 23 tháng Chạp đưa ông táo về trời. Theo các báo Tết thì nhân vật ông táo này trông khá buồn cười. Và các báo cáo của ông ấy thì cũng không đáng gì đến con nít chúng tôi, nhưng bánh kẹo, “thèo lèo” đưa tiễn ông thì chúng tôi cũng khó bỏ qua. Sau đó, ngày 25 tháng Chạp, lũ con nít có dịp theo gia đình về “quê”, chăm sóc khu thổ mộ của gia đình, chuẩn bị để những người đã nằm xuống cũng đón Tết, như con cháu, thân nhân trong họ tộc. Đó cũng là dịp để chúng tôi, những đứa trẻ con lớn lên nơi “thị tứ”, có dịp gặp gỡ thân tộc và gốc gác của mình. Một bữa ăn bày ra trên những chiếc chiếu lớn trải ngay trên đất là dịp để mọi người thăm hỏi nhau, để những điều nên và không nên nói được nói ra.

Chợ Tết cũng là một phần không thể quên. Thời ấy, tôi

không biết Sài Gòn đã có chợ hoa hay chưa. Nhưng chợ Thiếc gần nhà tôi cũng là một chợ khá to và nhộn nhịp. Thêm nữa, các cậu các dì trong họ của tôi, từ Tân Phú, Tân Quý, Bà Quẹo, Bà Điểm, Hóc Môn cũng mang hàng bông hoặc những chậu mai, cành mai xuống chợ bán. Khi tôi theo ông ngoại ra chợ mua dưa hấu từ Đức Hoà, Đức Huệ, hay từ Gò Công chở về, cũng là dịp tôi gặp những dì, cậu của tôi. Có lần, một cậu, tuổi chỉ chừng 15, 16 cục thân vác một cành mai, đi bộ gần chục cây số xuống chợ, bán Tết. Tôi ra đứng chơi với cậu. Gần tàn buổi chợ cuối năm, kẻ bán người mua đã lục tục kéo nhau về, cành mai của cậu tôi vẫn không ai dòm ngó. Cậu tôi hỏi: “Mấy muốn lấy nhánh mai này về chung không?”. Tôi ngập ngừng: “Ông ngoại có cây mai lớn rồi, nhánh mai này về không biết để đâu”. Thế là hai cậu cháu lặng lẽ dựng cành mai vào tường nhà bên ven chợ, lúi thủ đi về. Cậu tôi quá giang xe thổ mộ người quen về nhà. Tôi không nhớ, cậu có phải bỏ tiền ra mua cành mai ế khách kia không.

**

Nhưng, Tết chỉ thật sự đến với đám trẻ con chúng tôi vào lúc xế chiều ngày 30 tháng Chạp. Như một phép lạ, đám trẻ con lôi thôi lếch thếch trong cái xóm lao động xập xệ của chúng tôi ngưng tất cả những trò chơi hàng ngày của mình, tạm để yên cho các tổ chim, những chùm me lủng lẳng trên cây, tạm tha cho những con rắn mối lẩn khuất quanh các bờ mương, bụi rậm. Những ếch nhái nơi bờ kinh, ao vũng trong xóm cũng được tạm quên. Những đồng chàm, con vụng dày công mài giũa, vũ khí tùy thân và làm nên danh phận, được tạm nằm yên đâu đó trong xó nhà.

Quanh các ảng nước mát rượi, những mái đầu cháy nắng, những tấm lưng, khuỷu tay, đầu gối đen mốc được kì cọ, làm như những kì cọ này có thể tẩy được chút nào cái mùi khét nắng tích lũy cả năm qua, trả lại cho bà, cho mẹ, cho chị những đứa bé con đích thật của họ. Họ lại có dịp hiếm hoi để sẫm soi, kiểm tra các bàn tay, bàn chân, từng mảng thân thể mà vì nhiều lý do họ đã thả chạy rong, dang nắng, trèo cây, tắm ao, đá banh, đánh vụng suốt gần năm qua. Đây cũng là dịp lũ trẻ chúng tôi nhớ ra rằng thân thể của mình vẫn còn thuộc quyền của người lớn, chứ không hoàn toàn là của riêng cho chúng tôi xài xể tùy tiện.

Trong cái nắng cuối năm dịu dịu, cuộc triển lãm tập thể những tấm thân bé nhỏ, còm cõi đi kèm với những căn dặn, nhắc nhở về vệ sinh, về an toàn mà chỉ vài ngày sau lại bay theo mây khói. Cuộc tẩy rửa tập thể còn là dịp để các bà mẹ ghé mắt nhìn con cái của nhau, nhớ lại ngày sinh tháng đẻ, thậm chí kích cỡ lúc mới lọt lòng mẹ của mỗi đứa, so sánh đứa này với đứa nọ. Thịnh thoàng, còn là dịp để khẳng định lại những hứa hẹn mai mốt hai nhà làm xui gia với nhau, trong khi cô dâu và chú rể tương lai, còn phải lo vượt mặt, vượt mũi đang bị xối nước ào ào. Đánh nhịp cho các lời nhắn nhủ, dặn dò còn có thể có những cái cốc đầu, những cú phát vào mông, những cái véo tai để xác định sự nghiêm chỉnh của các bậc phụ huynh. Đây là những biện pháp thuộc loại “phòng ngừa”, vì bắt đầu sáng sớm ngày mai, các vị phụ huynh sẽ phải dè xẻn hơn trong các biện pháp

răn đe có nhiều phân lộ liễu này.

Những mái đầu quanh năm cháy nắng, chom bom, chiều ấy có dịp được chải gỡ tươm tất, lần ngời rẽ thật ngay. Nếu là mái tóc con gái, còn có thể có chút hương thơm từ một lọ nước hoa bé tí ti nào đó, được gìn giữ, cất dấu cẩn thận. Có mái tóc còn được chải với chất keo làm bằng hột bưởi ngâm trong nước ấm từ tối hôm qua. Những bộ mặt trẻ thơ chiều nay được tìm thấy trở lại trong mắt nhìn có chút nào thư thả hơn của mẹ của cha.

Xúng xính những bộ quần áo mới hơi rộng một tí, hơi dài một tí, nhưng “rồi coi, chậm mấy hồi, tụi bây lớn như thổi mà”. Có những bàn chân quanh năm đi đất, chiều nay nghiêm trang trong đôi dép mới, hay đôi xăng-đan quai chéo mới tinh khôi. Việc đi lại, đứng ngồi chiều nay sao mà thận trọng, từ tốn. Còn phải ráng mà giữ gìn bộ quần áo “kềng” cho ba ngày Tết còn lại. Thành anh trông chừng thằng em, con bé chị để mắt tới đám em trong từng chuyện đứng ngồi. Đừng để chuyện không hay xảy ra trong mấy ngày sắp tới. Là “xui”, là “có huông”. Nhất là, sau khi đã cúng rước ông bà về ăn Tết với con cháu. Ngay cả đám con nít chúng tôi cũng mừng tượng ra một cái gì thật trang nghiêm đang lan tràn, đang kết đọng quanh mình.

**

Tết thuở ấy của tôi không có pháo. Cuộc kháng chiến chống Pháp vẫn còn diễn ra ngay bên cạnh thành phố. Tiếng nổ là điều cấm kỵ đối với nhà cầm quyền. Tuy vậy, cái náo nức, xôn xao của đêm giao thừa vẫn đến với chúng tôi. Ngay từ chiều, khi chưa tối hẳn, đã có những bà những cô, phần đông là người Hoa, quần áo xênh xang, tóc bím thật khéo, thoang thoang mùi nước hoa, nói cười dạt tay nhau đi xuống phía Chợ Lớn lễ chùa. Và họ chỉ trở về khi đêm đã khuya. Tiếng guốc dép, tiếng nói cười xôn xao trong xóm.

Tối giao thừa, người đi ngoài đường không phải ái ngại, lo lắng về mấy ông lính trong “bốt” gác trên nóc cái “cabin” nhà đèn [công ty điện nước – CEE] ngay góc đường. Đêm nay, sẽ không có tiếng súng. Đêm nay, mấy đứa con nít được quyền, và vui vẻ, thức khuya đến quá nửa đêm. Đêm nay, trẻ con sẽ không phải giật mình thức dậy vì lính Tây đi xét nhà, bắt mọi người ra ngồi hết ngoài sân. Sẽ không có những người gằn nửa người trùm kín trong những chiếc bao bố, đi bên những người lính kè kè súng ống, nhìn mặt từng người lớn trong các gia đình. Dù là trẻ con, chúng tôi cũng biết và run sợ, thầm mong cái bao bố kia sẽ không gục gặc trước mặt một ai đó, để người đó được yên thân ở với gia đình, vợ chồng, cha mẹ. Em tôi đã ngủ. Tôi nằm khoanh bên cạnh ông tôi, thật bình yên. Người lớn ngồi quanh, chuyện trò, cắn hột dưa, ăn mứt uống trà, chờ Tết đến. Dịp nhàn rồi, nghỉ ngơi hiếm hoi cho những người quanh năm quần quật.

Đúng nửa đêm, ông ngoại tôi ăn mặc chỉnh tề cúng giao thừa, mừng năm mới. Đây là một trong những dịp hiếm hoi ngôi nhà của ông bà ngoại tôi có mùi hương khói.

**

Theo thông lệ, ngày mồng hai Tết chúng tôi về thăm họ hàng còn ở “quê”. Từ sáng sớm, dì tôi đã điều động đám con nít ăn sáng xong, sửa soạn ra đón xe thổ mộ đi Tân Phú, xã Tân Sơn Nhì, Gia Định. Ông ngoại tôi còn gia đình người em kế sống ở đó. Đối với tôi, đây là một phần quan trọng của ngày Tết.

Bình thường, thỉnh thoảng các cậu tôi từ Tân Phú xuống, có dịp tạt qua nhà chơi. Nếu gặp lúc nghỉ học, tôi được phép theo các cậu về Tân Phú ở chơi vài ngày nơi nhà ông em ruột của ông Ngoại tôi. Thường cậu tôi chở tôi bằng xe đạp, hay cậu cháu đi xe thổ mộ với nhau. Cũng có khi, ông ngoại tôi dẫn tôi ra góc đường, gởi tôi cho một người đánh xe ngựa quen hoặc họ hàng để tôi về Tân Phú chơi. Tha hồ dang nắng, đi mò cua, bắt ốc, lặn ngụp trong bầu Cát, cái hồ bơi của chúng tôi. Con đường chỉ vài cây số, sao vào cái thời ấy thấy nó xa xôi, và phần nào trắc trở. Chúng tôi phải đi qua một đồn lính và một “nhà việc” có rào cản, có lính canh ghim súng. Trong ký ức trẻ thơ của tôi lúc ấy đã có những mẩu chuyện bắt bớ, bắn giết liên quan đến hai nơi này. Cho nên tôi hay lo lắng, sợ sệt mỗi lần đi ngang qua. Tôi luôn có cảm giác đằng sau cái lô cốt, phía sau những mũi súng đen ngòm kia là những đôi mắt dữ dằn đang rình rập, đang kiếm tìm một lí do để đe dọa, để thị uy. Bằng chính sự chết chóc.

Trong đầu óc ngày thơ lúc ấy, tôi tin rằng những chuyện kinh hoàng kia sẽ không xảy ra trong ba ngày Tết. Không xảy ra cho những chuyến xe thổ mộ đầy áp phụ nữ, người già và trẻ con, áo quần tươm tất, quà cáp gói trong giấy bóng xanh đỏ, trong những giỏ xách vén khéo, trang hoàng tươi đẹp hơn ngày thường.

Bác đánh xe hôm nay cũng mặc tươm tất hơn ngày thường. Vài chú ngựa kéo xe còn được một chùm lông gà nhuộm xanh đỏ mới tinh, hay một bông hoa vạn thọ, mồng gà gắn trên chóp. Có xe còn dán thêm mẩu giấy hồng điều dán chữ Phước viết bằng kim nhũ vàng tươi. Chiếc chiếu trải trên xe, nếu không mới, cũng là chiếc chiếu lành lặn hơn, sạch sẽ hơn ngày thường. Hình như nhìn chỗ nào tôi cũng thấy năm mới, thấy một chút mơ ước và hi vọng một năm mới đẹp tươi hơn.

Trời vào Giêng, nắng cao và trong xanh. Chiếc xe thổ mộ thong thả lần theo con đường trải đá loang lổ, đưa chúng tôi về quê ngoại. Khi vào đến địa phận Tân Phú, nhà cửa thưa thớt hơn, gió đồng thổi về mát dịu. Những bụi dừa gai rậm rạp, những hàng me keo bên vệ đường, bầu Cát phía xa xa quen thuộc của mùa hè, theo nhau hiện ra. Những cụm nhà ẩn hiện sau những rặng cây điều (đào lộn hột) xanh um, lá mứt và bóng loáng trong nắng, như reo vui.

Mùi cây lá, ruộng đồng trong cái nắng cao và trong veo ấy, với tôi, là mùi hương của Tết.

Nguyễn Lộc
Cali, tháng Chạp.

Con Rắn huyền thoại

Văn Ngọc



Chim và Rắn, tác phẩm hội họa phong cách roman (1078), Nhà dòng Saint-Sever-sur-l'Adour (Pyrénées)

Trong truyền thống tranh Tết của Việt Nam ta hầu như không có tranh Rắn. Cũng như không có tranh Khỉ, tranh Ngựa, tranh Chó, mặc dầu các súc vật này đều có mặt trong mười hai *chi*, tương ứng với các năm *tuổi*. Tranh Tết chủ yếu vẫn chỉ là tranh Gà, Lợn, biểu tượng của những điều tốt lành, nói lên niềm khát vọng ấm no, hạnh phúc, của con người.

Bức tranh dân gian vẽ rắn gần với tranh Tết nhất, và có chất lượng khá nhất, có lẽ là bức *Ông Hoàng cưỡi Lót*, tranh thờ Hàng Trống. Ngoài ra, còn một vài bức tranh vẽ sự tích Thạch Sanh và Trần tình (mãng xà), chất lượng kém hơn.

Người xưa sở dĩ không chơi tranh Rắn, có lẽ vì nói đến rắn là ai cũng khiếp sợ rồi. Không những người ta sợ cái hiểm họa bị rắn cắn, sợ cái nọc độc làm chết người, mà còn sợ cái hình thù gớm ghiếc của nó nữa ! Ai mà thích được cái giống bò sát, chuyên môn sống chui lủi, lén lút, trong các bờ bụi, hoặc làm ổ trong các mái gianh, mái rạ của nhà người ta ! Không những thế, tính tình con vật này lại rất là bất trắc, nó đớp mình lúc nào không biết !

Cái định kiến về sự hiểm độc, bất trắc, thậm chí gian trá, của giống rắn, cũng như về cái hình thù xấu xí, lảm lì, dễ sợ, của chúng, đã được phản ánh qua ngôn ngữ dân gian bằng những câu ngạn ngữ, ví von, khá độc địa : nào là “*Khẩu Phật, tâm xà*”, “*sư hổ mang*”, “*rắn đổ nọc cho lợn*”, “*cồng rắn cắn gà nhà*”, “*vẽ rắn thêm chân*”, “*như rắn không đầu*”, “*len lét như rắn mông năm*”, thậm chí còn có câu như : “*Ti hi mất lợn, thườn lườn mắt chạch, thanh thách mắt lòn*”, v.v...

Tuy nhiên, trong nhiều nền văn hoá, con rắn một mặt vẫn bị coi là một con vật tầm thường, đáng ghét, thậm chí nguy hiểm, song, mặt khác lại được nâng lên hàng biểu tượng, thậm chí lên cả hàng thần linh, như con hổ và một vài con vật khác. Hổ và Rắn được dân gian sùng bái, có lẽ cũng chính vì cái uy lực có thực của chúng trên con người, trong đời sống thường ngày, nhất là ở những vùng rừng núi, hay nói cho đúng hơn, vì cái tâm lý khiếp sợ của con người đối với chúng.

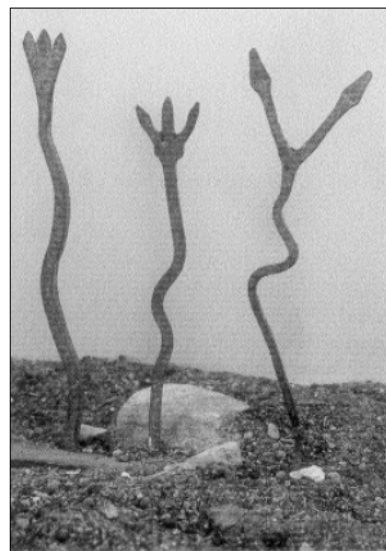
Điều kỳ lạ, là ở nước ta không thiếu gì huyền thoại về con rắn : nào là *Người Rắn*, nào là *Người đàn bà lấy rắn để ra rắn*, nào là *Rắn là con nuôi của Người* (truyện cổ *Giảo long hầu*). Người ta còn cho rằng có một mối liên hệ nào đó giữa truyền thuyết người lấy rắn và truyền thuyết bà Âu Cơ (Tiên nữ) lấy Lạc Long Quân (Rồng), v.v...

Song, dấu sao, cái định kiến của con người đối với rắn vẫn như ẩn tàng đâu đó trong tiềm thức : hễ có dịp là người ta lại đem con vật này ra làm bung xung, sai bảo nó làm những việc tội bại để phục vụ cho những ý đồ thánh thiện của mình.

Trong đạo của người Do Thái và trong Ki-tô giáo, con rắn là biểu tượng của sự xấu xa, của quỷ dữ. Ngay từ lúc khai thiên lập địa, con rắn (nhà trời) đã phải đóng một vai trò không mấy đẹp đẽ : chính nó đã xúi giục Eve và Adam ăn quả cấm, để rồi hai người bị đuổi khỏi vườn Eden (Kinh Thánh, Cựu Ước, chương Sáng Thế / Genèse). Cũng trong truyền thống Ki-tô giáo, con rắn là biểu tượng của tất cả mọi sự xấu xa trên thế gian : bức tranh *Chim và Rắn*, một họa phẩm phong cách roman nguyên khai (1078), còn bảo tồn được cho đến ngày nay ở nhà dòng Saint-Sever-sur-l'Adour (Pyrénées), thể hiện đề tài *Chúa Giê-xu chiến thắng quỷ dữ*. Những khúc xoắn trên mình rắn tượng trưng cho những điều xấu xa ở thế gian. Trong Tân Ước / Nouveau Testament, chương Apocalypse, có đoạn tả một con rắn sắc lửa, có bảy đầu, mười sừng, xuất hiện trên bầu trời, như một ác quỷ tác oai tác quái, sau bị các thiên thần đánh bật đi.

Trong tín ngưỡng dân gian của các dân tộc Phi châu, con rắn có một cương vị khá đặc biệt. Nó đứng đầu trong số những con vật thần thoại khác như : rùa, cá sấu, thần lùn. Tín ngưỡng dân gian cho rằng năm linh vật này đã có mặt trên trái đất trước con người. Người Fon ở Bénin, còn coi con rắn như là hiện thân của tổ tiên họ, mỗi gia đình đều nuôi ở trong nhà một con rắn làm thần hộ mệnh.

Trong truyền thuyết về rắn của người Hausa, con rắn naja đen có thể ở lì trong một hốc cây năm năm không ăn uống gì, nhưng khi nó đã ra khỏi hốc cây rồi, thì đi đến đâu là nó làm cho cây cỏ bùng cháy lên đến đấy. Dân tộc Peul coi con rắn thần



Tượng rắn nhiều đầu, dân tộc Lobi, Burkina Faso (Phi châu)

thoại *tyanaba*, nửa người, nửa rắn, như một thiên sứ nhà trời, vừa sống trên cạn, vừa sống dưới nước, có sứ mệnh che chở cho trâu bò.

Dân tộc Venda coi con rắn *tharu*, vừa là đục, vừa là cái, như một vị thần phù hộ cho việc sinh đẻ và sự phì nhiêu của đất đai.

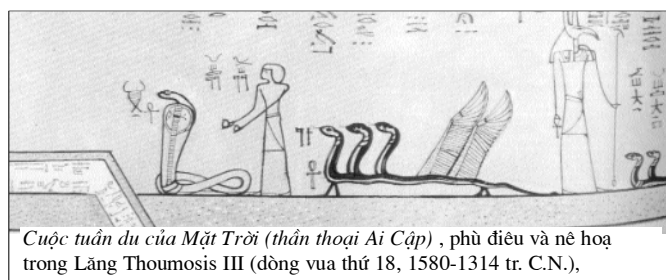
Người Dogon coi con rắn *nommo*, nửa người nửa rắn, là con của Trời, được sai xuống trần gian để giúp mẹ Đất. Nó có quan hệ với các hiện tượng thiên nhiên, như : mưa, sét, cầu vồng. Nó cũng như cái cầu nối giữa Trời và Đất. Hình tượng này cũng trùng hợp với hình tượng quen thuộc về con rắn, từ tư thế nằm ngang sát đất đột nhiên vươn mình lên không trong thế thẳng đứng. Nó cũng trùng hợp với ý niệm chung về con rắn của nhiều tộc người ở Phi châu : con rắn là gạch nối giữa Đất và Trời.

Trong chữ Hán, chữ *tha*, gốc của chữ *xà*, là rắn, viết theo lối khải thư, hay thảo thư, cũng đều thể hiện con rắn trong tư thế này.

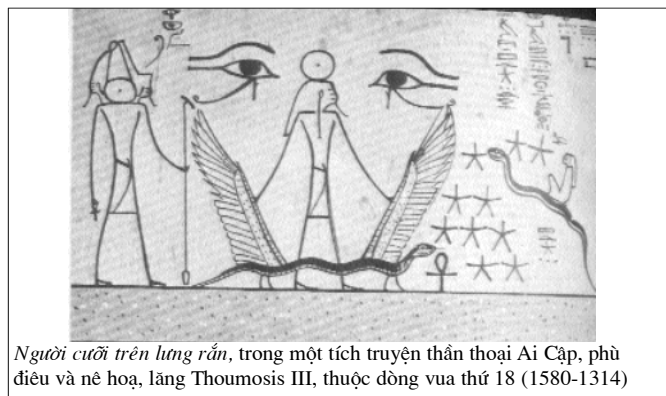
Trong giáo phái Tân qui (Tantrisme), thuộc Ấn Độ giáo, con rắn cái *Kundalini*, biểu tượng của nghị lực *sakti*, thuộc nữ tính, khi đột nhiên thức tỉnh trong mỗi con người, trỗi dậy như một ngọn lửa bùng lên, để giao hợp với *atman* (nam tính), cũng cho ta một hình tượng tương tự.

Về mặt nghệ thuật, đặc biệt trong vấn đề *nhịp điệu*, câu hỏi hóc búa thường đặt ra cho người làm nghệ thuật, trong kiến trúc cũng như trong điêu khắc và hội họa, là làm sao từ chiều ngang (song song với mặt đất, hoặc đường chân trời), vươn lên chiều thẳng đứng, một cách hài hoà được ? Một trong những giải pháp là thông qua trung gian của một *đường cong*. Tháp Eiffel là một thí dụ cụ thể. Song, hình tượng con rắn vươn mình từ dưới đất lên, với những đường cong uốn lượn uyển chuyển, linh hoạt, mới thật là một thí dụ minh hoạ một cách sống động cho khái niệm trên về *sự biến hoá* của nhịp điệu.

Ở một vài dân tộc, như dân tộc Ewe (Bénin), con rắn thần thoại có quan hệ mật thiết với mặt trăng. Nó còn là biểu tượng của nước và của sự sống. Dân tộc Kassombura (Soudan) thờ rắn như biểu tượng của bộ phận sinh dục đàn ông. Từ đó đến



Cuộc tuần du của Mặt Trời (thần thoại Ai Cập), phù điêu và nề hoạ trong Lăng Thoutmosis III (đồng vua thứ 18, 1580-1314 tr. C.N.),



Người cưỡi trên lưng rắn, trong một tích truyện thần thoại Ai Cập, phù điêu và nề hoạ, lăng Thoutmosis III, thuộc đồng vua thứ 18 (1580-1314)

việc tin rằng rắn có khả năng làm cho người phụ nữ thụ thai và làm cho đất đai phì nhiêu, chỉ là một. Phụ nữ *nounouma* ở xứ Gurunsi, thuộc lưu vực sông Volta-Noire (Burkina-Faso), còn tin rằng chỉ cần nằm mộng thấy rắn, cũng đã có thể thụ thai được rồi. Ở Côte-d'Ivoire, trong những ngày hội của tộc người Senufo, người ta thấy phụ nữ có thai được rước trong những cái lồng trang trí bằng hình vẽ rắn. Tín ngưỡng rất phổ biến ở các dân tộc Ibo, Ashanti, Mendé, cho rằng chỉ cần gặp một con rắn trên đường là phụ nữ có thể thụ thai.

Tóm lại, trong các nền văn hoá ở Phi châu, nói chung, con rắn được coi là biểu tượng của giống đục. Ở một vài dân tộc vùng lưu vực sông Niger, hình tượng rắn thường đi kèm với hình tượng rùa, tượng trưng cho nữ tính. Rộng hơn nữa, rùa còn là biểu tượng của mẹ Đất.

Trong thần thoại Ai Cập, con rắn cũng có một địa vị không nhỏ. Nó có mặt trên nhiều tác phẩm điêu khắc và hội họa trong các ngôi mộ của vua, chúa và quý tộc, nhất là kể từ đồng họ vua thứ 17 trở đi (1650-1567 tr. C.N.). Con rắn trong thần thoại Ai Cập, có khi chỉ mang hình dạng bình thường, nhưng có khi lại có cánh như cánh chim lớn, có chân như chân người, hoặc có tới ba đầu. Hình tượng rắn có nhiều đầu này, chúng ta đã gặp trong thần thoại và trong truyền thống điêu khắc của các dân tộc Phi châu, cũng như trong Kinh Thánh. Chúng ta sẽ còn gặp nó trong tranh thờ của đạo Tứ Phủ ở Việt Nam. Truyền thống thể hiện các đấng thần linh có nhiều tay, nhiều mắt, nhiều đầu, v.v... khá phổ biến trong các tín ngưỡng dân gian và các tôn giáo. Nó nói lên khả năng nhìn thấu mọi sự việc, cũng như cái uy lực vô biên của các đấng thần linh đó.

Trong đạo Tứ Phủ, hay tín ngưỡng Tứ Phủ (còn được gọi là tín ngưỡng đồng bóng), ra đời ở nước ta ít nhất từ thời nhà Lý, con rắn cũng được nâng lên hàng thần linh. Bức tranh thờ Ông Hoàng cưỡi Lót, một trong những bức tranh thờ Hàng Trống khá đạt về mặt bố cục, cũng như về nét vẽ và màu sắc, thể hiện ông Hoàng mặc áo thụng đỏ, đội mũ cánh chuồn, tay cầm thanh đoản kiếm biểu thị uy lực, cưỡi trên mình ông Lót, rắn thần có mào, ba đầu, chín đuôi, đi trên sóng nước “ thủy



Bia Vua-Rắn Djed Ouadji, tác phẩm điêu khắc đầu tiên của Ai Cập (hiện để ở viện bảo tàng Louvre). Vua-Rắn Djed là vị vua thứ ba trong dòng vua thứ nhất của Ai Cập cổ đại (1ère Dynastie, khoảng 3000 tr. C.N.). Con chim ung đứng che chở cho nhà vua là biểu tượng của vua Horus-Chim Ưng trong thần thoại Ai Cập.



Ông Hoàng cưỡi Lốt, tranh thờ Hàng Trống

ba ”, trên đầu có mây vân vũ (các thánh bao giờ cũng “ đi mây về gió ”), theo sau có tiểu đồng bưng tráp và lính cầm lọng che. Con rắn ba đầu được vẽ bằng ba màu chính : xanh lá cây (Thanh xà), vàng da cam (Hoàng xà) và trắng hơi có ánh xanh hồ thủy (Bạch xà). Ngoài ra còn có các màu đen, đỏ, hồng đào, cũng là những màu chính trong tranh dân gian ta.

Trong thế giới các thần linh của đạo Tứ Phủ, ông Hoàng đứng ở một địa vị khá cao, trên có Ngọc Hoàng thượng đế, các đức Thánh Mẫu, các hàng Châu và hàng Quan, dưới có hàng Cô, hàng Cậu. Ông Hoàng đứng ở hàng trên ông Lốt nên *sai bảo* được ông Lốt, mặc dầu ông Lốt cũng là một vị thần linh có uy quyền, và mặc dầu Bạch Xà và Thanh Xà là hai vị thần xà vẫn được dân gian sùng bái và thờ cúng riêng ở một số nơi. Trong đạo Tứ phủ, Bạch Xà còn được gọi là *Quan lớn Ba*, Thanh Xà là *Quan Lớn Năm*.

Xem như vậy, chỉ trừ ông Vua-Rắn Djét (Ai Cập, 3000 tr. C.N.), đã đặt con rắn ngang hàng với mình ra, còn thì trong khá nhiều nền văn hoá, ngay cả khi con rắn đã được đứng ở địa vị thần linh, nó cũng vẫn bị các ông, các bà thánh (người) *sai bảo* ! Ở Ai Cập, cũng vậy thôi : 1500 năm sau triều đại của ông Vua-Rắn, con rắn thần ba đầu, đã có cánh, có chân hỏ, mà cũng vẫn làm vào số phận bị *sai bảo* kia, thậm chí còn bị người ta cưỡi lên lưng !

Trí tưởng tượng của con người quả là dồi dào, phong phú, nhất là trong các tín ngưỡng dân gian và các truyện cổ. Hình tượng *người cưỡi trên lưng rắn* khắc trên bức phù điêu trong mộ vua Ai Cập, cách đây 3500 năm, phải chăng đã làm tiền lệ cho bức tranh thờ *Ông Hoàng cưỡi Lốt*, cũng như cho những câu chuyện cưỡi rắn đi ngao du thiên hạ, hoàn toàn hoang đường, nhưng vẫn có sức lôi cuốn và thuyết phục trong truyện *chưởng* của Kim Dung ?

Văn Ngọc

Chú thích :

(1) Theo Ngô Đức Thịnh, trong tác phẩm *Hát Văn*, NXB Văn Hoá Dân tộc, 1992, trong cuốn *Thiên Uyển tập anh*, có đoạn nói về nhà sư Khánh Hỷ, tăng thống thời Lý Thần Tông, trụ trì ở chùa Từ Liêm, mất năm 1135, khi cùng thầy đến nhà thí chủ, thấy người ta *lên đồng*, bèn hỏi thầy về ý nghĩa của việc này. Như vậy chúng tỏ rằng tín ngưỡng Tứ Phủ và nghi thức đồng bóng đã có từ trước đó.

Đỗ Quang Nghĩa

không đề

Hoàng hôn,

chiều

*những hàng cây sẫm màu in hình lên nền trời ráng đỏ
những ngôi nhà cao tầng đứng sừng sững uy nghiêm*

*Gió thổi, ngôi sao ban chiều dần tỏ
ngước mắt, ngước mắt lên đợi chờ.*

*

*Anh giữ gìn mùa thu trong sổ thơ của mình
và em hỏi tại sao ?*

*Anh giữ gió trong sổ thơ của mình
và em hỏi tại sao ?*

*Anh yêu em trong mùa thu năm nay
thời gian trôi và tình yêu lớn dần,
dẫu khi mùa đông tới.*

*Anh chép bài thơ này
để kỷ niệm một mùa thu sáng trong.*

*

*Và Chúa trời đã cho ta những gì ?
Một ngày kia ta sinh ra đời.*

*Và tình yêu đã cho ta những gì ?
- Hai tư năm sau ta hạnh phúc !*

*

*Buổi chiều và nỗi nhớ
vây quanh anh như hoàng hôn
vây bọc buổi chiều
Anh còn biết đi đâu ?*

*

*Dù không bao giờ còn bên nhau,
ta vẫn mong cho nhau điều lành,
phải không em ?*

*Những nẻo đường ta đi,
trên mặt đất, bây giờ,
sao xa xôi đến thế.*

*Giữ trong anh những đêm hè thâm thì
góc phố cuối cùng, nơi ta chia tay.
đôi dòng này dù em không hay
phương trời này hồn xanh không lay.*

*Thôi em đi
chúc em hạnh phúc.*

Con Rắn trong huyền thoại và văn học

Đặng Tiến

Về mặt biểu tượng, rắn là một hình ảnh phức tạp. Hiện nay, trong dân gian nhiều nước, rắn biểu trưng cho sự độc hại, gian hiểm. Tiếng Việt có những thành ngữ : nọc độc, khẩu Phật tâm xà. Nhưng trước các hiệu thuốc tây, bảng hiệu y khoa, ta lại thấy hình ảnh con rắn quấn quanh cây gậy, nó có tác dụng cứu chữa bệnh tật, nhắc đến một câu đồng dao trong trò chơi dân gian Việt Nam : *rồng rắn đi đâu / xin thuốc cho con ...*

Và một số tín ngưỡng, như Ấn Độ Giáo, ngày nay còn thờ rắn, thần linh Naga.

Rắn không những là một biểu tượng phức tạp, mà còn tượng trưng cho các động lực tương phản : tử sinh, âm dương, thiện ác ...

Chúng ta không thể sưu khảo tường tận về biểu tượng rắn qua các nền văn minh khác nhau, chỉ lưu ý rằng đề tài không đơn giản, và không cho phép nói chuyện tầm phào.

*

Ca dao ta có câu :

*Trứng rồng lại nở ra rồng
Liu diu lại nở ra dòng liu diu*

Đây là một câu ca dao lạc hậu, quy thân phận con người vào một định luật thiên nhiên ; kỳ thật, nó chỉ là một câu vớ vẩn, mang tính cách tự hào và miệt thị giai cấp mù quáng, có ý đối lập *rồng*, biểu tượng cao quý cho tầng lớp giàu sang, với *liu diu* là loài rắn tầm thường, những phận người nghèo khó, tối tăm. Thật ra *rồng* và *rắn* cùng một nguồn gốc, thậm chí *rồng* là hậu thân của *rắn*. Ngay trong Thánh Kinh Ki Tô Giáo, con rắn hiện thân cho cám dỗ, tội lỗi cũng là hậu duệ của *rồng* (dragon) bị Chúa Trời trừng phạt, phải lê tấm thân bò sát và xấu xí.

Trong công trình biên khảo kinh điển : Cội Rễ lịch sử của Truyện Truyền Kỳ, Vladimir Propp đã dành một chương dài cho vai trò *Rồng*. Dịch giả từ tiếng Nga sang tiếng Pháp ghi chú : « *Rồng* (dragon) dịch từ chữ *zmei* là giống đực của từ *zmeia* có nghĩa là *Rắn* (serpent). Từ giống đực chỉ dùng để cho nhân vật kỳ ảo trong cổ tích và huyền thoại. Có thể dịch từ này thành *Rồng* hay *Rắn* »¹.

Trong tiếng Việt Nam, nhà ngữ học Nguyễn Tài Cẩn, trên mặt báo Diễn Đàn, năm ngoái đã có bài vô cùng uyên bác, chứng minh rằng thời tiền sử, từ *Rồng* và *Rắn* có thể có chung nguồn gốc là từ / *mahing* / ở vùng Thà Vượng ngày nay. Anh còn nhắc lại rằng : « *tác phẩm nghệ thuật ở các đền chùa Lý*

Trần lại cho phép nghĩ rằng ta cũng vốn có cả một tên gọi Rồng Rắn theo kiểu rồng / mahing / ở vùng Thà Vượng »².

Điều này họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung, chuyên gia về mỹ thuật, trong một tham luận năm 1970 đã nhắc lại : con *Rồng* thời Lý khác con *Rồng* Trung quốc, nó có hình dạng *Rắn*, « *có nhiều đường lượn. Hình loại rồng này phải có lịch sử của nó, có thể xuất hiện trước đời Lý nhiều... Nay ta gọi là *Rồng*, nhưng xưa chưa hẳn đã gọi là *Rồng*, mà có thể là một loại “ *rồng rắn* ”, trẻ con ta thường có trò chơi “ *rồng rắn* ”* »³

Ngày nay, những khám phá về dân tộc học, huyền thoại học đã đẩy kiến thức và suy luận chúng ta đi xa hơn : hình ảnh *Rồng Tiên* là một sản phẩm văn học xuất hiện khá muộn màng trong tư duy dân tộc, ít nhiều do ảnh hưởng Trung Quốc và Đạo giáo. Ngay chữ ‘*tiên*’ cũng mới xuất hiện từ đời Hán, trước đó là những ‘*chân nhân*’. Thủy tổ của các dân tộc Việt, Kinh và Thượng, là Chim và Rắn. Hình tượng Chim thường gặp ở huyền thoại các dân tộc anh em miền núi, hình tượng Rắn thường gặp ở truyện cổ các vùng đồng bằng gần sông gần nước. Địa danh *Ngã Ba Xà*, hợp lưu giữa sông Cầu và sông Đuống, nhắc đến tín ngưỡng thờ Rắn (Xà), thờ Thánh Tam Giang là thần Rắn, có nơi được nhân cách hoá thành anh em Trương Hồng, Trương Hát, cai quản khúc sông từ Ngã Ba Xà đến Ngã Ba Phượng Nhãn. Học giả Phan Ngọc viết rất rõ về vấn đề này và cho biết dọc sông Cầu có đến 300 xã thờ Thánh Tam Giang.⁴

Các học giả Trần Từ (Từ Chi) và Bạch Đình cho biết thêm, trong truyện cổ Mường thường có nhân vật Khú ư xuất hiện dưới dạng rắn nước, với đặc điểm : bao giờ cũng có mào đỏ trên đầu giống như gà trống. Điều này xác nhận một tư liệu của Lê Văn Lan và Trần Minh Hiền trước đây :

« *Trong ngôn ngữ và khái niệm người Khmu, có một con vật gọi là **prur đồng**. Đó là một con vật hình rắn, có mào như mào gà, có vẩy và có chân. Trong ngôn ngữ và ý niệm Thái, “ *prur đồng* ” tương đương với “ *tu luông* ” là một con vật có vẩy và có bờm như ngựa. Những con vật quái đản này không có quan hệ gì về dòng họ với những người đang sống, nhưng lại có vai trò như một thứ thân chịu trách nhiệm về nắng mưa như một thứ “ *ma nước* ” và những con vật quái đản này cũng thường được hiểu như khái niệm *thuồng luồng* của người Việt ... Từ Quỳnh Nhai đến Mường La, trên sông Đà có khoảng 20 cái thác thì có 20 nơi thờ *thuồng luồng* như thế ; thường cúng bằng gà, lợn »⁵.*

Thuồng luồng là rắn nước, sách Lĩnh Nam Chích Quái ghi là *Giao Long*, và kể rằng vua Hùng đã dạy dân chúng « *lấy mực xăm vào mình hình (Lạc) Long Quân, theo dạng thủy quái* » để tránh nạn *thuồng luồng* bách hại. Nhưng đây có thể là lối giải thích thực dụng của Nho giáo. Có thể người Văn Lang thời đó xăm mình theo dạng rắn vì là thủy tổ của mình. Dĩ nhiên là điều này không loại trừ điều kia.

*

Trong văn học, câu chuyện *Giao Long* kể trên có lẽ là xưa nhất, bên cạnh chuyện *Lạc Long Quân* diệt *Ngư Xà*. « *Ngư Xà dài hơn năm mươi trượng, chân nhiều như chân rết, biến hoá vạn trạng, linh dị khôn lường... (có khi) hoá thành gà trắng*

gáy trên đỉnh núi » (Truyện Ngư Tinh). Ngư Xà ăn thịt người, gây bão tố làm hại thuyền nhân, cuối cùng bị Long Quân giết.

Dân gian thường kể chuyện Thần Thuồng Luông bắt cóc phụ nữ, hay đòi phải hy sinh nhân mạng. Nguyễn Dữ, thời Mạc, trong *Truyện Kỳ Mạn Lục* kể chuyện thần Thuồng Luông ở một đền thờ tại quận Hồng Châu, Hải Dương, bị kiện vì tội bắt cóc Trịnh Thị, bị Long Vương trị tội, phạt lưu xứ : « giữa ban ngày, không mây mà mưa, nước sông đầy, rồi có một con rắn dài mười trượng, vẩy biếc mào đỏ nổi trên mặt nước mà đi lên mạn Bắc, đằng sau có hàng trăm con rắn nhỏ đi theo, đền từ đấy không linh thiêng nữa ». Đền thờ Rắn ấy, sách gọi là “đám từ”. Chúng ta lưu ý đến mào đỏ như trong cổ tích.

Người ta thường kể chuyện Rắn báo oán, nhân vụ án Nguyễn Trãi. Thật ra đây là truyện Tàu, chuyện Ngô Trân đời Tống và chuyện Phương Chính Học đời Nguyên, do một số nho sĩ thời Lê mô phỏng để giải thích, mờ xoá tấn thảm kịch chính trị thời đó. Một mặt nó xuyên tạc lịch sử, mặt khác hạ thấp tư cách Nguyễn Thị Lộ, và trâm trọng hơn nữa, phản ánh thành kiến với phụ nữ, đồng hoá phụ nữ với tai hoạ. Dĩ nhiên là sai trái.

Một con rắn lừng danh là Chằn Tinh trong truyện Thạch Sanh, truyện nôm bằng thơ. Chằn Tinh là một con rắn tu luyện nhiều năm, dữ tợn và biến hoá vô cùng ; vua bắt dân phải lập miếu thờ, hàng năm phải hy sinh một người con trai cho nó ăn thịt. Năm ấy Lý Thông bị chỉ định hy sinh, bèn gạt người anh em kết nghĩa là Thạch Sanh đi thế mạng. Thạch Sanh đương đầu với Chằn :

*Giở ra cơm nắm toan ăn,
Hay đầu gió thổi âm âm rung cây.
Lại thêm găm rú ghê thay,
Trông ra thấy một vật nay dị kỳ.
Thạch Sanh chẳng biết vật chi,
Trắng đen, xanh đỏ, hoe hoe cả mình,
Hung hăng giơ vuốt, nhẵn nanh,
Phòng toan làm giữ như hình mọi khi.
Thạch Sanh hoá phép tức thì,
Búa rìu liền phóng một khi yêu xà.
Mắng rằng “mày giống tà ma,
Hại người ta chẳng dung tha mày nào !”
Xà tinh liền nhảy xóc vào,
Thạch Sanh liền lấy thân đao chém liền.
Ai rằng rắn có phép tiên,
Hoá ra lửa cháy bốn bên đỏ ngòm.
Thạch Sanh hoá nước mưa tuôn,
Tự nhiên lửa tắt kinh hồn xà tinh.
Lại e yêu nghiệt tàng hình
Trốn đi nơi khác, ắt mình uống công.
Búa vảy lưới sắt bịt bùng,
Nguyên hình rắn phải dùng dùng hoá ngay.
Chàng dùng dao báu chém rày
Rõ ràng con rắn vừa tày một gian.*

(một gian : một gian nhà).

Truyện cổ dân gian, với những tình tiết na ná như Thạch Sanh, được lưu truyền nhiều nơi khắp thế giới. Riêng ở Việt

Nam, các địa phương có những thoại khác nhau. Đặc biệt đồng bào Cao Bằng xem địa phương mình là gốc gác của truyện, căn cứ vào câu mở đầu “ngày xưa ở quận Cao Bình”, và ở Hoà An, Cao Bằng có hang, tương truyền là nơi Thạch Sanh chém Chằn Tinh và nhiều đền thờ Thạch Sanh ở các làng xã. Giả thuyết khác cho rằng truyện *Thạch Sanh chém Chằn* gốc Khờ-me.

Chuyện Thạch Sanh được đưa lên sân khấu : năm 1962, Dũng Hiệp phóng tác thành Tuồng cổ *Dũng Sĩ Gốc Đa*, đồng thời truyện cũng chuyển thành kịch bản cải lương, có năm được trình diễn ở rạp Maubert tại Paris, vào cuối thập kỷ 1960.

Trên sân khấu dân gian, còn có tuồng hát bội *Thanh Xà Bạch Xà* được quần chúng miền Nam ham thích. Một chuyện tình cảm động : hai con rắn tu hành đắc đạo, thành đôi gái đẹp, yêu thương và lấy chung một người chồng. Sau đó, tình duyên trắc trở, người chồng lâm trọng bệnh, Bạch Xà phải hiện nguyên hình làm rắn, trèo non lặn biển tìm thuốc trường sinh cứu chồng. Một chuyện tình huyền ảo, lãng mạn, xoá bỏ thành kiến về loài rắn.

Trong ca dao hình ảnh rắn thân thuộc với tuổi thơ là bài đồng dao trong trò chơi Rồng Rắn, được giới khảo cứu xem là xưa, có thể ra đời từ thời Lý Trần. Tùy địa phương, có nhiều thoại khác nhau, như ở quê tôi, miền Trung :

- Rồng rắn đi đâu ?
Xin thuốc cho con
Con lên mấy ?
Con lên một
Chưa ngon (...)
(...)
- Cho xin chút lửa
Lửa tắt
Cho xin nước mắt
Nước mắt chua
Con xin cày của
Cày của kẹp
Cho xin chiếc nẹp
Nẹp gãy...

Suốt đời tôi bị ám ảnh bởi mấy câu đồng dao : sao lời



hát cho trẻ con lại có những câu thăm thiết đến thế : *cho xin chút lửa, lửa tắt. Cho xin nước mắt : nước mắt chua ...* Những câu thơ u uất của cả một kiếp người, trước cuộc đời phi lý và vô vọng. Và những câu thơ thật hay.

Cuối cùng, vùng Bình Trị Thiên có câu ca dao, như lời chồng mắng vợ :

*Con rắn không chùng (chân) nó lượn năm rìng bảy rú
Con gà không vú nó nuôi dặng chín mười con
Anh tưởng em má phấn môi son
Ai ngờ má mông môi mòn thế ni... !*

Mắng vợ là chuyện dửng cảm, trần gian hiếm có. Mắng vợ bằng những lời lẽ chì chiết ‘thế ni’ quả là cổ kim hãn hữu !

Dân tộc ta thường tự hào là anh hùng, với bốn ngàn năm bằng cớ. Nay thêm một ví dụ, ít người lưu ý.

Và cũng là một tấm gương dửng cảm cho các bạn Diễn Đàn, nhân ngày Tết mở đầu thế kỷ và thiên niên kỷ, trên sự nghiệp đấu tranh cho dân chủ và tiến bộ, trường kỳ vô tận.

Với vợ mà còn dám có ý kiến, thì còn sợ gì ai ?

Trường kỳ vô tận. *Con Rắn không chùng...*

Đặng Tiến

Tết Tân Ty, 18.1.2001

1 V. Propp, *Les Racines historiques du Conte Merveilleux*, Gallimard, 1983, tr. 283

2 Nguyễn tài Cẩn, *Về tên gọi con Rồng của người Việt*, báo Diễn Đàn, Paris, số 94, tháng 3/2000, tr. 19

3 Nguyễn đồ Cung, *Bàn về Mỹ Thuật Việt Nam*, Viện Mỹ Thuật, Hà Nội, 1993, tr. 117

4 Phan Ngọc, *Thử xét Văn Hoá Văn Học bằng Ngôn Ngữ Học*, bxb Thanh Niên, Hà Nội, 2000, chương II, tr. 61-128

5 Hùng Vương *Dựng Nước*, nhiều tác giả, Cuốn III, Hà Nội, 1973, tr. 241-242

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

- ♦ nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước
- ♦ nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

tranh dân gian ngày tết

“chơi xuân” đã dễ mấy người

NGUYỄN DƯ

Ngày xưa Xuân thăm quê tôi...

Mỗi năm hoa đào nở...

Khách tha hương chạnh nhớ Tết quê nhà. Nhớ tha thiết muôn vàn hình ảnh, hương vị. Nhớ những mẩu chuyện kỷ niệm của cha mẹ, ông bà kể làm quà cho con cháu. “*Ngày xưa Tết đến, làng ta tổ chức hội hè vui chơi. Muôn màu muôn vẻ...*”

Một vài nét điển hình của hội hè cổ truyền ngày Tết đã được các nghệ sĩ dân gian trình bày cô đọng trong một tấm tranh với bài thơ nôm quen thuộc.

Đây là “ một bức tranh dân gian làng Hồ, nhan đề *Du Xuân Đồ* (bức vẽ chơi Xuân) được ‘chú thích’ bằng bốn câu thơ Nôm :

*Thái bình mở hội Xuân
Nô nức quyết xa gần
Nhạc dâng ca trong điện
Trò thưởng vật ngoài sân (1)*

“ Từ cảnh vui Xuân ngày Tết của tầng lớp vua quan, quý tộc, xa hoa ăn uống rượu chè, đàn hát phục dịch trong cung điện, đến những trò vui chơi của nhân dân : đánh vật, bắt chạch, đánh bài lấy giải ở ngoài sân đều được phản ánh trong tranh *Du Xuân đồ*, kèm theo bốn câu thơ nôm phụ họa ở góc tranh :

Thái bình mở hội Xuân

...

Trò thưởng vật ngoài sân ” (2).

“ Tranh *Du Xuân Đồ* vẽ những cảnh vui chơi hội hè gồm có hát ả đào, đánh vật, đánh bài phu. Có bốn câu thơ đề vịnh (...)” (3).

Tấm tranh *Du Xuân Đồ* và bài thơ nôm nổi tiếng này được in trong sách *Imagerie populaire vietnamienne* của Maurice Durand (4).

Thoạt nhìn tấm tranh, mới đọc bài thơ, khách thường lầm thích thú, sáng khoái...

“ Bài thơ được minh họa bằng cảnh nhạc công và ca sĩ đang biểu diễn trước mặt hai ông quan ngồi (uống rượu) ở bàn. Hai ông chủ trì một cuộc thi hát, chấm điểm và trao tặng giải thưởng. Giữa tấm tranh vẽ hai đô vật đang thi đấu. Phía trên bên trái, vẽ hai người đàn ông, có lẽ là hai người dự thi đấu vật, đang thò tay vào một chiếc bị. Bên trên hai người là hàng chữ “ Hai ta quyết lấy giải làng ”.

Không biết có phải là chiếc bị dùng để bốc thăm tên đô vật hay là hai người này đang chơi trò chơi gì khác ? Khó mà biết chắc được. Căn cứ vào mấy câu thơ nôm của tranh thì giả thuyết thứ nhất có vẻ thích hợp hơn.

(Pour illustrer ces vers nous voyons un musicien et un chanteur en action devant deux mandarins assis à une table. Ceux-ci sont juges des concours de chants et distribuent les récompenses. Au centre, des lutteurs combattent. En haut à gauche, deux hommes, probablement deux candidats au concours de lutte, plongent leurs mains dans un sac. Au-dessus d'eux sont inscrits les caractères



Tranh *Du Xuân Đố*, Tài liệu Maurice Durand, Imageries Populaires Vietnamiennes, EFDEO

Hai ta quyết lấy giải làng

“ Nous sommes tous deux décidés à gagner les récompenses du village.”

Le sac contient-il les noms des adversaires qu'ils vont tirer au sort, ou bien le groupe de ces deux personnages fait-il allusion à un autre jeu, il est difficile d'en décider. La première hypothèse, prenant appui sur les vers inscrits en légende, semble la meilleure interprétation. (4).

Qua mấy lời nhận xét trên đây của Durand thì tám tranh và bài thơ cũng có điều khó hiểu, cần được xem kỹ hơn ?

Giả thuyết thứ nhất của Durand, cho rằng đây là hai đồ vật đang bốc thăm, có nhiều điểm không hợp lý. Để ý một chút chúng ta sẽ nhận ra rằng tranh vẽ một chàng trai và một cô gái mặc yếm. Họ quàng vai nhau. Tay chàng trai có vẻ như đang sờ ngực cô gái. Hai người này khó có thể là đồ vật được. Hơn thế nữa, câu *Hai ta quyết lấy giải làng* tỏ rằng họ thuộc về cùng một phe của trò chơi.

Để ý một chút thì ai cũng nhận ra đây là một cặp trai gái đang chơi trò “ quàng vai bắt chạch ”. Durand đã lẫn lộn trò chơi này với trò đánh vật.

Điều làm cho Durand lúng túng có lẽ là vì bài thơ nôm chỉ nói đến ca hát, đánh vật, chứ không dǎ động gì tới trò chơi bắt chạch và đánh bài phu ?

Người vẽ đã vẽ thừa hay bài thơ còn thiếu chăng ?

Thật ra thì ... không thừa mà cũng chẳng thiếu !

Sở dĩ có chuyện thơ không ăn khớp với tranh là vì tám *Du Xuân Đố* của Durand không phải là một tấm tranh được sáng tác theo ý tác giả ban đầu của nó ! Nghe như chuyện lạ, bồng đùa. Nhưng đúng là chuyện thật. Tranh *Du Xuân Đố* của Durand đã được ghép từ hai tấm, tôi tạm gọi là tranh A và tranh B, của bộ sưu tập Henri Oger (5).

Bài thơ nôm *Du Xuân Đố* của tranh A như sau :

*Thời bình mở hội Xuân
Nô nức quyết (a) xa gần*

*Nhạc dâng ca trong điện
Trò thưởng cuộc (b) ngoài sân*

Bên dưới bài thơ là câu “Hai ta quyết lấy giải làng”.

(a) Chữ quyết (quyết tâm, quyết chí...) của tiếng Việt luôn đứng trước một động từ, thí dụ : quyết tranh đua lấy giải, quyết học hành đến nơi đến chốn v.v... Chữ quyết không thể đi với một trạng từ chỉ nơi chốn. Cụm từ “ quyết xa gần ” không có nghĩa.

Tôi đoán rằng chữ quyết (bộ băng hay bộ thủy) là do chữ khoái (bộ tâm) bị viết nhầm. (Bộ băng, bộ thủy, bộ tâm đứng, viết gần giống nhau). Chữ khoái được đọc sang chữ nôm thành khắp.

“ Nô nức khắp xa gần ” nghĩa là khắp mọi nơi đều nô nức. Câu thơ vừa đúng văn phạm vừa tả đúng không khí ngày hội, ngày Tết ở thôn quê. Các học giả sau này đều chép là “ quyết xa gần ”, chép đúng cả cái sai, cái vô nghĩa của nguyên bản !

(b) Chữ cục (hán việt, nghĩa là một ván cờ, đánh bạc) chuyển sang nôm thành cuộc. Cuộc vừa có nghĩa là một ván, một bàn (chén rượu cuộc cờ, cuộc đỏ đen), vừa có nghĩa là đánh cuộc, một hình thức đánh bạc (miền Nam gọi là đánh cá). “ Trò thưởng cuộc ngoài sân ” là trò chơi quàng vai bắt chạch, vừa có giải thưởng là bánh pháo treo đầu nhà, vừa là trò vui cho mọi người đánh cuộc với nhau. Cặp trai gái nào mà chả háo hức, tự nhủ phen này “ hai ta quyết lấy giải làng ”.

Người ghép tranh Durand đã đổi chữ cuộc thành chữ vật cho hợp với trò đánh vật của tranh B. Thế là dùng câu thơ của trò chơi này gán cho trò chơi khác, nên mới vô tình gây ra tình trạng tranh và thơ không ăn khớp với nhau, khắp khiếm khó hiểu.

Tranh B (nửa dưới của tranh Durand, từ đây viết tắt là tranh D) không có tên, vẽ cảnh đánh vật và bốn người đàn bà chơi bài phu, ngồi bốn cửa :

Bính Giáp
Đinh Ất

Mỗi cửa có hai câu thơ nôm trình bày diễn tiến của ván bài.

Cửa Giáp :

Bán chi không đánh nhất văn
Bát văn cầm kết *muôn* phần (*) giá cao

Cửa Ất :

Bài tôi ăn thưởng *không* thang (d)
Lục văn cũng nghĩ *kết* ngang (e) chẳng cầm

Cửa Bính :

Tam khôi bắt *kiệt* (g) tung bùng
Tinh thân đứng dậy (h) tâm trường múa lên

Cửa Đinh :

Hàng văn làng hã còn *nhiều* (i)
Cầm chơi một ván đánh liêu thử xem

(*) Tranh D : *bấy* phần. *Muôn* phần, hay *muôn* ván thông dụng và nghĩa rõ hơn là *bấy* phần.

(d) Durand giải thích rằng *không* thang nghĩa là không có quân *thang* *thang* (*Mes cartes ne présentent point de thang*). Nếu đúng như vậy thì câu thơ sáu chữ được hiểu là “ bài của tôi được ăn thưởng vì nhờ không có quân *thang* *thang* ”. Điều này cũng có nghĩa gián tiếp là bài có quân *thang* *thang* thì bị phạt hay không được ăn ? Không có quân bài nào lại tai hại



Tranh A

đến mức như vậy !

Thực ra thì Durand quên rằng chính ông đã cho biết *không thang* là tên quân bài thường được gọi là *thang thang* (6). Cỗ bài tổ tôm, cũng dùng để chơi bài phu, gồm có :

- Hàng sách, có các quân không thang hay thang thang, nhất sách... cửu sách.
- Hàng vạn, có các quân bách vạn hay ông lão, nhất vạn... cửu vạn.
- Hàng văn, có các quân bán chi hay chi chi, nhất văn... cửu văn.

Câu thơ trong tranh muốn nói rằng “ bài của tôi được ăn thường nhờ có quân không thang ”.

Xin mở dấu ngoặc để nói thêm rằng hai tiếng *Tổ Tôm* là đọc trại từ *Tụ Tam* (ba quân bài để làm thành một phu).

*Nhân sinh quý thích chí
Chẳng gì hơn vui cuộc tụ tam*

(Nguyễn Công Trứ, 1778-1859)

*Bực chẵn nhẽ anh hùng khi vị ngộ
Như lúc đen chơi cuộc tổ tôm*

(Trần Tế Xương, 1869-1906)

Tụ Tam biến thành *Tổ Tôm*. *Tổ Tôm* là... *Nid de crevettes* (6). Ngày xưa người ta “ Đố ai biết đâu là tổ con chuẩn chuẩn”, ngày nay có thể thêm “ Đố ai biết đâu là tổ con tôm ” !

(e) *Kết ngang* : ba quân bài cùng bậc của ba hàng, thí dụ lục văn, lục sách, lục vạn.

(g) Tranh B viết chữ *hông* (thân chú bằng tiếng Phạn (Thiền Chử), như trong câu Úm ma ni bát minh hồng). Chữ *hông* âm nôm có thể đọc là *hông* (?). Nhưng *bất hồng* hay *bất hông* đều không hợp nghĩa. Tôi cho rằng đây không phải là chữ Hán, người viết dùng một nửa chữ kiện và bộ khẩu để viết chữ *nôm kiết*. Quân bài *kiết* (hay *cạn*), tức là quân bài hiếm. “ *Đánh tổ tôm, nước ăn, nước bốc cũng lắm nước cao, mà được trúng ý mình thì thích chí lắm. Có lúc bốc được những con bài kiết thì sướng vô cùng, cho nên có câu rằng : “ thiên tử bất như tứ vạn ”* (7). ù tam khôi (bài vừa có tôm, vừa có lèo) ăn rất lớn. Chờ quân bài *kiết* để được ù tam khôi mà tinh thần nôn nao như chỉ chục đứng dậy, tâm trạng bị kích thích tưởng chừng như muốn múa lên !

(g) Tranh D : *bất ngộ*. Chữ *ngộ* (nôm) được viết bằng chữ *ngộ* (hán việt). *Bất ngộ* nghĩa là làng đánh ra bất cứ quân gì mình cũng ăn được.

(h) Tranh D : *Mừng bỏ* đứng dậy. Ván bài chưa xong, còn đang chờ *bất ngộ* thì làm sao có thể *mừng bỏ* đứng dậy được ? Hai câu thơ của tranh D ý không thông.

(i) Tranh D : *còn cầm*. Hai câu thơ không hợp vần.

Tranh dân gian, đặc biệt là tranh Tết, từ xưa đến nay được nhiều người ưa thích. Các nghệ nhân một mặt phải cố gắng sáng tác tranh mới, mặt khác phải lo phục hồi vốn cổ, khắc lại những tấm ván tranh bị mòn hỏng, để bảo đảm cho dòng tranh được tiếp nối liên tục. Phục hồi vốn cổ là việc làm đáng được biểu dương, cổ vũ nhưng đồng thời nó lại hay gây ra tình trạng “ tam sao thất bản”, “ râu ông nọ cắm cằm bà kia”, như trường hợp tấm *Du Xuân Đổ* được nói tới trong bài này.

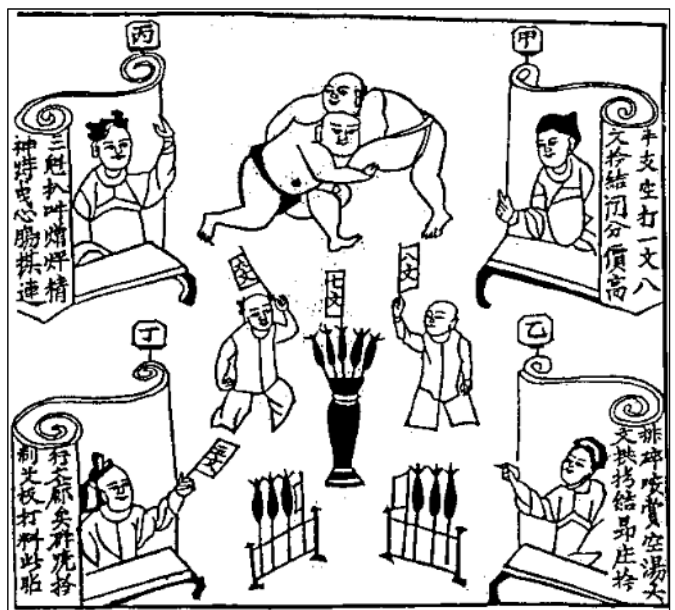
“Chơi Xuân” đã dễ mấy người... biết tranh ?

Thói quen tùy tiện sửa đổi thơ, thậm chí thay đổi cả bố cục của tranh thường chỉ làm giảm cái hay của thơ, làm mất cái đẹp hài hòa của tranh.

Nguyễn Dư
(7/11/2000)

- (1) Trần Quốc Vương, Hội hè dân gian, Nguyệt San Trăm con, số 8, Canada, 1993.
- (2) Nguyễn Bá Văn - Chu Quang Trứ, Tranh dân gian Việt Nam, tr. 71, Văn Hóa, 1984.
- (3) Nguyễn Bá Lăng, Tranh Tết, trong Phong tục Tết Việt Nam và các lân bang, Đông Nam Á, Paris, 1986.
- (4) Maurice Durand, Imagerie populaire vietnamienne, EFEO, tr. 48, Paris, 1960.
- (5) Henri Oger, Technique du peuple annamite, Hà Nội, 1912.
- (6) Pierre Huard, Maurice Durand, Connaissance du Vietnam, tr. 244, EFEO, Paris, 1954.
- (7) Phan Kế Bính, Việt Nam phong tục, tr. 353, Tổng hợp Đồng Tháp, 1990.

Tranh B



Hàn Thuỷ

Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ (2)

PHẦN 2 : ĐÔI ĐIỀU CÓ LỄ

Kỳ trước (xem Diễn Đàn số 98 / 7.2000) đã đi qua một số tiến bộ khoa học mà người ta hy vọng có thể đạt được trong tương lai gần, nhờ ở sự hội tụ giữa Sinh học và Tin học. Sự hội tụ này nhờ ở khả năng mô hình hoá của Tin học ngày càng cao, tấn công được vào những hiện tượng vô cùng phức tạp mà những nghiên cứu về sinh học càng đi sâu càng đặt ra nhiều. Những tiến bộ ấy nằm trong hai phạm trù nghiên cứu : khoa học về bộ não và di truyền học, với những thành công hiện đã mạnh mẽ, như mạng nơron, đọc và giải mã gen. Ở đây chỉ bàn về những vấn đề liên hệ đến khoa học luận, vì báo chí đã nói quá nhiều trên những ứng dụng của tin học và sinh học. Những ứng dụng này có ảnh hưởng xã hội và kinh tế rất lớn, và không phải hoàn toàn chắc chắn là sẽ theo chiều hướng tốt. Chính vì thế lại càng cần thiết nắm bắt nội dung của các ngành nghiên cứu này.

Nhưng, để tiếp tục trình bày về những viễn tượng xa, mênh mông... và manh mông... hơn, xin được phép nhìn chung cảnh quan từ điểm khởi đầu, theo người viết bài hiểu được. Cái nhìn khởi đầu đó là nhận thức rằng đối tượng của tư duy con người nằm trong ba thế giới : thế giới vật chất, thế giới của sự sống, và thế giới tư tưởng. Về quan điểm này người viết hoàn toàn đồng ý với Phan Huy Đường, trong cuốn *Penser librement* (xem giới thiệu trong Diễn Đàn số 99, 9.2000).

Nhưng nếu lối tiếp cận của tác giả, theo triết học duy vật biện chứng, là chất vấn những quan hệ của tư duy với ba thế giới đó một cách tổng thể, thì lối tiếp cận của các người nghiên cứu khoa học vẫn là tách bạch bản thân mình, chủ thể tư duy khoa học, và đối tượng tư duy, mặc dù phạm vi của đối tượng đó ngày càng rộng lớn và sâu xa. Mặc dù đối tượng tư duy khoa học có thể bao gồm sự sống và tư tưởng. Và phương pháp luận vẫn là chia nhỏ, khu biệt các vấn đề, đi từng bước, phân tích và tổng hợp, tìm kiếm sự đồng thuận tối đa qua lý thuyết và thực nghiệm.

Từ những thành công cục bộ và cụ thể như đã nói kỳ trước, con người ngày nay đã trở lại những tham vọng cướp quyền tạc hoá đã có từ muôn thuở, với phần nào tự tin hơn, và với phương pháp chặt chẽ hơn. Vì những câu hỏi *tại sao ? như thế nào ?* không dấu được cái tham vọng *làm thế nào ?* nằm trong. Trong viễn cảnh nói tới ở đây, công việc là đi tìm cái cầu nối giữa thế giới vật chất và thế giới của sự sống, và tìm cách bắc cầu từ thế giới sự sống đến thế giới tư duy. Nói cách khác, như thế là đã đặt được hai câu hỏi cụ thể hơn : từ vật chất nảy ra sự sống như thế nào ? và từ sự sống nảy ra tư duy như thế nào ? Tuy về mặt thực nghiệm các câu hỏi này vẫn nằm trong hai phạm trù nghiên cứu : khoa học về bộ não, và sinh

học phân tử, trong tương lai dĩ nhiên người ta sẽ dùng bất cứ phương pháp, lý thuyết, kết quả cụ thể nào của các ngành khoa học khác khi cần thiết.

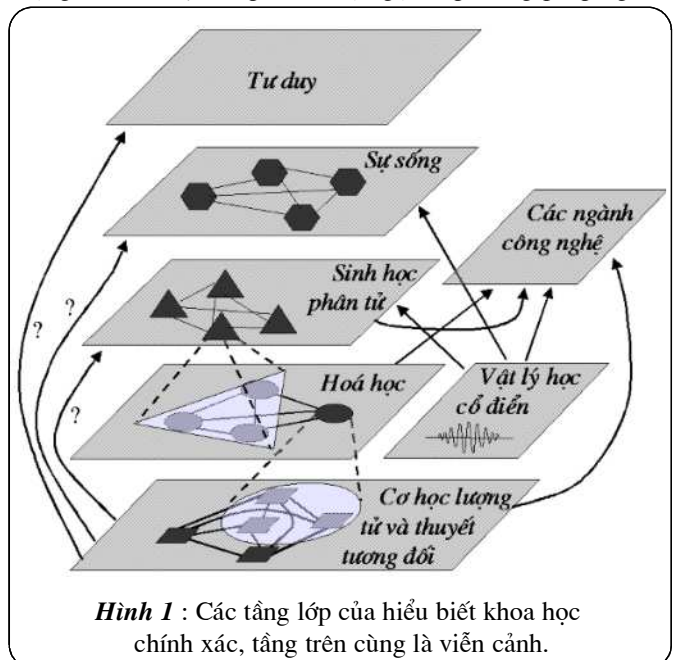
Vậy sau khi xem xét về phương pháp luận của sự bắc cầu, sẽ xin điếm lại một vài dự phóng về hai khoa học trên. Rồi cuối cùng cũng không thể không nhắc tới những phê phán (gồm cả sự tự phê phán của các nhà khoa học) về bản thân việc áp dụng phương pháp khoa học trên những đối tượng như sự sống và tư duy.

1. Giảm thiểu

Hình 1 đi kèm dưới đây tượng trưng một cách giản lược hệ thống hiểu biết khoa học hiện nay. Hiểu biết được chia thành nhiều bình diện có trật tự trên dưới, tuy không phải là một trật tự tuyến tính. Càng ở phía dưới thì càng đơn giản và càng đi sâu vào những cấu tạo và cấu trúc cơ bản nhất của thế giới vật chất.

Ở mỗi bình diện người ta nhận diện được những thực thể (entités) và nghiên cứu để nắm bắt được những quan hệ (relations) giữa những thực thể ấy. Trong hình vẽ, thực thể là các hình khối và quan hệ giữa chúng là những đường nối các hình khối. Như ta thấy ở đây, một thực thể ở bình diện trên có thể được giải thích như là một tập hợp những thực thể và quan hệ ở bình diện dưới. Thí dụ như thực thể nguyên tử của hoá học (và những tính chất của nó) có thể được giải thích bởi những hạt lượng tử đã kết cấu với nhau theo những quy luật nhất định của cơ học lượng tử. Các quan hệ ở bình diện trên cũng có thể được giải thích bởi những quan hệ ở bình diện dưới.

Nói như trên sợ bị hiểu nhầm là khoa học chính xác chỉ có một cái nhìn hoàn toàn tĩnh lặng về hiện thực. Dĩ nhiên không phải như vậy, khoa học chính xác cũng nghiên cứu sự thay đổi trong tính chất của các thực thể và trong quan hệ của chúng. Và chính sự thay đổi và các quy luật thay đổi này mới là những điều đáng chú ý. Sau đây xin gọi chung những sự vật, quan hệ, biến đổi... mà khoa học khảo sát ở mỗi bình diện là những **hiện tượng**. Và phương pháp luận đi tìm những giải thích của một hiện tượng ở bình diện cao bằng những hiện tượng ở bình diện thấp hơn được gọi là phương pháp “giảm



Hình 1 : Các tầng lớp của hiểu biết khoa học chính xác, tầng trên cùng là viễn cảnh.

thiếu” (reductionisme).

Giảm thiểu là gì : khi một hiện tượng hay quy luật ở một bình diện cao được phát hiện (thường là trong quá khứ), người ta có khuynh hướng cho rằng đó là một quy luật “trời cho”, nó là như thế, không có gì để giải thích cả. Nhưng như thế thì tích tụ lại càng ngày trời cho càng nhiều, khó nhớ ; và vì chúng có vẻ như độc lập với nhau, khó áp dụng linh hoạt. Vì thế nghiên cứu khoa học là tìm ra trong các quy luật đó một số ít quy luật ở bình diện cơ bản hơn, để có thể từ đó suy ra nhiều quy luật thực nghiệm ở bình diện đời thường, đưa tới sự thống nhất và nhất quán của khoa học tự nhiên qua tác động hai chiều, phân tích từ trên xuống và tổng hợp từ dưới lên.

Thí dụ quy luật nổi tiếng mà Archimède (thế kỷ thứ ba trước tây lịch) trong một phút xuất thần đã phát hiện : *mọi vật khi nhúng xuống chất lỏng thì bị đẩy lên bằng một sức đẩy ngang với số chất lỏng được chứa trong thể tích mà nó chiếm chỗ*. Cho tới thời khoa học cổ điển của thế kỷ 17 không ai tìm cách giải thích định luật ấy cả, nó là như thế, và nó bao giờ cũng đúng. Hoặc giả nếu ta đặt lại mình vào thời cổ đại chắc cũng có thể nghĩ như sau : *chiếm chỗ của nó thì bị nó đẩy là tự nhiên, càng chiếm nhiều chỗ thì càng bị đẩy mạnh*. Nhưng tại sao lại *đẩy lên*, mà không *đẩy ra*, hay *đẩy xuống* ?

Với những hiểu biết cơ học và hoá học hiện nay, thì một em học sinh tú tài có thể giải thích được định luật Archimède theo phương pháp giảm thiểu : Lực đẩy là do tác dụng tổng hợp của các phân tử trong chất lỏng khi va chạm vào vật thể (A) bị nhấn chìm mà thành. Làm sao tính toán được tác dụng ấy ? nếu đi vào phân tích thì sẽ bị khó khăn, nhưng em học sinh có thể lý luận khôn khéo như sau : thí dụ ta cũng nhận chìm một vật thể khác (B) giống hệt vật thể ấy (A), nhưng có một vỏ bọc rất mỏng, tác dụng không đáng kể, và chứa cùng chất lỏng của môi trường bên ngoài. Hiển nhiên là (B) chịu một lực tổng hợp bằng không, vì nếu không chất lỏng trong bình sẽ phải lưu chuyển theo một chiều hướng nhất định. Vậy thì (B) chịu một sức đẩy bằng trọng lượng của nó và ngược chiều (tức là đẩy lên). Và vì (B) giống hệt (A) nên (A) cũng chịu sức đẩy đó. *Vậy thì, thưa thầy, em đã chứng minh được định luật Archimède*. Cũng cùng điểm khởi đầu đó, rằng vật chất ở thể khí và thể lỏng được tập hợp bởi các phân tử luôn luôn va chạm vào nhau trong khoảng không, người ta có thể giải thích tại sao trong cùng điều kiện nhiệt độ và áp suất thì số phân tử của các khí khác nhau lại bằng nhau (số Avogadro), hay là tại sao khi trộn lẫn hai chất lỏng khác nhau thì thể tích dung dịch lại có thể nhỏ hơn hai thể tích khi tách rời cộng lại. Ba chuyện đời thường tưởng như chẳng ăn nhập gì với nhau.

2. Tán xuất và giảm thiểu

Nhưng cũng có những người cho rằng có những hiện tượng không thể được giải thích sâu hơn mà là những quy luật riêng của bình diện trên, “tổng thể lớn hơn các thành phần cộng lại”. Đó là hiện tượng ‘emergence’: có một cái gì mới mẻ xuất hiện ở bình diện cao hơn mà ta không thể giải thích bằng những khái niệm dùng ở bình diện thấp hơn. Ở đây xin tạm dịch hai chữ ‘phénomène émergent’ trong nghĩa này là ‘hiện tượng tán xuất’. Trên thực tế, trước kia người ta công nhận : nước có những đặc tính mà khinh khí và dưỡng khí đứng riêng là không có, bởi vậy phải nghiên cứu, thực nghiệm và suy luận ngay trên đối tượng là nước chứ không phải chỉ nghiên cứu dưỡng khí và khinh khí là có thể *suy ra* những đặc tính của

nước. Nhưng hiện nay, với cơ học lượng tử, người ta tin rằng *có thể* làm việc này, tuy rằng những phương trình cần giải quyết là hết sức phức tạp, và trên thực tế người ta vẫn cần đến khái niệm nước và những đặc tính của nó, dù chỉ để nói chuyện với nhau cho ngắn gọn. Tuy nhiên phải nói thêm là trong công việc *suy ra* nói trên không phải chỉ có tính toán, người ta có thể đi một con đường thô thiển hơn nhưng cũng có hiệu quả trước mắt hơn, đó là sử dụng những phương tiện rất mạnh của tin học để mô hình hoá và mô phỏng một cách gần đúng phân tử nước.

Như vậy quan niệm về các hiện tượng tán xuất vẫn rất cần thiết, không những thế một hiện tượng tán xuất còn đặt ra thêm công việc cho công tác khoa học : áp dụng tiến trình giảm thiểu vào hiện tượng này để hiểu rõ nó sâu sắc hơn, và biết đâu, có thể đi đến phủ định hay hoàn chỉnh một khía cạnh nào đó của các quy luật cơ bản.

Những bàn cãi về sự đối lập giữa tán xuất và giảm thiểu là rất lý thú, và có liên hệ mật thiết đến những vấn đề trong khoa học luận về sự phức tạp nói chung, và sinh học nói riêng.

Trở lại **Hình 1** ở trên, ta thấy ở tầng cơ bản nhất là hai lý thuyết về bản thể của vũ trụ : thuyết tương đối và thuyết lượng tử, hai thuyết này hiện nay coi như giải thích được tất cả các hiện tượng của đời thường. Nhưng có phải vì thế mà có thể bỏ qua hai ngành khoa học là hoá học và vật lý học cổ điển như chúng ta vẫn học ? Dĩ nhiên là không, để mô tả và khảo sát các thực thể của đời thường thì hai ngành học này vẫn có những giá trị không thể bỏ qua. Người làm sinh học phân tử có thể không cần biết đến cơ học lượng tử nhưng không thể không nắm vững hoá học. Tương tự như vậy, người làm công nghệ nói chung cũng có thể chỉ cần nắm vững hoá học và vật lý học cổ điển.

Vậy đặc điểm nào cho phép một bình diện trung gian là cần thiết ? Dĩ nhiên là những thực thể và quan hệ nằm trong bình diện đó phải đủ bền vững trong phạm vi nghiên cứu thích hợp. Thứ hai là những quy luật tự nhiên trong bình diện ấy cũng phải được phát biểu bằng những khái niệm của chính nó. Bởi thế trong quá khứ chúng đã là những ngành học gần như độc lập. Và có trước các ngành vật lý học cơ bản mà hiện nay làm nền tảng cho nó.

Điều ngày có ý nghĩa gì ? Trước hết là vì trong quá khứ các ngành khoa học cổ điển đã có một hệ thống khái niệm và ngôn ngữ riêng, nhất quán và tự đầy đủ trong phạm vi nghiên cứu của nó. Nhưng với thời gian các hiện tượng mới được phát hiện, và những khái niệm, quy luật, ngôn ngữ riêng của bình diện đó đã trở nên không đủ để giải thích hết mọi hiện tượng. Vì nếu chúng là đầy đủ thì có lẽ chẳng bao giờ người ta lại cần tìm hiểu sâu hơn. Đó là giai đoạn sau. Nhưng như thế không phải là loại bỏ nền tảng cũ mà là làm cho nó giàu hơn lên. Chẳng hạn, khi cơ học lượng tử đi sâu hơn để thành lập nền tảng vững chắc và đầy đủ hơn cho hoá học, thì không phải là loại bỏ bình diện hoá học, mà chính lại làm cho nó giàu có hơn bằng những vật chất và hiện tượng mới, phát biểu được bằng ngôn ngữ của hoá học cổ điển được sửa chữa để trở nên tinh tế hơn.

Quan hệ qua lại giữa hai bình diện hoá học và sinh học phân tử cũng tương tự.

Nhưng vấn đề lý thú đặt ra ở đây là quan hệ giữa *ba* bình diện : Những dấu chấm hỏi trong các mũi tên phía trái của

Hình 1 muốn nêu lên vấn đề sau : vậy hoá học, với những khái niệm, thực thể, quan hệ của nó... có thể làm nền tảng để *giải thích* toàn bộ toàn bộ sinh học phân tử không ? ở đây dùng chữ *giải thích* chứ không dùng chữ *hiểu*, vì muốn *hiểu* cũng cần ngắn gọn, tức là không chỉ cần dùng ngôn ngữ, khái niệm riêng của sinh học mà còn nghiên cứu và thực nghiệm trên những thực thể sinh học. Vấn đề ở đây phức tạp hơn nhưng tương tự như bài toán với nước, dưỡng khí và khinh khí ; trên nguyên tắc có thể quan niệm là khi muốn phân tích sâu hơn thì mỗi hiện tượng sinh học có thể được giải thích bằng hoá học, nếu hoá học là một tầng lớp trung gian đầy đủ. *Trừ phi là không*, nghĩa là có các hiện tượng lượng tử tác động một cách ma quái nào đó lên các hiện tượng quan sát được ở mức độ sinh học phân tử, mà không thông qua những hiện tượng trung gian của hoá học như nguyên tử và phân tử.

Tại sao không như thế ? Và nếu lấy thí dụ ở các ngành khác thì có những hiện tượng đời thường trong cõi vô sinh là không thể giải thích được bằng cơ học cổ điển, dù cho chấp nhận chỉ gần đúng thôi ; hơn thế nữa, người ta không thể chế tạo được nhiều vật liệu hiện nay nếu không trực tiếp ứng dụng cơ học lượng tử, không chỉ thông qua những quy luật của hoá học và cơ học cổ điển. Câu hỏi càng trở nên thích thú khi ta đặt vấn đề tương tự cho bình diện tư duy.

3. Từ vô sinh đến hữu sinh và công nghệ sinh học

Thế nào là sự sống ? Ngoại trừ thi sĩ : “ *ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau* ” chắc ai cũng có thể nói được là sỏi đá là vô sinh, yên nhiên tự tại, chẳng cần ai cả. Nhưng sỏi đá khác một sinh vật ở chỗ nào ? nói chung những bài học vỡ lòng về sinh vật học bảo rằng có thể gọi một thực thể là sinh vật khi chúng có ít nhất ba đặc tính : 1) có tiêu thụ (và sa thải) vật chất và năng lượng ; 2) có tăng trưởng ; và 3) có sinh sản ; và tự thực hiện những đặc tính đó trong một môi trường thích hợp ; có lẽ trong đó *tự sinh sản* là đặc điểm chủ yếu nhất. Chẳng thế mà chữ ‘sinh’ được dùng để phân chia hai thế giới.

Nhưng tự sinh sản là một cái vòng luẩn quẩn : quả trứng và con gà. Và chúng ta đã biết, để phá vỡ cái vòng luẩn quẩn đó là cả mấy nghìn năm suy luận, quan sát và thực nghiệm.

Aristote cho rằng trong mọi vật đều hàm chứa một *nguyên lý tĩnh, principe passif*, đó là vật chất (matière), khi gặp một *nguyên lý động, principe actif*, tức là hình thể (forme) trong điều kiện thích hợp thì nảy sinh sự sống. Nguyên lý động là cái gì rất trừu tượng, một *khả năng* làm cho vật chất nảy sinh. Con người phương Tây bằng lòng với cách giải thích đó cho tới thời hiện đại từ nửa sau thế kỷ 16. Nhưng từ đó cũng còn cãi nhau chán chê mới bỏ được cái tên đối mới của *principe actif* tức là *principe vital, nguyên lý sự sống*, cũng chẳng khác gì. Vì tựu trung như thế vẫn bảo vệ quan niệm : sự sống (của một sinh vật) là tự nhiên xuất hiện. Cho tới những thí nghiệm của Pasteur thì nói chung mọi người mới công nhận : sự sống là do sự sống mà ra, còn trước đó ? thì do đáng tối cao sáng tạo muôn loài. Từ một quan niệm vô thần và siêu hình sang tới một quan niệm cũng vẫn siêu hình, nhưng hữu thần, tuy nhiên phù hợp hơn với quan sát và thực nghiệm khoa học trong một khoảng thời gian ngắn.

Đến giữa thế kỷ 19 với Darwin người ta mới thực sự chấp nhận đồng ý rằng sự sống có thể từ vô sinh mà ra, rồi tiến hoá trong một thời gian dài hàng tỷ năm mới thành ra muôn loài như hiện nay. Như thế đặt ra hai khẳng định : trong những

điều kiện thích hợp các chất hữu cơ dần dần trở nên phức tạp, và đến một lúc nào đó có thể *tân xuất* một thực thể hữu cơ có khả năng tự sinh sản, sinh vật ; và đến lúc nào đó thì trong quần thể sinh vật đó lại *tân xuất* một quần thể sinh vật khác phức tạp hơn. Người ta có thể tự bằng lòng với một lý thuyết chung chung như vậy, vì giải thích một cách khoa học những bước nhảy vọt là rất khó. Không tránh được phải đưa vào những yếu tố ngẫu nhiên, nhưng sự ngẫu nhiên có thể được mô phỏng bằng tin học. Ngoài ra tính toán những đặc tính của các phân tử hữu cơ phức tạp hơn hàng nghìn lần phân tử nước là một điều không thể giải bằng những phương trình chính xác được. Người ta lại vẫn phải dùng phương pháp mô hình hoá và mô phỏng bằng tin học. Trên thực tế hiện nay trong các phòng bào chế dược phẩm lớn người ta đã dùng máy tính và phương pháp mô phỏng để tiên đoán đặc tính của những phân tử hữu cơ mới mà họ muốn tổng hợp.

Nói chung hiện nay lý thuyết tân Darwin, trong đó sự phân hoá dựa trên đột biến của các gen, và sau đó thì mới tới sự tồn tại của các sinh vật mới thích hợp nhất với môi trường, gần như được đồng thuận trong các nhà sinh vật học. Và đúng là sự đột biến đó là ngẫu nhiên do các gen bị biến đổi bởi tác động của các hạt lượng tử. Thế thì sự tân xuất cũng có thể được giải thích bởi phương pháp giảm thiểu với điều kiện sử dụng những khái niệm ở tầng cơ bản nhất. Và bản thân những khái niệm của cơ học lượng tử lại hàm chứa hiện tượng ngẫu nhiên như một thuộc tính cơ bản của thế giới vật chất.

Vậy phải chăng có nghĩa là con người không có khả năng tác động lên các sinh vật hay sáng tạo ra các sinh vật mới ?

Câu trả lời tùy thuộc thế nào là tác động, và thế nào là sáng tạo. Đúng là làm lại như tạo hoá bằng một quá trình hàng tỷ năm thì con người không có điều kiện, nhưng còn biến chế, tổ hợp lại trên cơ sở những chất liệu đã có sẵn, thì tại sao không ? Và thực chất là công nghệ sinh học đang làm chuyện đó. Hiện nay còn ở mức thủ công mò mẫm vì người ta còn chưa hiểu hết tác động tổng hợp của các gen, cũng như tác động của môi trường chung quanh lên trên sự phát triển phôi, vì vấn đề còn rất phức tạp. Ngăn chặn một con virút như virút SIDA còn chưa xong, huống hồ. Nhưng có thể nói là những nghiên cứu về vi sinh vật sẽ có những tiến bộ rất lớn, với tiềm năng nguy hiểm cũng rất lớn. Những thực vật và sinh vật với gen được cải tạo thì đã có rồi, tiềm năng hứa hẹn cũng như nguy hiểm tiềm tàng đã thành vấn đề thời sự.

Còn liệu trong vài thập kỷ hay vài thế kỷ tới liệu người ta có thể sản xuất ra được những Frankeinstein ? chưa thể nói. Vấn đề đặt ra một cách ngông cuồng là như sau : liệu có thể tác động lên gen để từ đó làm thành các siêu nhân hay siêu quái vật, như ý muốn. Như thế có nghĩa là đã nắm vững được toàn bộ quá trình phát triển từ *đặc thái di truyền (génotype)* tới *đặc thái hiện tượng (phénotype)* trong một môi trường tăng trưởng nhất định. Dĩ nhiên người ta sẽ bắt đầu bằng các sinh vật rất giản dị, chỉ có một số rất ít neuron, còn với những sinh vật phức tạp hơn thì hoạt động của bộ não còn chưa hiểu, nói chi đến điều khiển gen để cuối cùng có được bộ não như ý muốn. Có lẽ trong nhiều thập kỷ nữa nghiên cứu về bộ não, kết hợp với nghiên cứu về trí năng nhân tạo còn là một ngành độc lập với sinh học phân tử và di truyền.

(còn 1 kỳ)

Hàn Thuý

ĐÔI LỜI GIỚI THIỆU:

BÙI GIÁNG VỚI “MARTIN HEIDEGGER
VÀ TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI

CUỘC HÔN PHỐI
TUNG BỪNG

Bùi Văn Nam Sơn

*“Không tự mình bước tới bờ hương chín
thì cõi mật không tự về trong trái”*

M.H.(B.G. dịch)

Ít hay nhiều, ta từng biết tới một Bùi Giáng Thi sỹ. Với “Martin Heidegger và Tư tưởng hiện đại” - mà Nhà Xuất Bản Văn Học chọn cho tái bản- ta được gặp lại, hoặc biết thêm một Bùi Giáng với kích thước mới : một nhà “giải minh” (Hermeneutiker) không kém phần kỳ đặc trong văn chương và triết học.

Tác phẩm đồ sộ này ra đời từ khá lâu -1963-, là một trong nhiều quyển cùng loại của ông đã xuất bản trước 1975. Quảng thời gian gần 40 năm là thử thách khá khắc nghiệt đối với bất cứ tác phẩm nào, nhất là loại sách biên khảo vốn trực tiếp gắn liền với một hoàn cảnh cụ thể, với nguồn tư liệu và cách lý giải, cảm thụ của một thời kỳ lịch sử nhất định. Về các mặt đó, quyển sách này cũng không phải là một ngoại lệ. Nhưng mặt khác, như ta biết, trong văn chương và triết học, thời gian thường không có sức mạnh vạn năng để xóa nhòa tất cả ; và kiến thức thuần túy sách vở không giữ vai trò gì lớn lắm. Cái còn lại - và có thể nhờ trải qua thử thách của thời gian - chính là tâm hồn và cốt cách của tác giả. Và ở đây, quả thực ta gặp được một tâm hồn sâu thẳm với văn phong khác tục của một Bùi Giáng “văn xuôi”.

Là một “poeta doctus”, thi sỹ- uyên thâm hay triết gia- nghệ sỹ, ông muốn thông qua nhiều tác giả và tác phẩm, thử cùng ta tìm lối đi thẳng vào mạch ngầm, tìm lại mối giao hòa, thông ứng theo nghĩa “thanh khí lễ hàng” thường bị che lấp giữa những tâm hồn lớn vượt qua khoảng cách của kim cổ - đông tây. (“Tư tưởng hiện đại”, đối với ông, không được khu biệt một cách chặt chẽ theo mốc thời gian, mà bất cứ ai - từ Homère, Sophocle, Parmenides, Khổng Tử, Nguyễn Du... đến Camus, Faulkner đương đại - còn gây được xúc động cho “người đời nay”, đều được ông xem như những người bạn tri kỷ cùng thời).

Từ đó, ông kết tập “kim thanh, ngọc chấn”, cho tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau một cách kỳ ảo để mời mọc ta vào tham dự cuộc Hôn Phối Tung Bùng (I.128), trong đó - dù sao - ngọn nguồn lạch sông cho cuộc vương tròn vẫn là một lễ nhất quán : trong văn chương là chữ TÌNH, chữ TÂM để phân biệt chân, giả ; trong triết học, là chữ NGỘ (mà ông tránh dùng) để phân biệt nông, sâu. Nghệ sỹ và triết gia, con người sáng tạo và con

người suy tưởng, từ nhiều chân trời cách biệt, hiếm khi được kết nối, giao thoa trong một mối lương duyên kỳ ngộ. Cho nên, dù hiểu ông hay đồng tình với ông đến mức độ nào, thiết tưởng chúng ta đều trân trọng một nỗ lực cảm thụ và suy tư độc sáng như thế, góp phần làm phong phú thêm di sản của các tác giả Việt Nam quá cố trong cuộc giao lưu với các nguồn văn hóa nước ngoài.

Thoạt nhìn nhan đề sách, ta hình dung một chuyên luận rất khô và rất nặng bàn về mối quan hệ qua lại giữa Heidegger và “tư tưởng hiện đại” hoặc thử xét các tác giả hiện đại tiêu biểu theo cách nhìn của Heidegger. Thực ra ta có thể tìm thấy những điều đó, nhưng dưới một ánh sáng khác và một bầu khí ngôn ngữ khác.

Triết gia ở nước Đức xa xôi kia chỉ gọi húng cho tác giả gặp lại chính mình. Ông gặp được nét đồng điệu ở cách đặt vấn đề “*thiết lập Vĩnh Thế trên dòng Tồn lưu*” tuy khó hiểu nhưng không quá xa lạ với truyền thống suy niệm Đông phương. Và trước hết, là xẻ chia cảnh ngộ chua xót : các khuôn mặt lớn trong lịch sử văn chương và tư tưởng Đông Tây ít nhiều đều là nạn nhân của những ngộ nhận, ngộ giải làm rụng tía rơi hồng, “*không còn thấy cây lá ở trên đầu, không còn thùy dương dậm trùng quan mây trắng*” (I.23).

Con đường của tư tưởng thường rất trĩu trọng (theo nghĩa đen : chậm chạp và nặng nhọc) vì phải dần dần vượt qua các ngộ nhận, khai quang các thông đạo, tất cả là nỗ lực để chuẩn bị cho những cuộc đối thoại nghiêm chỉnh và chân thành mai hậu.

Nếu Heidegger dành cả đời để làm điều đó bằng : “*cái điệu nói nhì nhằng, quanh quẩn, oái oăm như biểu dương một mối sầu hùng vĩ. Một đoạn trường hàm ẩn trong một điệu tái tân thanh*” (I.28), thì Bùi Giáng dùng Tiếng Việt duyên dáng của Nguyễn Du để “*tạo âm vang và dư vang, hé mở những cánh cửa, trao tay cái chìa khóa*” với sự thận trọng vì “*sợ rằng khó mà kết hợp đậm thắm, trong một nét phác họa, những bao nhiêu tâm tình sâu kín, theo một-đường-ánh-sáng-của-tổng-hợp-vội-vàng sẽ gây ảnh hưởng cho giao thoa*” (I.254) và mong “*người đọc, người xem có đặt chút tinh thành để đón nhận dư vang, dư hưởng của những tiếng nói (...) kia không*” (I.425), hầu cùng nhau tạo nên bầu khí dịu dàng “*đây sương bóng*” cần thiết cho đối thoại.

Không có được người như Kim Thánh Thán chỉ cho ta “phép đọc” Thủy Hử, ta hãy cứ thử đến với Bùi Giáng bằng tấm lòng rộng mở. Ta có thể bắt đầu từ đâu cũng được. Hoặc đi ngay vào phần giới thiệu tư tưởng Heidegger (I.83-210), để từ đó tỏa rộng ra. Hoặc tại sao không lần giở những trang kể chuyện thân thoại Hy Lạp hồn nhiên, thơ mộng rồi vui vẻ bước vào những chương “*bay bổng tuyệt vời*” giới thiệu Kierkegaard, G. Marcel... trước khi gặp Camus, Faulkner, Shakespeare, Nietzsche... bi tráng rồi hãy dừng lại ở phần Heidegger trong mối tương quan rối rắm với Sartre... để cùng có một lối nhìn. Mỗi phần đều có cái duyên tự tại và kết hợp lại nhất khí. Hay nói như Henry Corbin : “*...L'oeuvre est là qui témoigne pour lui-même, qui annonce sa présence...*” (1) (... Tác phẩm nằm đấy, tự nó nói lên...).

Tác phẩm “nói lên” những gì ? Ta hãy làm quen với ông trên vài chủ đề chính luôn nấu nung xuyên suốt qua các tác phẩm của ông - hoặc trào dâng trong văn xuôi hoặc thành ẩn

ngữ trong thi ca - :

1. Những ngộ nhận trong văn chương và triết học thường là hậu quả tai hại của một lối suy tư “bất cận nhân tình”, “sổ sàng vén tóc nắm tay” vì đã sử dụng “lý tính” một cách vội vàng, nông cạn.

2. Đó là những biểu hiện bên ngoài của một sự khủng hoảng sâu xa hơn của bản thân những nền triết học là đứa con tinh thần của một thời đại tha hóa. Tha hóa và những con đường khác nhau “đồng quy nhi thù đồ” cùng hướng về một mục đích “hòa giải”, “khắc phục tha hóa” là mạch ngầm mãnh liệt của lịch sử tư tưởng: hành đạo và đạt đạo trong Tam giáo Đông Phương, học thuyết biện chứng trong triết học cổ điển Đức dẫn tới Hölderlin, Hegel và Marx... Ở đây, ông giới thiệu con đường của Heidegger trong viễn tượng đối thoại với những con đường khác. Trên con đường này, ẩn hiện bóng dáng đặc biệt của Hölderlin, người thi sỹ - triết gia sẽ được Heidegger ra công minh giải và Bùi Giáng diễn dịch lại trong nhiều tác phẩm về sau của ông (2). Hölderlin với quan niệm độc đáo về bản chất và vị trí của ngôn ngữ thi ca sẽ âm thầm làm người giữ nhịp cho cuộc đối thoại mà Heidegger mong muốn mở ra.

Về điểm I, không gì bằng nghe tác giả Bùi Giáng trực tiếp lên tiếng qua một vài trích dẫn ngẫu nhiên. Về điểm II, rắc rối hơn, xin góp đôi lời đề dẫn và ghi chú để giúp các bạn đọc vốn ít thời gian, dễ theo dõi.

Phần I

Ông khởi đầu từ một nhận xét: “... Ngàn năm, trong địa hạt văn chương chỉ có Một Sự Kiện: cái ‘*décalage tragique*’ [lạc điệu bi thảm] giữa những người sáng tác dành hết tâm hồn trong tạo phẩm và người học giả vừa phi phà điếu thuốc vừa lật vội trang văn. Một bên mang tâm thức hay tâm ý, tâm não hay tâm tình, tâm can của cá nhân mình thao thức theo hồn Logos thế kỷ, còn bên kia để tinh thần chi phối bởi kinh sử miệt mài. Tìm đâu ra một sự tương giao ở một cõi bờ hiu hắt?”. Đó là một lối đọc sách “không gây được xao xuyến cho chúng tôi, không giục chúng tôi bàn hoàn thao thức muốn lên đường tìm kiếm lại hoặc Camus, Faulkner, hoặc Woolf...”.

Với Albert Camus, chẳng hạn: “Bạn đọc sẽ nhận thấy nhiều nhà phê bình đã ngộ nhận tư tưởng Camus một cách thật tai hại ngu si. Sở dĩ Camus thường nói đến cuộc đời phi lý, nói đến nghĩa sa mạc hư vô của tồn sinh, không phải để rời ca ngợi tán dương hành động điên cuồng của những “*héros absurdes*” [các nhân vật “người hùng” phi lý], như Caligula, như Martha v.v... (3). Trước sau, Camus chỉ có một mối ưu tư đau đóm: đẩy tư tưởng hư vô đến cùng độ, đẩy hư vô chủ nghĩa đến cuối đường, để chúng ta nhìn rõ những hậu quả gớm guốc của nó. Có thể, thì sau đó ta mới đủ sáng suốt đưa “tinh thần phản kháng” của mình ra mà chọn lại lối đi về, vượt qua hư vô chủ nghĩa, chống lại những oái oăm của thế sự, tìm lại những thăng bằng giữa đảo điên, chinh phục lại cái tự do chân chính của con người vốn thường bị lạc lối giữa mê cung” (I.445).

Vì lẽ, “cả hai (Caligula - Martha) cùng thuộc nỗi khát vọng tuyệt đối, chối bỏ cuộc sống lấp lờ theo nhân tuần, cả hai cùng sáng suốt nhận chân bộ mặt gớm guốc của tồn sinh, và cùng quyết liệt mưu toan phá hoại để tìm lại một bằng giá trị

mới. Nhưng rốt cuộc, cả hai cùng phản bội cuộc sống vì đã quên một điều: Khả năng của con người có hạn, da máu của con người và thần kinh của con người không thể chịu đựng mọi thứ thử thách...”. Ông dẫn thêm câu của Nietzsche: “Nói suông về mọi hành động vô luân thì dễ, nhưng liệu có đủ sức chịu đựng được chúng không?”.

Từ đó, “ta cũng nhận thấy rằng, Ngộ Nhận [tên vở kịch với nhân vật Martha nói trên] mang quá nhiều âm vang. Ta không thể thu hẹp ý nghĩa tác phẩm của Camus trong nhận định: ngộ nhận chỉ là một rủi ro hy hữu. Không. Ngộ nhận của Camus đúng là âm thanh của tiếng đời bi thương dằng dặc. Tiếng đoạn trường kim cổ của nhân sinh. Và nói riêng ra, nó còn mang đủ sắc thái đặc biệt của xã hội Âu Châu trong vòng nửa thế kỷ nay” (I.422).

Với William Faulkner: “Cái khát vọng miền mang của Faulkner là tìm về với cái thời gian viên mãn. Từ đó, Faulkner muốn rằng tất cả những điên đảo, âm u, quỷ loạn trong tác phẩm của mình [‘The sound and the fury’ - Âm thanh và cuồng nộ] phải hé mở một ảnh tượng bát ngát của Thiên Đường. Cái *métaphysique* [siêu hình học] của ông còn hoài mong cái *éthique* [đức lý, đạo đức học] trong viễn tượng một cái *ontologie* [bản thể học] gắn gũi với hình nhi thượng Khổng, cái Đạo của Lão Trang, cái nụ cười bất tuyền của Phật pha cái hãi hùng tê buốt của Pascal” (I.321-322).

“Ý hướng đức lý của những tác phẩm lớn là ý hướng tất nhiên, không bao giờ thiếu. Và chính nó là cội nguồn kỳ bí của tác phẩm lớn. Nhưng có điều: nghệ sỹ tâm thường thì đem đức lý làm hại tác phẩm, bởi vì ngay cái đức lý họ quan niệm đã hồng tự ban đầu. Họ làm ta khó chịu. Đối với nghệ sỹ lớn, không vậy. Đây là điều rất dễ hiểu: kẻ trung nhân dĩ hạ vớ vào đầu làm hư tới đó. Kẻ trung nhân dĩ thượng, trái lại. Họ kết hợp hồn nhiên cái chân, cái thiện, cái mỹ vào nhau như là ăn và uống vậy” (I.262).

Cho nên, “ gương mặt Camus sau này sẽ nằm sát bên hình ảnh Faulkner trong văn học thế giới để biểu trưng cho sự cố gắng phi thường của con người kỷ nguyên này chống lại những hăm dọa khủng khiếp rình rập xô đẩy nhân gian vào đường tuyệt diệt” (I.456). Tóm lại, “Camus đã sống với thời đại, hiểu trọn vẹn bi kịch của thời đại, thừa sáng suốt để nhận ra những điểm ‘sơ hở’ cần thiết của Nietzsche, những toi bời mãnh liệt của Dostoievsky, những lời rời rã của Kafka... và đủ can đảm để lùi về phía sau, cam lòng chịu để đời ngộ nhận thái độ của mình và chậm rãi bình tĩnh nói tiếng nói muôn đời của nhân loại khát vọng tự do và công chính” (I.475).

Trích dẫn đã dài, nhưng khó có thể tự ngăn mình thu nhặt thêm khá nhiều những nhận định sâu sắc như thế rải rác trong sách của ông. Đây là một ít: Quyển sách hay không phải vì lạ. “Thứ xin hỏi: có gì mới lạ trên trái đất nghìn năm? Một người nông dân lam lũ thời xưa, có lẽ đã sống hết mọi bi kịch to và nhỏ của thân phận làm người. Và ngôn ngữ phổ diễn tâm tình, cách đây ngót 30 thế kỷ, đã được những Homère và những chàng Hy Lạp lang thang xưa kia tận dụng mọi khả năng. Duy có điều: mỗi thời đại trong cảnh huống của mình, phải ‘sống’ lại tấn tuồng nhân thế và ‘cử’ ra những đại diện - tạm gọi là nghệ sỹ - để bày tỏ theo giọng điệu mình. Nếu ta có sống thật, ắt ta nhận ra được âm vang và dư vang của họ. Ta đã nghe bằng tai hay mắt?” (I.425) “Toute l’invention

consiste à faire quelque chose de rien”. Tất cả phát minh, sáng tạo là ở chỗ : dựng lập lên một cái gì bằng những vật liệu không đâu. Không đâu, bởi vì chúng tâm thường lắm : vui, buồn, thương nhớ, ân hận, hoang mang... Có gì là mới là lạ ?

“ *Những Euripide, Homère, ngàn năm vẫn mới. Mỗi lần trở về với họ, trong vòng tồn sinh lận đận, mỗi lần lại cảm thấy mình tiếp xúc với thâm để cội nguồn của tư lự nhân gian* ” (I.426).

Từ nhận định đó, ông trở về với văn chương dân tộc : “ *Mọi lời của Nguyễn Du đều chứa đủ dư vang siêu hình của một niềm hoài vọng (...)* Phải luôn luôn nhớ rằng : những tiếng dậm phàn, đường mây, ngõ hạnh của Nguyễn Du cũng như mọi ngôn ngữ khác của thiên tài đều mang nhiều ý nghĩa hiu hắt mệnh mông. Đoạn trường giữa hân hoan. Xa vắng nhớ nhung nằm giữa lộng lẫy. Muốn suy tư đúng lối không thể không lên đường dẫu biển mấy cuộc trải qua, giấu mình vào sinh ra tử, mấy lần độ mặt với lá cỏ hư không vắng lặng đoạn trường ”.

Câu trích dẫn sau cùng mang ý nghĩa cốt yếu để hiểu quan niệm sáng tác của ông : “ *mỗi thời đại trong cảnh huống mình, phải ‘ sống ’ lại tấn tuồng nhân thế...*”, “ *muốn suy tư đúng lối, không thể không lên đường dẫu biển mấy cuộc trải qua...*”. Hölderlin và Bùi Giáng sao giống nhau quá : họ đều lấy sự nghiệp sáng tạo (thi ca) để bảo chứng cho tư tưởng của mình, rồi lấy chính cuộc đời riêng (“ *gẫm chông gai ấy ai từng đập qua* ”, thơ B.G.) bảo chứng cho thi ca. Họ không “làm” nghệ thuật theo nguyên nghĩa của chữ “Art” là cái gì “giả tạo”, “thêu thùa”, họ sống thật “với” và “trong” nghệ thuật, tư tưởng. Mở rộng ra, xin lưu ý : sự trải nghiệm rất đau đớn trong đời sống và tâm thức nơi một cá thể (ontogenèse) phản ánh thu gọn của quá trình đào luyện lâu dài xét trên bình diện cả giống loài (polygenèse) là điều kiện thiết yếu để khắc phục tha hóa, một chủ đề lớn thường được nhắc đi nhắc lại, đặc biệt trong triết học Đức từ Lessing, Herder, Kant đến Hölderlin, Hegel, Heidegger qua các từ hệ trọng như trải nghiệm (Erfahrung), đào luyện (Bildung)... còn được trở lại trong các trang sau.

Thiếu sự trải nghiệm ấy, những ngộ nhận còn gây hậu quả trầm trọng hơn nhiều trong lĩnh vực triết học. Ở đây, ông chỉ nêu và phân tích khá kỹ một vài trường hợp điển hình như giữa Sartre, J.Wahl với Heidegger để từ đó liên tưởng đến biết bao trường hợp tương tự trong lịch sử dài dằng dặc của triết học.

Có những ngộ nhận do ác ý không đáng nói làm gì. Có những ngộ nhận do không đạt đến được độ cao cần thiết ngang nhau để cùng tiếp tục suy tư là điều thường gặp. Có những ngộ nhận do bị làm “tù binh” trong vòng vây của lẽ lối suy tư của chính mình. Đó là điều mà Heidegger muốn truy nguyên và phơi bày ra khi ông phê phán cả nền siêu hình học Âu Châu hàng nghìn năm ngộ nhận bản thân triết học Tây Phương. Sự ngộ nhận khiến cho Physis trở thành cái Idea, chân lý (A-letheia) thành sự nghiệm đúng, Logos trở thành mệnh đề,

* Chữ “das Sein” thường được dịch sang tiếng Việt là “tồn tại. Trong triết Heidegger, dịch là “hữu thể” hợp hơn chăng? Có khi ông cố ý viết là “das Seyn” theo nghĩa “nguyên sơ” (urspruenglich) để phân biệt hẳn với “das Sein” của bản thể học (Ontologie) truyền thống và nhất là với “das Seiende” là vật thể, cái tồn tại.

thành các phạm trù của tư duy lý niệm, khiến cho Hữu thể (das Sein)^(*) luôn bị khách thể hóa thành một vật thể (das Seiende), và vật thể chỉ còn trở lại là một đối tượng nghiên cứu, một đồ vật, một món hàng hóa, một giá trị trao đổi đơn thuần. Ông gọi đó là sự “lãng quên hữu thể” (Seinsvergessenheit), vì qua quá trình khách thể hóa, người ta đã quên mất nhờ đâu mà có thể khách thể hóa, đã không còn biết “nghe ra từ độ suối khe” (4) khi Hữu thể tự phơi mở ra cho con người trong kết hợp uyên nguyên với thời gian.

Đó cũng là trường hợp điển hình khác mà Bùi Giáng có nhắc qua khi ông dẫn nguyên văn lời của Merleau Ponty trách người khổng lồ Hegel đã “nhắm lẩn dị thường đối với tư tưởng Đông Phương”, xin tạm dịch : “Hegel và những kẻ theo ông không thừa nhận tư tưởng Đông Phương xứng danh triết học vì xem tư tưởng ấy còn xa lắm mới vươn tới trình độ Khái niệm (...) Quan niệm về tri thức của chúng ta vốn quá nghiệt ngã khiến cho mọi lối tư duy khác hoặc bị xem là những phát họa sơ khai của khái niệm hoặc bị coi thường là phi lý tính” (5). Vấn đề đáng được nghiên cứu riêng biệt và cận kề, và thực ra, không chỉ tư tưởng Đông Phương mà cả tư tưởng cổ đại Hy Lạp và của các tiền bối của ông đều được Hegel mang ra đánh giá dưới ánh sáng và trong khuôn khổ của “phép biện chứng Tinh thần” vừa rất sâu sắc ở mặt này, vừa không khỏi ít nhiều bất công, khiên cưỡng ở mặt kia. Tuy nhiên đây là những lầm lẫn có thể có của kẻ thiên tài, là “quyền được sai lầm” của các triết gia lớn mà người đời sau cần biết tôn trọng.

Còn một loại ngộ nhận nữa mà Bùi Giáng rất sợ - và có lẽ ai cũng vậy - là từ những kẻ ít nhiều tự xưng là môn đệ hoặc gần gũi “lặng theo là lặng theo cái vành ngoài, không biết tới cái vành trong nung nấu” (I.429). Họ làm cho mảnh đất màu mỡ của suy tư bị sa mạc hóa. “Thật quả không ngờ đức Khổng mà cũng gặp ông Tổ Siêu thực ở giữa một Sáu Thành... Sa mạc của Đức Khổng tẻ buốt trong những tiếng ‘Đôi, Nuy, Hoại’ (6), kẻ nào là chính danh thủ phạm gây ra ?” (I.304).

Đức Khổng giận dữ nêu đích danh, đó là “lũ nho hương nguyệt”, bọn giặc của Đức. (Hương nguyệt, đức chi tặc dã, Luận ngữ - thiên Dương Hóa 17). Nếu không thể tìm được những bậc chí thành, thì ông thà giao du với những kẻ “cuồng, quỵến”, vì dù sao, “cuồng” còn có óc cởi mở, câu tiến ; “quỵến” còn có chút lương tâm để có lúc biết dừng. (“Cuồng giả tiến thủ, quỵến giả hữu sở bất vi”, Luận ngữ - thiên Tử Lộ 13). Bùi Giáng gọi chung đám “*hương nguyệt hiện đại*” là “*học giả hư ngụy*”. Nơi đây không có sự tranh luận sòng phẳng về học thuật, nói gì đến đối thoại vì những cơ sở của đối thoại bị thủ tiêu từ trong trứng nước. Chỉ có sự giả trá lộng hành. Họ không những làm cho lạc lối mà còn nguy hại hơn, khiến cho người đi sau chán ngán, xa rời và ngoảnh lưng lại với chính Con đường. Bùi Giáng chia xẻ lời nói trầm trọng của Heidegger: “Sa mạc lớn dần. Nghĩa là hoang tàn lan rộng. Hoang tàn gồm guốc hơn tàn phá. Hoang tàn còn ghê tởm hơn tàn diệt. Tàn diệt là tàn phá những gì được xây dựng từ trước tới nay, còn hoang tàn chặn đứng con đường tương lai của sinh trường và ngăn cản mọi Cuộc Xây Dựng Mai Sau” (I.304).

Công cuộc “tái tạo”, vì thế, cần thiết và khó khăn. Nếu một lúc nào đó, - trong cái thế giới gãy đổ này (le monde cassé, nói theo G. Marcel) - người ta “không còn sức lực để vươn lên ngang trình hạn của thế giới hoàng đại của tinh thần : thực hiện thế giới tinh thần một cách chân chính trong

tâm thức mình”, thì theo Heidegger, chẳng còn cách nào hơn là chịu khó “*suy tư một cách suy tư hơn chút nữa*” (denkender Denken) bằng sự “*chiêm nghiệm tinh thành*” (Andenken). Trong ý đó, Bùi Giáng, trong các quyển sau, có khi mượn lối nói của Thiên gia “*bách xích can đầu hoàn tu cánh tiến nhất bộ*” (chót vót cây sào trăm thước, nên gắng thêm một bước chân nữa), hay như ở đây, ông kêu gọi : “*xin linh hồn tuyết bạch của Suy Tư hãy đắm chiêu hơn chút nữa, lúc đi về trong Cổ Lục bên đèn*” (I.140). Vì lẽ “*dư vang của Văn là dư vang của vô ngôn. Vô-suy-tư là cái ẩn kín nằm trong lời ẩn kín*” và “*Cái phân Bất-Suy-Tư trong trang-sách-giới-hạn, kẻ đọc sách phải mở phơi nó ra*”.

Ông thích thú tìm gặp điều hiếm hoi đó trong “*dòng giao cảm giữa người bàn luận và người sáng tác, giữa triết gia con đẻ của hiện tượng luận và người thi sỹ ‘témoin du spirituel’ [nhân chứng của siêu linh] : như Heidegger bàn tới thơ của Hoelderlin hoặc G.Marcel bàn tới thơ Rilke*” (I.255). Thi nhân gặp thi nhân là tự nhiên như Nguyễn Du nhớ Đỗ Phủ : “*Dị đại tương liên không sai lệch*” (Sống khác thời nhau nhưng thương nhau luống rơi nước mắt). Giữa triết gia và thi nhân thì khác, khó hơn. Phải hoàng đại như Khổng Tử đọc Kinh Thi. Hoặc cần “*mang đủ trong mình mạch thơ của xứ Đức động nguồn vì trời Hy Lạp ngàn xưa đã dậy bình trong Hoelderlin, Nietzsche thế kỷ trước. Cũng vì lẽ đó mà không ai nói về thơ với những lời phi thường như Heidegger khi ông bàn tới Hoelderlin*”. “*Thi nhân và triết nhân đứng trong ngôn ngữ là đứng trên hai chóp núi xa biệt vô cùng nhưng vôi vôi như nhau nên cùng đón nhận như nhau mọi sương tuyết phiêu bồng hiu hiu về với Chi - Chi Kiều là thiên thu Hồn Logos*” (I.305). Câu văn “*phiêu bồng*” của ông đưa ta về một phương trời của những cuộc tao ngộ lạ thường.

Phần II

Platon nghi ngờ khả năng nhận thức chân lý của thi ca, nên ông muốn đuổi hết thi sỹ ra khỏi nước cộng hòa lý tưởng của ông (7) mặc dù - hoặc chính vì - triết của ông mới thực là một trường ca vĩ đại tràn ngập hồn thơ ! A.G Baumgarten, người được vinh hạnh là cha đẻ của từ “*mĩ học*” hiện đại, mới thực sự đứng hẳn trong truyền thống duy lý, dứt khoát xem thi ca chỉ là “*quan năng nhận thức hạ đẳng*” (Facultatis cognoscitivae inferiores) (8).

Ta đột ngột gặp Hölderlin với khẳng định ngược lại : “*Thi ca (...) rồi sẽ trở lại như lúc khởi nguyên : là người thầy của nhân loại ; vì rằng chẳng phải triết học, cũng chẳng phải lịch sử mà chỉ riêng nghệ thuật thi ca mới trường tồn hơn tất cả mọi ngành nghệ thuật khác.*” (9). Heidegger thì xem Hölderlin là “*Thi sỹ của Thi sỹ*”, không phải để ca ngợi cá nhân nhà thơ mà muốn nói điều sâu xa hơn : “*Tại thể - người của chúng ta trở thành kẻ mang sức sống, kẻ hiện thân cho sức mạnh của thi ca*” (“*Unser Dasein zum Lebenstraeger der Macht der Dichtung*”). Minh giải điều này vượt khỏi khuôn khổ của bài viết, chỉ xin lưu ý : “*Thi ca*” nói ở đây được hiểu theo nghĩa rất rộng. Trong sách này, như đã nói, Hölderlin chỉ mới ẩn hiện và sẽ hiển lộ nhiều hơn ở các quyển sau, nhưng cũng chủ yếu ở phần thi ca qua sự minh giải cao xa, khó hiểu của Heidegger. Do đó, để dễ theo dõi văn mạch và chuẩn bị cho việc tìm hiểu Heidegger trong quyển sách này, tưởng cần dừng lại đôi chút ở phần triết

học, tức cơ sở tư tưởng của Hölderlin còn ít được giới thiệu, dù chỉ trên vài nét chấm phá :

1. Hölderlin (1770 - 1843) (10) là người bạn “*nổi khổ*” chung trường, chung phòng với Schelling và Hegel khi còn trẻ. Đều là những khuôn mặt lớn của triết học cổ điển Đức, họ giống nhau ở khởi điểm, khác nhau ở cuối đường và cùng gây ảnh hưởng lớn lao.

Nếu ta đồng ý với J.F. Lyotard (11) - một tác giả tiêu biểu của trào lưu “*hậu hiện đại*” (post-moderne) ngày nay - rằng ba tiêu điểm đặc trưng của thời “*hiện đại*” (tạm hiểu là thời cổ điển, phân biệt với “*tâm thức hậu hiện đại*” từ những năm 70 của thế kỷ này) là “*phép biện chứng của Tinh thần, giải minh học về ý nghĩa và sự giải phóng cho chủ thể tư duy và lao động*”, thì Hölderlin quả thuộc về truyền thống ấy. Cả ba đặc trưng trên đều có trong tác phẩm của ông, nhất là đặc trưng đầu tiên vốn thường được gắn liền với tên tuổi Hegel dù ông mới là người thực sự có công đầu. Quan niệm của ông về động lực tự đào luyện (Bildungstrieb) của giống loài, huyền thoại về Tinh Thần nguyên thủy tự tha hóa trong thế giới vật chất rồi qua quá trình phát triển biện chứng của lịch sử mà tự nhận thức chính mình - tuy là thành quả suy tư chung với Hegel khi còn trẻ và sau này được Hegel phê diễn rạch ròi, - nhưng các nghiên cứu mới đây cho thấy về điểm này, Hegel đã học được rất nhiều ở Hölderlin hơn là ngược lại. Truyền thống tư duy về lịch sử theo phong thái Hegel bắt nguồn từ Hölderlin nhiều hơn người ta tưởng.

(Xin xem tiếp phần II trong số sau)

BVNS, 5 - 2000

CHÚ THÍCH :

- (1) Henry Corbin, lời tựa quyển “*Siêu hình học nhập môn*” của Heidegger do Ông dịch ra tiếng Pháp.
- (2) Xem “*Lời Cổ Quận*”, “*Lễ Hội Tháng Ba*” . . . Bùi Giáng diễn dịch “*Erläuterungen zu Hoelderlins Dichtung*” (Minh giải về thơ Hoelderlin) của Heidegger : (GA4, 1981). Tác phẩm của Heidegger : “*Toàn tập Heidegger*” (Gesamtausgabe, (viết tắt : GA) xuất bản từ 1975, NXB Vittorio Klostermann, Frankfurt/M).
- (3) Caligula : tên vở kịch và cũng là nhân vật bạo chúa La Mã của Camus
Martha : tên nhân vật nữ trong vở kịch “*le Malendendu*” (Ngộ Nhận) của A. Camus, Martha muốn “*đổi đời*”, cùng mẹ mở hắc điểm đầu độc khách trọ để cướp bóc. Một hôm nàng giết nhầm anh ruột của mình . . .
- (4) Lời một bài hát của Nhạc sỹ Trịnh Công Sơn.
- (5) M. Ponty, Signes, dẫn theo B.G. , (II.106)
- (6) Lời than của Đức Khổng : “*Thái Sơn kỳ đổi hồ ! Lương mộc kỳ hoại hồ ! Triết nhân kỳ nuy hồ !*” (Núi Thái sơn mà đổ sao, cây gỗ tốt mà hỏng sao, bậc triết nhân mà nguy sao ?).
- (7) Platon, Politeia, 595a - 608b.
- (8) A.G. Baumgarten, Aesthetica, Frankfurt/O. 1750-58, 630.
- (9) F. Hoelderlin, StA III, 1; 298.
- (10) Tác phẩm của Hoelderlin : - Toàn tập (Saemtliche Werke, Stuttgart, 1943 - 1985, viết tắt StA).
- Toàn tập (Saemtliche Werke, Frankfurt/M 1976, viết tắt FHA).
- (11) J.H. Lyotard, Das postmoderne Wissen, Graz/Wien 1986, tr.13 (Nguyên tác tiếng Pháp : “*La condition postmoderne*”).

Nguyễn Thanh Nhã

đọc tiểu thuyết lịch sử

Gió Lửa

của NAM DAO

Với **Gió Lửa** phát hành từ cuối năm 1999 (*), đã xuất hiện đích thực một nhà văn. Tiểu thuyết đầu tay của Nam Dao ghi một dấu son rõ ràng, có nhiều cơ bên bả. Hấp dẫn như loại chương hồi kiểu *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* hay *Tiểu Sơn Tráng Sĩ*, **Gió Lửa** còn sáng giá vì một văn phong linh hoạt, uyển chuyển mà vẫn chính xác, đậm vị quái ảo mà không thiếu chất thơ. Đặc biệt vì một sử quan nặng suy tưởng không dựa trên sự xác lập những dữ kiện lịch sử, mà chủ yếu trên sự diễn dịch lịch sử với tham vọng hội chẩn quá khứ hồng rút ra bài học và phương thuốc cho hiện tại và tương lai.

Quan niệm rất phóng túng về tiểu thuyết dã sử đã dẫn tác giả dàn dựng một loạt tác nhân chủ động của giai đoạn chót cuộc Trịnh Nguyễn phân tranh ở cuối thế kỷ thứ 18, một thời kỳ rung chuyển bởi nhiều biến cố trọng đại ở Việt Nam và trên thế giới (cuộc Cách mạng dân chủ Pháp chẳng hạn). Tất cả các vai trò đều hành xử và sinh hoạt theo một kịch bản có tính cách phúng dụ, không nhất thiết phù hợp với thực tại mà diễn tiến qua lăng kính hư cấu và viễn đoán của tác giả.

Tiêu biểu là những nhân vật tưởng tượng như Trọng Thức (phần nào là hiện thân của tác giả), Toàn Nhật, hay tên tuổi thật như Nguyễn Lữ, Trịnh Bồng, Nguyễn Huy Tự, Ngô Thời Nhậm được phó cho một bản lĩnh kiên toàn thích hợp, hơn là những nhân vật lấy lòng như Quang Trung, Nguyễn Ánh, ngược lại, có chiều bị tước đi hào quang thần tượng, kéo về tầm thước con người máu thịt, do đó thêm phần sống động, đặc biệt với Nguyễn Huệ về kích thước tình dục, một mạch ưu đãi mà Nam Dao khai thác ở nhiều hồi khác (như đoạn về Đặng Thị Huệ hay Bá Đa Lộc chẳng hạn).

Dĩ nhiên thời kỳ đảo loạn đầy vang động và phần nộ của **Gió Lửa** còn thấy diễn hành chen cánh vô số nhân vật khác, nào Nguyễn Hữu Chỉnh, Trần Đanh Kỷ, Nguyễn Du, nào Trịnh Sâm, Nguyễn Nhạc, Bá Đa Lộc, nào Đặng Thị Huệ, Ngọc Hân đều đầy sức sống làm hoạt náo trường thiên ly kỳ. Nhưng chính những nhân vật tiêu biểu mới là cột trụ chung quanh đó được xây dựng cốt truyện khả dĩ minh họa mô hình diễn dịch của tác giả. Do đó họ được tô vẽ nhào nặn đủ khả tín để mỗi người đóng vai trò chỉ định trong mô hình. Yêu cầu tạc luyện nhiều dịp đã dẫn đến sự cường bức lịch sử : tác giả chấp nhận cái giá đó phải trả cho công trình hư cấu.

Rất chính đáng nếu dụng ý trộn lộn xưa và nay, thời điểm này với thời điểm khác nhằm làm nổi bật ẩn dụ hay thông điệp

(*) Nam Dao, **Gió Lửa**, Québec, 1999, 494 trang, giá 20 USD (ngoài châu Mỹ : + 2 USD), Nhà xuất bản Thi Văn, P.O. Box 42045, suc. St-Louis, ST-FOY, Qc, CANADA G1W 4Y3 ; Email : thivan@videotron.ca <http://pages.infinit.net/thivan/home.htm>

muốn chuyển đến đọc giả. Nhưng lác đác còn rơi rớt một vài chi tiết lạc thời, hoặc vô bổ như ghép đạo Cao Đài vào thời Tây Sơn (Nguyễn Lữ đàm đạo với Đạo Trung, ám chỉ hộ pháp Lê Văn Trung, trang 353), hay đặt cũng vào thời ấy uy lực độc quyền về lúa gạo của thương nhân Hoa kiều vùng Sài Gòn Chợ Lớn chỉ thực sự xuất hiện vào đầu thế kỷ 20 ; hoặc lộ quá rõ tiếng nói của tác giả như đặt ngôn từ hiện đại vào miệng các nhân vật cuối thế kỷ 18 (Nguyễn Huệ : “ *tóm lại, ta sống làm cái gạch nối từ hiện tại vào một tương lai tươi sáng hơn* ” trang 387 ; Ngô Thời Nhậm : “ *Ngày nào giữ vững được cõi bờ phía Bắc, ta mới có thể vào cùng hai vị động nã trên những vấn đề quan thiết* ” trang 374 ; không kể những từ mác xít vong thân, tha hoá trong miệng Nguyễn Huy Tự !).

Mẫu (hay đúng hơn mô) hình văn hoá hàm chứa động thái nội chiến tàng ẩn trong lịch sử Việt Nam không những từ khởi điểm của cuộc phân tranh Trịnh Nguyễn, mà theo Nam Dao từ bước bành trướng đầu tiên của cuộc Nam Tiến ở đầu thế kỷ 14 với sự gả bán Công chúa Huyền Trân lấy hai châu Ô, Lý (tức Thuận, Hoá), mẫu hình văn hoá đó được xây dựng theo tiến trình hướng tới giải pháp tối ưu là dân chủ hoá (được gọi là phép Tề Nhân Thế Đạo), khai phóng hoá và canh tân hoá.

Yếu tố nào đã nuôi dưỡng tình trạng nội chiến âm ỉ và ngăn cản sự điều hành xuôi thuận đến mục tiêu mong ước của mẫu hình ? Mượn lời Trọng Thức hay Toàn Nhật hay qua hôn ma vua Chàm Chế Mân, Nam Dao nêu lòng tham quyền lực như động cơ tiêu cực chủ đạo. Tham vọng quyền bính dẫn đến sự đuổi bắt danh lợi bằng mọi giá và sự tôn sùng bạo lực với mọi biểu hiện của nghiệp ác : thân nghiệp ác (sát sinh), khẩu nghiệp ác, ý nghiệp ác (tham, sân, si). Nó là nguồn căn của những tranh giành đẫm máu, những chém giết liên miên, những tương tàn tứ phía, giữa và trong các triều đại, các dòng họ, các phe nhóm, các gia đình, tất cả diễn ra theo một vòng xoắn ốc nhân quả kéo xuống vực sâu của đảo loạn, chiến tranh và huỷ diệt.

Cách giải thích diễn tiến lịch sử bằng nguyên do tâm lý theo quan điểm Nhà Phật là sợi chỉ xuyên suốt kết cấu truyện và rọi một ánh nhìn cá biệt trên tiểu sử và cốt cách của mỗi vai trò, đặc biệt của những nhân vật mang thông điệp tác giả. Thí dụ nổi bật là nhân vật Nguyễn Lữ trong chính sử lu mờ nhất giữa ba anh em Tây Sơn, nhưng ở đây trong **Gió Lửa**, lại là điển hình hứa hẹn của một cứu tinh, hội đủ đức hạnh giải được ác nghiệp nội chiến : lượng từ bi khoan hoà, lòng nhân ái bao dung, tinh thần khoáng đạt rộng mở, những đức tính khả dĩ thăng hoa, gạt bỏ dần thù hận, hung bạo và tranh chấp, mở đường cho đồng thuận và xây dựng tập thể, chiêu tụ được các hiền tài như Nguyễn Huy Tự, Toàn Nhật, sẵn sàng góp sức cho một quốc sách bình trị, an dân và thông hiếu.

Tất cả cấu trúc và diễn biến của **Gió Lửa** được bố trí chung quanh sự vận hành của mô hình lịch sử. người đọc không tránh phải trở lại những vấn đề đặt ra bởi tiền đề, nội dung và hệ quả của mô hình. Để minh họa hay biện minh, Nam Dao sử dụng rộng rãi quyền hư cấu trong sự dàn dựng các nhân vật và trong cách sắp xếp các tình tiết. Khung cảnh chung cũng được phác họa theo định hướng. Thử nêu lên thí dụ về cơ sở xã hội của tiến trình dân chủ hoá, mục tiêu tối hậu của mô hình như đã

(Xem tiếp trang 36)

Hẻm

Nguyễn thị Hoàng Bắc

1. Office Site For Sale

Con hẻm chẳng hay ho gì.

Hẹp, nằm giữa khu sân ten-nít và rừng cây chưa khai phá, sau lưng mấy dãy nhà mới cất chen chúc, thấp cao của những gia đình lợi tức thấp và đông con, do quận hạt phân phối và bán giá rẻ theo kiểu rút thăm.

Sáng tinh mơ cuối tuần, hấn đi dạo loanh quanh cho tiêu mỡ (không hẳn quả thật thế!) thì gọi là đi thể dục tí chút, có thể đúng hơn. Vu vơ ngừa chứng căng mạch máu, hay đột quỵ tim, hay đái đường bá bệnh, mấy lo âu thời đại. Thịnh thoảng gặp một hai ông bà già, không là người bản xứ, như hấn, ăn bộn lời thôi, luộm thuộm, áo quần không ra trong nhà, thể thao việt dã cũng không ra thể thao việt dã, quần bi-ra-ma, áo măng tô, mũ len mùa lạnh, sơ mi vải bông mùa nóng, cũng dạo lảng quăng trong con hẻm. Bỗng đi một dạo, trời ngả lạnh, thì chẳng thấy ai. Lại mưa lất phất, con hẻm đỏ lấm lạp hai hàng cỏ xanh ngả úa, trời u ám buồn, đột nhiên nhờ vậy, hấn thấy con hẻm dường như lạ hơn. Vẫn đi bộ cuối tuần, dù mưa nắng, hấn, cũng một thứ nón vải vành hẹp, nắng thì thêm cặp kính đen, cả hai đều mua ở KMart.

Đi lại với nhau mãi, có hôm hấn cũng thấy cũng tha thiết, hôm khác lại thấy bình thường.

Cho đến cái hôm điếng hồn. Tám bảng kẻ chữ xanh rao quảng cáo bán khu rừng để xây dựng công ty. Hấn ngỡ ngẩn. Như khi nghe tin người bạn thân, dù chỉ là bạn nói chuyện vu vơ trời đất, thẳng hoặc lấm mới gọi nhau qua điện thoại, cả hàng năm trời chắc gì gặp mặt... bạn lại là đứa ít tiếng ít lời, bỗng nhiên thành linh nghe tin bạn đi, kinh hoàng, rụng rời. Chà, nếu khu rừng phát quang để biến thành công sở, con hẻm đất nhếch nhác của hấn sẽ có lý do gì để tồn tại? Hấn lắc đầu, không nghĩ tiếp, không tưởng tượng. Ai lại đi tưởng tượng một đám ma chôn người thân mình?

Độc quyền khám phá con đường do hấn tự ban, và theo thói lệ, khám phá thì phải tuyên bố chủ quyền, dù chỉ là tuyên bố thâm giữa hấn với hấn. Mỗi cuối tuần, hấn mở cờ (giống trống), hồ hởi đi gặp cố tri, hết cuối tuần, lại đặt bầy bùa ngùi chia tay hẹn gặp lại. Riết ra, đâm nhớ nhưng thật sự, ôi bạn, hấn chẳng còn gì ngoài bạn? Ngày vợ con hấn còn ở nhà, có lần bà vợ đã buột miệng, *ăn với mặc như ông, thôi thì ở lại với bọn nhà quê còn hơn*, hấn im lặng, nhưng vẫn kín đáo khùng khinh coi thường lời bình phẩm của vợ. Giờ nghĩ lại, hấn thấy vợ cũng có lý, hấn lời thôi luộm thuộm ăn với mặc chỉ vì muốn thoải mái, người vợ lại chỉ thấy thoải mái khi phải *ăn bấc mặc kinh*.

Ô hẻm, mong sao mi sống lâu được chừng nào hay chừng ấy. Minh chưa xót thật hay vờ, nếu con đường bỗng nhiên biến mất? Ân cần, hấn đi chậm hơn, thủ thủ, nghĩ ngợi, cố kéo dài

phút giây thông thả bên nhau.

Cho tới một hôm khác. Đêm hôm đó, mưa như trút nước, gió lớn, những đợt gió đập thành phạch bên cửa, từng luồng ào ạt như tiếng máy quạt lúa, rồi cánh quạt đứt dây bay tung lên sấp xén đứt mái nhà hấn. Gân sáng, trời tạnh dần rồi êm hấn. Hấn thở phào khoan khoái. Thận trọng khăn áo ra đi.

Thăm hỏi bạn, thế nào rồi, đêm qua, mưa gió đã làm gì? Đất nhão nhoét, cỏ lấm lạp dưới chân, vài cây to trong rừng đã bị quạt ngã. Đang đi, bỗng có cảm giác là lạ, hấn bắt thân khựng lại. Khúc hẻm khuất trong rừng, chắn ngang giữa lối đi nhớt nháp đồ quẹt, lù lù vung vải một đám vỏ nhôm đã bị bóp bẹp, móp méo. Bên lề cỏ úa, cái vỏ hộp giấy xé rách làm đôi. Một tên say sưa bạo hành làm ô uest hẻm? Đêm hôm qua, người bạn nhỏ (hẻm hẹp) hiền lành (hẻm vắng) chả là đã bị phiền nhiễu quá đáng? Có lẽ, những tiếng la hét say sưa là nhờ kể lể, có lẽ, những tràng chửi tục vang ra liên tu bất tận? Dám nốc hết trọn một két bia lớn, tay bọm chẳng vừa!

Hấn ngán người, ngáp ngừng, rồi chẳng dặng dưng, chậm chạp cúi nhặt đồng vỏ lon, dón vào hộp giấy rách, lễ mễ quay ra kiểm thùng rác.

Rồi trở lại khu rừng. Con hẻm đã sạch bong như ý.

Giống như mỗi khi uống cạn ly coke ở tiệm fast food rồi mở vòi chế đầy thêm nước mới, con hẻm đã có công chế trả lại hấn mấy sức lực đã tiêu pha (mòn mỏi) trong những ngày giờ ở xưởng, bù lại, hấn dọn dẹp chút đỉnh cũng là đáng trả công.

Lại một tuần trong xưởng tiêu hao, hấn trở lại con đường. Và từ xa, đã trông thấy quang cảnh hết như tuần trước, như ai đó bí mật đang trêu ngươi. Cũng vỏ giấy, cũng vỏ bia bóp bẹp, cũng y hết một chỗ ngồi nơi khúc hẻm khuất, hấn hơi rợn, ngó ngoái chung quanh. Có ai đang nấp đầu đó, đang mỉm cười khoái trá nhìn hấn làm cái việc vô công rồi nghề (lầm ca lầm cảm) quét dọn cho một người không quen biết? Không chừng kẻ chơi khăm đang thú vị, hoặc giả, tưởng hấn điên. Nổi khùng, hấn ngáp ngừng, dấm bừa qua đồng vỏ lon, đá mạnh một cú, đi qua. Thơ thẩn, nhưng lòng nặng trĩu, hấn vòng lại. Vẫn không động tịnh gì. Sao lại thế, hấn thở dài, chắc tay bọm nhậu đã đi xa. Sao lại nở thế, ngáp ngừng, nhưng hấn dọn.

2. Saint-Exupéry, Lý Bạch

Chắc chắn là, ai cũng sẽ từ từ chết, nếu con hẻm phải chết, và cứ đà tam đoạn luận này, có thể nó sẽ chết trước hấn. Nhưng, *ta đã biến nó nên bạn thiết của ta, và bây giờ nó trở thành duy nhất trong cõi hồ sơn ứng mộng cho Sa Mạc trở bóng Vũ Lâm Xuân hồi khan Thanh Cẩm Nguyệt*. * Giọng điệu này, hấn đã có về tuý lúy.

Đêm thứ sáu trước cuối tuần, hấn bồn chồn. Không ngủ được. Lo lắng hoang mang. Mai, con đường có còn bị xáo tung bề bộn như hai tuần trước? Ngạc nhiên, vẫn hoang mang mất ngủ, hết như những lần trước trong nước mỗi khi có ai kêu mách vượt biên, hấn vui buồn hy vọng sầu khổ đau đớn lẫn lộn. Lâu quá rồi, hấn còn trẻ trung gì nữa cho cam? Đến sáng, khi chập chờn thức giấc, thấy mình vẫn nôn nao bất ổn, hấn thấy mũi lòng thương cảm quá. Chẳng biết là thương cảm gì. Đời sống bên trong xôn xao ra sao, mà bên ngoài, hấn đã phẳng lặng giấu tiết, hay đã giản tiện mọi điều, để ăn uống,

bài tiết, đi ngủ, đi làm, đúng giờ, như cái máy, như những người bình thường chấp nhận và thực hành số phận bình thường ? Một lần, một người bạn đã rủ rê hẳn tham gia khoá thiền ngắn hạn bốn ngày, do một nhà sư nổi tiếng cao đạo tổ chức, hẳn đi, bốn đêm ngồi trong căn phòng ánh sáng mờ mờ chỉ hai ngọn nến leo lét, thiên sinh xếp bằng, xoã tóc, gục đầu, những cái xác. Thỉnh thoảng, một hồi chuông bong bong, và tiếng người nhắc nhở, *thở vào tôi thấy tôi hạnh phúc, thở ra tôi thấy tôi bình an...* Cũng là một hình thức tự kỷ ám thị, một thứ bùa thôi miên, và có thể tùy người, mạnh như một thứ ma túy. An ủi và xoa dịu thần kinh đang căng thẳng theo đủ kiểu của đủ mọi loại người ? Nín lặng như một thứ bàn thắng phải đập, để vận chậm lại tốc độ của kim đồng hồ. Một loại đồng hồ đặc biệt chỉ để sử dụng cho những người đặc biệt ?

Lờ đờ hơn, là nước đọng ao tù, là róc rách suối nhỏ, nhưng làm sao, khi dòng nước đang vận đến hết tốc lực để leo ghềnh, và cũng hết tốc lực, khi lao xuống thác, những khi cần tuôn ra biển ? Hay chính là chiêu thức lấy *nhu thắng cương*, lấy *tĩnh thắng động* ?

*Biết chăng ai, sông Hoàng hà ngọn nước tự lưng trời, tuôn đến biển khôn vơi lại được ? **

Ăn nói, đi đứng, khóc cười với hẳn lúc này, chỉ là những động tác bắt buộc để từ từ sống chết.

3. Bẫy Triệu Rươi Lẻ Mọt

Chuyện vô lon trở thành nhàm và chuyện hẳn dọn dẹp mỗi tuần khi đi dạo cho con hẻm cũng trở thành bình thường máy móc. Không còn dấu hỏi dấu chấm gì, như thói quen, hẳn tập nhiễm và kết hợp nhuần nhuyễn đi dạo với chuyện trò, dọn dẹp chu đáo *sạch nhà sạch phố*, chẳng nề hà. Có một tuần, tò mò, hẳn ra công thức khuya dậy sớm rình, để xem mặt cái người ngợm say sưa ấy. Chỉ có chai với lon, chẳng thấy ai, cô Tấm Cám nào trong trái thị chẳng chịu bước ra, người đẹp trong tranh cũng chẳng thấy, số phận hẳn chắc còn hằm hiu. Rình chán, chợt thấy nhớ nhớ lẫn ngưỡng ngưỡng. Có gì như sự xúc phạm vào niềm riêng của một tâm sự riêng không tiện giải bày.

Mưa hay ráo, ướt hay hanh, cứ mỗi tuần một kết, cứ ngồi đúng vào chỗ lai rai ấy, máy móc, chung tình, mẫn cán. *Trái đất không phải là một tình cầu lai rai như những lai rai tình cầu... người ta đếm có tới... bảy triệu rươi gã say ca mùa có đơn dưới nguyệt.** Từ đây, con số với hẳn sẽ là *bảy triệu rươi lẻ mọt*.

May ra, khi con đường chết, sẽ có được thêm một người khóc thương, hẳn nao nao. Gã cô đơn tham lam níu nguyệt, níu rượu, khu rừng có lẽ, hẳn níu con hẻm, vợ hẳn níu lấy quần áo tiệc tùng, hội đoàn níu lấy biểu tình theo chống, thiên sinh níu hơi thở, con chiền níu người chân, vài người níu lấy sách vở, và đám đông níu tiền, níu tiếng, đàn ông đàn bà như các hành tinh bắt buộc sống còn, xoắn xít níu nhau...

Giấc mơ đưa con người vượt thoát khỏi trọng lực trái đất đã là dững mảnh ghê hồn. Nhưng sao lại đút đầu vào lực hút trời buộc của sao Thủy sao Hỏa ? Hẳn níu lấy giấc mơ trút bỏ nhẹ nhàng, nhưng xem ra vẫn lúng túng như gà mắc dây. Đến thụ động vô tri có thể như con hẻm, vô tình xây dựng, vô tình

phá huỷ, vậy mà hữu tình cũng làm nhức nhối ít nhất hai trái tim của hẳn và gã say sưa kia.

Trái tim già của hẳn bỗng nhiên nện thành thành trong ngực. Khiêu khích ra mặt, không kiêng dè, hẳn nghe trái tim mở miệng, nè, ngắt bỏ tôi đi, ép hết máu khô kiệt tôi ra, quả khô hồi nắng sẽ lập tức héo rụng xuống. Là canh tàn nguyệt tận, là tiếng trống sang canh, là gà ran gáy sáng, cửa thành mở, ngựa xe vụt qua, đợi gì mà chưa ra tay ?

Hẳn hoảng hốt ôm ngực, nghe trái tim bất trị vẫn đập mạnh, và bốc hơi ngùn ngụt trong lồng ngực.

Nguyễn Thị Hoàng Bắc

9/2000

* Saint-Exupéry, *Hoàng Tử Bé (Le Petit Prince)* bản dịch Bùi Giáng, NXB An Tiêm, 1990, trang 85

* Lý Bạch, *Tương Tiến Tửu* bản dịch Vô Danh

* Saint-Exupéry, sdd, trang 67D

Đọc Gió lửa... tiếp theo trang 34

ghi ở trên, tiến trình được trình bày khá dài trong khuôn khổ các cuộc tranh luận giữa các lý thuyết gia Pháp cùng thời. Trong khung cảnh Việt Nam, theo sự gợi ý của tác giả, đám thương nhân với những đại diện xuất sắc như Nguyễn Hữu Chính, Nguyễn Nhạc... chỉ có thể đóng vai nòng cốt cho cơ sở đó nếu được sự hỗ trợ của hai giới Minh hương và giáo dân. Nếu sự hội nhập của cộng đồng Hoa kiều mang không ít triển vọng thành tựu – công đóng góp của họ Mạc và một số di thân nhà Minh vào sự củng cố vương triều Đàng Trong là một chứng cứ, sự hoà đồng của thành tố giáo dân dưới sự hướng dẫn của các giáo sĩ Tây Dương mà tác giả dành nhiều thiện cảm, càng không hiển nhiên và đặt ra nhiều vấn đề nan giải, có hệ quả đối nội và đối ngoại.

Nói cho cùng, câu hỏi trung tâm hẳn là vai trò của bạo lực trong lịch sử. Để giành quyền bính, ở đa số thể chế quân chủ Đông hay Tây, phương tiện thông lệ vẫn là bạo lực. Một chế độ độc đoán chỉ có thể lật đổ bằng bạo lực, kể cả bằng bạo lực của những anh hùng cứu tinh. Đối chiếu với cuối chế độ Tướng quân ở Nhật, vòng ác nghiệp nội chiến ở Việt Nam rất có thể được hoá giải nếu Quang Trung không mệnh yểu hay nếu Gia Long là một minh quân đích thực. Dòng lịch sử trong nền quân chủ cũ thường gắn liền trong một mức độ nhiều khi lẫn át cả những yếu tố kinh tế - xã hội, với những lãnh đạo xuất chúng, đức hạnh cao chưa đủ, phải vừa điều binh khiển tướng giỏi, những lãnh đạo văn võ kiêm toàn. Ghi nhận điều hiển nhiên này để đề dè dặt trước lập luận khá phổ biến hiện nay nhằm bênh vực dân chủ và hoà giải qua sự công kích bạo lực và chủ nghĩa anh hùng. Nhưng chống bạo lực bằng đơn thuần hoà hiệp chỉ đưa tới chủ bại, đầu hàng. Và đã phá các anh hùng võ tướng chỉ đưa đến tự ti, mặt thị dân tộc.

Gió Lửa là một tiểu thuyết đầu tay viết rất chắc tay, không xa một kiệt tác, hấp dẫn và kích động, mở ra nhiều hướng tranh luận cho quá khứ và hiện tại nước ta.

Nguyễn Thanh Nhà

Khúc ngẫu hứng của thời gian

ĐẶNG ANH ĐÀO

– Này, sao biến đi đâu suốt tuần qua đấy ? Có một lão người Việt trong đoàn tua-rít là người quen cũ nhờ mình điện cho cậu suốt tuần qua. Mai lão bay rồi.

– Tối nay lão muốn xem Hà Nội *by-night* hả ? Cám ơn bạn đã kiểm việc cho mình.

– Vô tư đi !... Mà này, lão ấy dạy chúng mình hồi trung học đấy. Tình cờ vớ được mình, lão mừng quá ? Đến *Quyn hôteo* ná. Hỏi khách phòng 41.

– Rồi ! *Quyn hôteo*. Đoàn tua-rít của Công ty AITC... Lại một cái tên viết tắt. Rõ khi. Đờ cha ăn mặn, đờ con khát nước. Trước đây, thời thanh niên của Cẩm, chỉ toàn thấy xung lên nào là công nhân, bần cố. Còn bây giờ thì đâu cũng thấy nào là *Queen*, *Prince*, nào là *Hoàng gia*, nào là Công ty... ít nhất là trên các biển hàng... May quá, con bạn lăm mối nó lại giới thiệu Cẩm một buổi lấp chỗ trống cho nó trong dịch vụ với đoàn tham quan của một công ty viễn thông siêu quốc gia. Nó còn trẻ, ở đâu cũng dễ được mướn, đâu có như Cẩm.

Ngồi chờ trong phòng tiếp tân của khách sạn, như đóng lại với thế giới bên ngoài. Ngoài kia là cái nóng hầm hập, bã người, bụi, âm ỉ. Nơi đây là mùi thơm được hâm lại trong phòng có điều hòa nhiệt độ.

– *Ma-đam* ?...

Cẩm giật mình quay lại. Khách đã đứng trước mặt chị.

– Xin lỗi...

Một giọng Bắc lơ lơ Sài Gòn, ấm áp. Nhưng Cẩm vẫn đứng ngây ra trước mặt khách : thế đấy, chính là anh ta ? Già đi, đầy ra, không còn ánh sáng ngời ngời của tuổi trẻ trên gương mặt, nhưng vẫn là Hiệp. Và không cao lớn như trong ký ức của Cẩm. Một con người không có gì đặc biệt. Vẫn mái tóc chải cẩn thận lạt ra đằng sau, đường mày nở nang, miệng hơi rộng, dưới đường mày ngang tàng đôi mắt nâu khiến cái nhìn dịu lại. Một con người không có gì đặc biệt, Cẩm đã nghĩ như vậy ngay lần gặp đầu tiên, thời tóc xõa ngang vai. Cố định thần lại, Cẩm lảng lạng chìa tấm danh thiếp. Vừa liếc nhìn cái tên, khách ngược cặp mắt nâu mở to nhìn lên. Sau lưng anh, sau lớp cửa toàn bằng kính thay thế nửa trên bức tường, Hà Nội đã lên đèn, những biển quảng cáo bắt đầu nhấp nháy.



Nơi ấy, dọc theo bờ con sông đào, những con đom đóm đã bắt đầu thấp lên ánh sáng trong buổi chiều xanh thẫm. Mặc bộ đồ vải nâu mới, Hiệp đi tìm cái quán có ghi biển “Phở chua”. Từ nội thành ra, anh được lệnh phải chờ ở đây một thời gian và tìm chỗ ở như trong thư hướng dẫn. Bờ sông đã vắng ngắt, một cô bé như mọc lên từ bụi cây sát mép nước, tay kéo chiếc

quần đen ướt che quá ngực chỉ lộ bờ vai nhô lên đang chạy ngược về phía anh, vừa chạy vừa khóc sụt sướt, mắt đảo nhìn các bụi cây bên bờ sông. Người lạ khiến cô chững lại, cố kéo cặp quần lên cao hơn nữa, tay quệt nước mắt, nhưng từ mái tóc ướt nước vẫn chảy ròng ròng. Nó chỉ là một cô bé choai choai, anh lại đang bí nên cứ giữ nó lại : “ *Quán Phở chua ở đâu em ?* ” Cô lúc lắc đầu, ra hiệu chạy theo mình. Tối quán, anh mới đoán ra là cô đi tắm với các bạn, bọn bạn đã giấu hết quần áo. Từ sau lần vãi ướt của chiếc quần đen, hai núm vú nhô lên như hai chũm cau. Điều đó, sau này, Hiệp mới nhớ lại. Lúc ấy anh chỉ thấy đôi vai gầy của cô gái đang nổi da gà, bởi trời rét đậm.

Trong khi chờ ra đi, anh đã dạy ở cái trường tản cư ấy bao lâu ? Làng trồng cam giấy, những mảnh vườn thời ấy còn rất rộng và hào phóng, giữa màu xanh lục trái cam giấy màu xanh vàng chuyển sang đỏ ối. Có lẽ anh đã ở đó qua một mùa cam. Quán “ Phở chua ” ở ngay sát khu vườn ký túc xá nữ sinh. Phần đông là dân tản cư, các cô xinh như mộng. Sáng sớm, các cô chạy vòng tròn quanh sân rộng, tập thể dục. Hôm đó, họ vừa chạy vừa nhìn mặt nhau, cô nào cũng phá lên cười rũ rượi. Cuối cùng, họ mới phát hiện ra là tất cả đã bị vẽ râu lên mặt. Râu được bôi bằng một thứ nhọ “ đặc sản ” của địa phương, rất khó chùi. Tối hôm qua họ đã ăn cam giấy thoải mái bên ngọn đèn dầu. Vỏ cam ấy hơi lên đèn sinh ra một lớp muội, bốp vỏ cho dầu ứa ra quện vào muội quệt lên mép, rửa hàng tiếng không sạch mà xà phòng bấy giờ thuộc loại xa xỉ phẩm. Hôm qua con Cẩm thức khuya nhất để gao bài thầy Hiệp, đến giờ vẫn chưa thấy ra sân. Rõ ràng nó đã lợi dụng cơ hội để trả thù vụ bị giấu quần áo hồi nọ. Một cô cố nín cười tay lăm lăm miếng vỏ cam đen bóng nhẫy, quay vào trong nhà quả nhiên thấy Cẩm đang lăn ra ngủ.

Sau đó, Cẩm đi mượn một mình tới lớp, đã quá giờ, cả lớp ngồi im phăng phắc. Vùng kháng chiến chống Pháp, học sinh vẫn gọi thầy cô giáo trẻ bằng anh, chị. Hiệp nổi tiếng là mặt lạnh như tiền, tất cả nữ sinh đều mê thầy, kể cả hoa khôi của trường, vì thầy trẻ, thầy dạy hay, với lại điều quan trọng nhất là thầy không hề nhìn một nữ sinh nào thế mới chết chứ ? Nghe đâu thầy đã có vợ, vợ ở “ trong thành ” (bấy giờ có nghĩa là bỏ vùng kháng chiến, vào Hà Nội). Lần này thì dứt khoát thầy Hiệp phải nhìn thấy cái mặt mình ? Cẩm điềm nhiên tiến đến bàn thầy, xin phép vào lớp, thầy cau mặt nhìn lên, bỗng phá lên cười như điên. Chưa ai từng được thấy thầy cười như vậy, thường cùng lắm chỉ nhếch mép. Cẩm nghệt mặt quay về phía các bạn, cả lớp lại cũng tự nhiên cười phá ra, một trận cười rung cả mái đình.

Sau vụ quệt râu ấy, bọn con gái cảm ơn Cẩm vì đã khiến chúng được thấy thầy cười. Đối với Cẩm, vậy là cả hai lần giáp mặt đều không thành công, cô không còn dám gắng làm cho Hiệp để ý tới một lần nào nữa. Thuộc loại bé nhất lớp, Cẩm học không giỏi, mà lại chẳng phải loại xinh đẹp trong đám nữ sinh. Hoa khôi của lớp thầy còn chả nhìn nữa là ? Vả lại, để làm gì ? Anh ấy đã có vợ rồi, ở lớp Cẩm ngồi ngược mắt nhìn thầy, chữ nghĩa lọt vào đầu không biết.

Cuộc kháng chiến sắp kết thúc, nhưng những người ở ngôi trường của làng cam đỏ ối ấy không ai biết. Họ đang mải lao

vào một đợt “ cải tạo học tập ”. Có nghĩa là không phải đi học, hàng ngày tự tập nhau ở bia rừng, tự kiểm điểm. Không có lỗi tức là không “ thành khẩn ”. Tiếng khóc, tiếng hô khẩu hiệu râm ran dưới các gốc cây. Cẩm cũng phải nghĩ ra một tội. Tội là : cô yêu thầy Hiệp. Trời ơi, trò yêu thầy ! Mà thầy thì lại đã có vợ rồi chứ, sao lại có thể như thế. Cô bị mang ra “ kiểm điểm điển hình ”. Bí thư Đoàn hô to : “ *Lãng mạn là tự sát !* ” Tất cả đều hô theo hai chữ cuối . “ *Tự sát ! Tự sát !* ”.

Hiệp đi qua con đường ven rừng khi những tiếng hô “ tự sát ” vang lên mà không hiểu ra làm sao. Đêm nay, anh phải ra đi. Anh chờ cho đám học sinh tản về các nhà. May quá, không hiểu sao Cẩm lại ra về có một mình. Cô nhìn thấy anh từ lớp sương mù ven sông bước tới, như trong một giấc mơ. Anh lặng lẽ đặt vào bàn tay nóng hổi của cô gái một cuốn sổ. Không thể cưỡng lại sức hút của cái nhìn, cô ngả vào hai cánh tay anh, lần đầu tiên cảm thấy vừa yếu đuối vừa mãnh liệt, bất chấp tất cả, người cô căng ra sẵn sàng đi đến tận cùng của những cảm giác mới thức dậy ở người thiếu nữ. Cặp môi nóng hổi lấp bắp điều gì không rõ. Hiệp gần như rút ra khỏi vòng tay cô gái. Bên dòng Nông Giang, ánh trăng lạnh buốt, tinh khiết. Đom đóm lập lờ, xa xa, những cây đèn chai của đám người đi học lớp đêm đang tiến lại gần.

Về nhà, khi các bạn đã ngủ yên, Cẩm rút cuốn sổ dưới gối ra. Chỉ là những bài hát chép tay. Không một dòng chữ yêu đương. Nhưng Cẩm chỉ muốn thức các bạn dậy, hét vào tai chúng nó : “ *Anh ấy chỉ nhìn thấy một mình tao ! Tao có một bí mật ghê gớm !* ” Bí mật gì ? Rút cục chỉ là mấy bài hát... Thời ấy, những bài hát Liên Xô đang thịnh hành. “ *Trong đêm tối, kia đom đóm bay về đâu...* ” Hiệp đã ra đi, mà cũng không nói cho Cẩm biết anh đi đâu. Chỉ mấy tháng sau, hoà bình lập lại...

Người ta nói rằng Hiệp trở về Hà Nội với vợ. Nhưng Cẩm biết anh ấy chưa có vợ. Không một lời hứa hẹn. Cái nhìn cuối cùng, những cảm giác đêm ấy đã nuôi sống cảm giác và trái tim Cẩm trong nhiều năm, nhất là cái năm tai họa sau đó.

Bởi lẽ không hiểu sao, trong hai năm cuối chiến tranh khi tản cư về quê, bố mẹ Cẩm đã kịp lãnh lấy phần ruộng hương hỏa quê nhà. Tất nhiên họ không thể cày cấy và đã kịp trở thành địa chủ. Trong những đêm đèn măng sông thấp sáng trưng tại đấu trường, có lúc trong giây lát, Cẩm lén lút nhắm mắt, tưởng tượng lại cái giờ phút ấy bên dòng sông để quên đi nỗi sợ hãi. Lúc đón đưa cháu đỏ hỏn như con chuột đang khát sữa từ tay người chị, Cẩm cũng mừng rỡ tưởng tượng lại giây phút ấy, để đỡ đau đớn khi thấy chị rên rỉ, run lên vì lạnh.

Tất cả đã qua đi, thời gian đã hàn gắn lại, gia đình Cẩm đã qua cơn hoạn nạn. Nhưng khi Cẩm có thể trở về Hà Nội tìm tới địa chỉ của Hiệp, thì người ta nói khách trọ đã ra đi. Từ chiếc loa trên cột đèn, giọng hát mang âm sắc Nam Bộ nũng nịu của nữ ca sĩ Khánh Vân – bấy giờ chưa bị điên – đang lan tỏa mãnh liệt : “ *...Diệt hết chiến tranh tàn phá – Vượt qua bao nhiều giông tố và thương đau...* ”



Cuộc chiến tranh thứ hai tới khi Cẩm đã trở thành nữ y tá.

Không một nhịp sống nào đơn điệu hơn thế. Cho đến một đêm, Cẩm trực ở phòng một thương binh băng kín cả hai mắt. Anh phải nằm bất động thêm một ngày, sáng mai mới cất chỉ. Đèn thời chiến tù mù, Cẩm không nhìn rõ mặt. Chắc là loại bệnh nhân đặc biệt, anh được ở một mình một phòng. Nghe anh nói, Cẩm giật mình, nhưng khi xem biển ghi tên bệnh nhân, một cái tên lạ hoắc. Giữa đêm, máy bay địch tới bắn phá bên sông. Sau khi cáng bệnh nhân ra cái hầm lộ thiên chật chội vì anh không thể xuống hố cá nhân, Cẩm ngồi áp sát người thương binh. Trong một phút đèn dờ, ánh trăng thiên của tên lửa cùng rực sáng, Cẩm bàng hoàng nhìn mặt người thương binh, rồi kêu lên : “ *Anh Hiệp !* ”... Đêm đó đối với họ là một đêm trắng.

Suốt đêm họ có đủ lý do để không trở về phòng bệnh. Chốc chốc, bầu trời lại lóe lên những ánh xanh lờ mờ, những đường tên lửa đỏ rực. Mùi cỏ mọc trên mái hầm nổi đắp bằng đất thịt thơm ngai ngái. Những chiếc lá cây bạch đàn bị chà xát dưới cơ thể nóng hổi tỏa hương. Ven sông, một người đánh dậm bất chấp bom tọa độ vẫn ung dung ngâm mình dưới nước. Hẳn chàng đánh dậm phải tranh thủ vì đêm nay nhiều tôm cá đi ăn mồi. Đêm hôm ấy Cẩm chỉ muốn tháo dải băng mắt ra để được cảm nhận cái nhìn âu yếm của Hiệp.

Đó là năm Mỹ bắt đầu đánh phá miền bắc. Mười năm trôi qua kể từ ngày xa nhau lần thứ nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp, nhưng Cẩm không thể quên giọng nói trầm trầm và ấm áp của Hiệp. Trong tiếng bắc, đã pha đôi chút âm sắc giọng nam, anh nói rằng chuyến này anh sẽ đi học xa, rất xa. Chuyện đã đến nước này, anh và Cẩm sẽ đành xin cưới trước khi đi. Đêm ấy, Cẩm quên rằng mình đã có một người chồng chưa cưới rồi, còn Hiệp thì không biết chuyện đó. Chiều hôm sau, không rõ vì lẽ gì, người ta chuyển người thương binh đi ngay. Mãi tới lúc xe chuyển bánh, Cẩm mới rời được phòng mổ hấp tấp chạy ra. Cẩm chỉ muốn được thấy cái nhìn của Hiệp. Ghé sát người thương binh, Cẩm cảm nhận cái nhìn ve vuốt trong đôi mắt nâu và tiếng thì thầm nóng bỏng bên má : “ *Thế là anh đã được nhìn rõ em trước khi đi* ”.

Rất lâu sau đó, vào những đêm Cẩm có thể có những giây phút cho riêng mình, chị ngồi nhìn cái hầm nổi lợp tre pheo đỡ hai mái đất cỏ phủ kín, giống như một túp lều con, mái màu xanh lá cây. Đó là “ phòng hạnh phúc ” của bệnh viện đặc biệt dành cho mình và anh ấy. Bệnh viện cũng có “ phòng hạnh phúc ” ở khu nhà khách, nhưng họ đã chẳng cần phải tới đó. Cái hầm nổi mái xanh lục in trên nền dòng sông nước khi trong vắt, khi đỏ ngầu.

Số phận hình như thích lặp lại một số ngẫu nhiên. Lần này, cơ quan Cẩm cũng qua một đợt chỉnh huấn. Nhưng Cẩm đâu còn có thể xưng tội một cách đơn giản như lần trước. Trong một ngày, ý nghĩ của Cẩm cứ phút chốc lại thay đổi: lúc thì lo nếu nhớ có con thì sao, lúc thì lại ước ao mãnh liệt việc đó xảy ra.

Nhưng có một người mà Cẩm quyết định phải “ thành ”. Đó là người chồng sắp cưới của Cẩm. Bối rối, Cẩm thú nhận rằng mình đã chung sống với một người, trước khi gặp anh. Anh ta tái mặt, lặng đi một lát rồi gắm lên : “ *Với thằng nào ? Thằng chủ nhiệm khoa hay thằng họ Lý ? Trục đêm với nhau* ”.

hả ? ” Câu hỏi lặp đi lặp lại là : “ Thành nào ? ”. Sợ hãi, Cẩm đâm ra rối trí. Nhưng rồi chị cũng tìm ra câu trả lời. Đó là một anh lái xe đường trường, nay đã đi Lào.

Bệnh viện chuyển trở về Hà Nội, Cẩm đành mất việc, chị không thể sống cùng cơ quan với cái kẻ nay gần như câm hờn chị. Cẩm còn ở lại cái làng đó rất lâu. Một lần, có người ở cơ quan cũ mang tới một lá thư gửi cho Cẩm theo địa chỉ quân bưu của bệnh viện. Thư gửi trước đó đã mấy năm trời. Hiệp nói anh được ra đi trên máy bay của “ Ông anh Hai ” – bấy giờ là Trung Quốc. Chuyến bay có các cô chiêu đãi viên trước giờ cất cánh cầm cuốn sổ đồ giờ lên, đồng thanh đọc Mao-tuyển như đọc kinh. Rằng anh sẽ đi qua Phnom Pênh, ra chợ ai cũng chào anh là ông chủ, mời mua hàng. Người cầm thư là một người mà thời ấy lý lịch thường được chú thêm một mục : “ Cán bộ miền Nam ”. Đi đâu, anh ta cũng đeo theo một cái radio Orion xách tay cực nhỏ, như một dấu hiệu của sự cô đơn. Ăn cơm tập thể, nằm giường cá nhân, cái radio làm râm nói chuyện với anh mỗi khi không có ai nói chuyện. Anh cán bộ miền Nam không đòi hỏi nhiều, không lục vấn Cẩm về chuyện đã qua, như một vài anh chàng đã toan “ tìm hiểu ” chị.

Trên dòng sông, thời gian vẫn dẹt hai màu xanh lơ và đỏ phù sa tùy theo mùa nước. Chỉ có người đánh dậm năm xưa bên bờ sông không còn thấy nữa. Đêm tháng Năm năm 75, phía Hà Nội rực sáng ánh pháo bông. Anh cán bộ miền Nam trở về thăm chị, nói rằng đã tìm được việc cho chị ở Hà Nội. Nhưng hoà bình đã nhóm lên một tia hy vọng, dù chị đã ở tuổi “ bầm ”... mà không còn phải là “ hăm ”... nữa. Một ngày nào đó, chị cầm một mảnh báo gói hàng, vô tình lướt mắt trên mục nhấn tin : “ Con tên là Anastasia Policelle, tìm mẹ là Nguyễn Thị Cúc, trước 1958 ở Phú Nhuận, Sài Gòn... Chồng tên là Nguyễn Công Hiệp Paul, tìm vợ tên là Trần Tú Cẩm, năm 1964 là nữ y tá ở bệnh viện... ”. Hiệp Paul ? Chị biết rõ vì sao tên anh phải kèm theo chữ đó. May mà mẫu báo vẫn còn dòng chữ ghi ngày tháng. Một lát, Cẩm mới hiểu ra đó là ngày hôm nay, nhưng của hai năm trước, năm 1978. Cẩm vẫn tìm đến địa chỉ trong mục nhấn tin. Ngôi nhà của người bà con Hiệp ở Sài Gòn đã bán cho người khách chủ cũ đã di tản. Cẩm nhận lời lấy anh cán bộ miền Nam, cái đài Orion bấy giờ mới chị rời khỏi vai anh.



Cô chiêu đãi viên của khách sạn cổ thảng cơn ngáp vặt, bật ti vi. Quảng cáo đã phát đến mục : “ Anh ấy là ai ? Anh ấy là con người văn minh – Anh ấy dùng bao cao su OK ”...

Đoàn xe xích lô do Cẩm điều đến đang chờ trước cửa, khách ở các phòng đã lục tục kéo xuống. Cẩm phải ra cửa, mấy người khách đang ra hiệu xì xô với mấy tay xích lô. Khách muốn đạp xích lô. Một đoàn vui vẻ hò hét rồi rít nhảy lên yên, các bác xích lô nhe răng cười, ngồi lên ghế. Còn một chú thanh niên mặc bộ đồ ka-ki vẫn chờ Hiệp. Hiệp ra hiệu gọi thêm một xe nữa.

Hiệp lấy trong ví ra tấm ảnh của vợ và con gái. Anh không dám đặt câu hỏi mà ban đầu anh muốn hỏi : Cẩm có hạnh phúc không ? Chữ đó quá to tát, anh có cảm giác nếu nói lên, nghe sẽ rất lạ tai. Còn Cẩm lại đang nghĩ : hẳn người đàn bà trong

ảnh kia biết thế nào là hạnh phúc.

– Năm năm nữa, xong việc, anh sẽ về. Anh cũng đến lúc nghỉ rồi.

– Năm năm nữa ? Năm hai nghìn...

– Ừ, sao mà nghe xa thế. Năm hai nghìn. Nơi ấy có còn cam giấy không ?

Cẩm hiểu ngay là Hiệp muốn nói đến nơi nào. Như những người già, họ lần ngược lên nơi xa xăm nhất của ký ức.

– Không ạ. Thứ đó ít năng suất.

– Thế còn nhiều đom đóm không ?

– Cũng không còn... Có lẽ vì thuốc trừ sâu. Toàn nhà mái bằng ven sông.

Xe dừng trước cửa ngôi nhà của Cẩm, ngôi nhà thụt sâu trong ngõ, họ dừng lại giầy lát. Anh chìa bàn tay, những móng tay cắt vuông vức, quen thuộc, nóng hổi. Anh liếc nhanh về phía khung cửa sổ. Sau lần kính, chỉ thấy khung ánh sáng ám áp toả ra từ cây đèn bàn của một ngôi nhà đóng kín lại đối với Hiệp.

ĐẶNG ANH ĐÀO

thời đại

số 5

phát hành đầu tháng 3-2001

với các bài

CAO HUY THUẬN, *Định chế : cái “ đã ” và cái “ đang ”*

PHAN ĐÌNH DIỆU, *Hướng tới thế kỷ 21 : Xã hội tri thức và vài suy nghĩ về con đường hội nhập của chúng ta*

LÊ ĐẶNG DOANH, *Đổi mới và sự phát triển con người ở Việt Nam*

Serge DEGALLAIX, *Tính cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam và cán cân mậu dịch*

TRẦN HẢI HẠC, *Keynes và kinh tế thị trường : hai cách đọc khác nhau*

HOÀNG NGỌC HIẾN, *Những nét loại hình của bài ca chàng Đam San như là một tác phẩm anh hùng ca*

PHẠM LUẬN và NGUYỄN PHẠM HÙNG, *Một vài nhận xét về mối quan hệ giữa thể thơ Nôm của Nguyễn Trãi với thể thất ngôn luật ở Trung Quốc*

LẠI VĂN HÙNG, *Phát hiện thêm một tác giả văn học*

NGUYỄN TÙNG và Nelly KROWOLSKI, *Thực tiễn ẩm thực Việt Nam và ảnh hưởng ngoại lai*

CHƯƠNG THẦU, *Phan Bội Châu (1867-1940) và vấn đề nghiên cứu Phan Bội Châu*

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC :

Le Van Cuong

CERMSEM, Maison des sciences économiques

106 Bd de l'Hôpital, 75013 Paris, France.

Fax 33-1 44 07 83 01.

E-mail : levan@univ-paris1.fr

Đêm mùa xuân tình duyên

*Giấy mới mực cũ
Mực đen như tóc em
Mực đen con chó đen
Giấy trắng tình
Cọ nảy tung mắt nhanh nhánh
Đôi câu đối đỏ đầu sân*

*Hoa đậu nứt cây mai vàng
Gió đi qua lại bên hiên
Chiếu cỏi đèn chùm nghiêng nghiêng nậm rượu
Rượu hoà mực
Giấy nồng xuân.*

*Là em thức mừng hai Tết
Là anh thức cùng em
Gió đi qua lại bên hiên
Nối hai ta lại bên nhau
Là dải mực Tàu*

*Cổ xưa – mực Tàu
Là rất thắm
Tình ta thắm mực Tàu
Là rất đậm*

*Đêm bao giờ cũng lắng
Đêm bao giờ cũng nồng
Đêm mùa xuân tình duyên*

*Chó đen ngủi câu đối đỏ
rồi đi ngủ
Anh còn thức cùng em ?*

*Gió đi qua lại bên hiên,
nghe mai nở vào đêm
Anh còn thức,
cùng em ?*

Ly Hoàng Ly
3.1999
Xuân Kỷ Mão



Chờ thu

*Mỗi lần thu sắp tới
mấy ngày mưa thế
bơi trên gió
rơi trong bão
tơi bời cây...
bầy quạ già nhao nhác bay phía trước
ô hạt liêu xiêu sưng ướt dập thân em*

*mỗi lần sắp
sắp nhẹ
hây hây nắng
sắp đồng sang in bóng cánh diều...
người đàn ông trở mình quên ngủ
vết thưng nào đau nhức vết thương yêu.*

*Thôi ta gắng, em ơi mùa đang tới
ấy mùa đang chuyển đợi ta sang
lại lá, sẽ hoa, vàng lại kín
lại một đời hương hơn thừa ban đầu.*

*Mỗi lần chuyển mùa, tôi tự biết
sao vẫn tôi
phấp phồng
nín thở
đợi thu về.*

11-2000

Mùa Em, Mùa Anh

*Tháng chạp giáp tết
– Mùa của em
Tuyết lại tuyết mùa chợ hơn chợ kém
ướt ban mai sương lũng lơ giọt thạch
vẫn hồn nhiên em cười loá mặt băng*

*Rồi tháng nào nữa sẽ mùa em ?
Tháng giêng giấy bọc tượng đài chết cứng *
Tháng ba băng tan, nước sinh phố lắng
Tháng tư một ngày bốn bận mùa ương
Tháng năm, tháng sáu gió thổi về bạt chợ
Tháng bảy tháng tám...
Tháng !
Mùa em mùa phố
Tháng nào chẳng nên thương.*

*Em không nói mùa nào mùa anh
Anh vẫn sợ đường đi ngắn lại
Em cả lo, chuyện anh chưa viết tới*

Nguyễn Văn Thọ

* Tại xứ lạnh, khi đông về các tượng đài ngoài trời phải bọc kín để phòng rạn vỡ khi nhiệt độ ngày đêm quá chênh lệch.



Mai Ninh

Ô-liu hoàng thổ

Chẳng ngờ tôi trở về với vườn ô-liu cần côi mau chóng thế. Những cành cây toả tím trong ráng chiều đỏ sậm chiếu mặt biển, tím như bao nhiêu cặp mắt chong đứng nhìn tôi thần thờ xách hành lý bước lên chiếc cầu gỗ ở bến. Bà tôi trong tấm áo đen từ thuở nọ giơ cả hai cánh tay ra đón. Tôi lách người tránh né trước vẻ ngạc nhiên lẫn đăm đăm xót thương của từng ấy bộ mặt già nua nhập choạng lên nhau, gập từng làn sóng lăn tăn lấn vào bờ. Rồi ngân ấy cái miệng viên vành môi nhăn nhúm, đã teo mỏng theo thời gian cùng mở ra thốt kêu : – Ô, Man, con bé Man. Đứa bé gái tám chín tuổi nắm tay mẹ đứng ở đầu tàu, nước mắt rùng rùng, nức nở : – Man không muốn đi, Man ở lại đảo với bà. Bây giờ thực ra nó chẳng lớn hơn bao nhiêu, chỉ vừa ngoài hai mươi. Nhưng với hai tròng mắt đã khô, nó biết, lần trở về này không hề để chạy nhảy trong khu rừng rậm rì bọc núi hay vẫy vùng lặn tìm san hô trong lòng biển.

Đã một tuần lễ nay, bà tôi đứng bên này cửa sổ nhìn sang tôi bên kia, vùng đất mộ chôn luôn râm gió mặn. Nghĩa trang duy nhất của ngôi làng bé nhỏ nằm cạnh bờ biển với ba cây sồi chắc cũng già ngần ấy thời gian, kể từ ngày ông cố tổ xa lác của tôi cặp vào bờ rồi ở lại đây. Sáng nào tôi cũng vào nhìn từng phiến bia, người nằm trong này đa số mang tuổi đời nặng tựa đá. Tôi rũ xuống trên hai vai, chẳng có tấm bia của thằng con trai nào cùng tuổi Sam, cho tôi nhìn vào mà gào lên vạn lần câu hỏi : tại sao mới hai mươi lăm đã phải chết tức tưởi ? Tôi từng âm thầm giận dữ trong nhà nguyện của thành phố vừa bỏ đi, sau đám tang Sam : – Thượng Đế, cuối cùng những lời phán của người chỉ là lừa phỉnh, nếu người công bằng sao ngang nhiên cướp đoạt sự sống một người như Sam ? Ngay cả trước tượng Chúa lạng lẽ trong ngôi nhà thờ khiêm nhường khép bên núi đá nơi đây, tôi vẫn đẩy phần nộ. Bà tôi thành khẩn kéo cháu mình vào đó để rồi đau xót nhìn nó nhắm nghiền mắt, nắm chặt lòng tay, từ chối mọi lời cầu nguyện. Có gì, có ai đền nổi cho tôi sự mất mát tột cùng này. Người ta vẫn chưa tìm ra chiếc xe nào đã hất tung Sam vào bờ đường một sớm mai lung linh nắng.

Đúng ra không mấy ai có thể bảo rằng mình biết trọn hòn đảo này, nó nhô giữa biển lênh thênh đơn độc. Chỉ một phần tư châu mặt vào đất liền có người ở, còn lại phía nhìn ra đại dương là rặng núi đá không cao lắm nhưng viên chặt toàn mặt rừng bưng kín. Chiều luôn bất ngờ buông sập xuống đảo, dân làng rút vào nhà lẹ làng như thủy triều ào dâng lấp hết bãi cát lôm giữa ghềnh đá. Từ lúc ấy cho đến còi hụ con tàu đầu tiên trong ngày cặp bến, tôi không làm gì khác hơn là lăn lộn giữa đám gối chần trong căn phòng khép cửa. Áo ngủ vải mịn nhàu nát quần cùng lộn tóc bời rối. Ba bữa đầu bà tôi còn leo lên gác, vào phòng dỗ dành tôi xuống nhà ăn những món bà biết tôi mê mẩn từ ngày bé. Không thành công, nên bữa sau bà đem cả khay thức ăn đến tận giường. Vẫn dúi mặt trong mớ vải lũng bưng tôi không trả lời, để bà thở dài quay xuống. Tôi cố tình không nghe tiếng chân bước một bước hai một nhọc. Tôi chẳng muốn nghe bất cứ một tiếng động nào, chỉ mong

trời mau sáng để lại leo qua nghĩa trang. Lẩn quẩn giữa mấy hàng mộ hay trèo lên bờ tường, bước đi lẩn mò trên đá gạch nhiều năm đã vỡ. Chỉ ở nơi đó tôi cảm tưởng mình còn có thể trò chuyện với Sam. Nhưng những người dân trong làng, hầu hết là bạn bà tôi hay họ hàng sót lại sau vài thế hệ, chầm chầm đi ngang, run rẩy ngó tôi chệnh vênh tưởng sắp mất thăng bằng và rơi sững trên cỏ dại. Rồi họ ái ngại lác đầu ngừng lên chia sẻ ánh mắt lo âu của bà tôi từ cửa cao bên kia nhìn xuống. Ngoài một số đã lần lượt chọn chỗ nằm thiên thu trong nghĩa trang này, những bộ mặt tôi từng quen biết lúc ấu thơ vẫn còn mãi đây, gan lì với núi cùng biển. Đầu ai ngờ các lần da xếp chùng đó càng làm gương mặt sáng láng dưới những sợi tóc mềm của Sam hiện ra nổi bật, cồng cào dưới lớp da bụng tôi phẳng lì. Sam mới vừa đặt tay lên ve vuốt, hai hàm răng đầu trắng nghiêng nhẹ đủ khiến tôi thót người đẩy Sam chuôi xuống sâu hơn. Sam cúi rúc, hơi thở đã đập dồn :

– Đồng ý, mình đi Phi Châu, vào rừng cho em tha hồ pha nhuộm màu cây nâu đỏ.

Tôi rướn người :

– Không phải đó với nâu thôi, vàng nữa, xanh nữa, màu đồng hung Sam ơi.

– Màu gì cũng được, rừng đang là em, Man ạ. Sam hỏn hển cố nói.

Hết chiều rồi tới đêm. Nhà máy điện dưới chân ngọn thác cao ở bia rừng dư sức phục vụ cho một dân số đông gấp mấy đảo này. Nhưng người nơi đây dường như quá quen và yêu bóng tối. Ánh sáng mặt trời trong ngày chùng đã thừa nhức chói bao đôi mắt lem hem. Họ cần sự dịu dàng của màn đêm, dăm bóng đèn vàng lu mờ đủ soi rọi cõi sống, trên các con đường phủ lá khuya cùng những căn nhà thu gọn giữa cây cối và gạch đá. Tối nay tôi chịu khó bò dậy, xuống ngôi ở bàn ăn. Chiếc chụp đèn chao đi chao lại với ngọn gió từ ngoài khơi lách qua phần mộ rồi luôn vào căn phòng này thơm mùi hương kim ngân. Chống hai khuỷu tay lên bàn, trước đĩa xúp sệt màu sữa tôi cúi nhìn những hạt bột năng lênh lênh mòng mọng. Sợi tóc chấm sâu trong đĩa, tôi cặp hai ngón tay kéo nó dài ra, quẹt quẹt vẽ vẽ những đường ngoằn ngoèo trên mặt gỗ. Một bàn tay thuôn dài lốm đốm tàn nhang giơ ngang chặn đứng trò chơi ấy. Tôi ngừng phất lên, bà tôi lặng thình, ánh mắt dưới ngọn đèn nặng một chịu đựng. Lần đầu tiên kể từ khi trở về đây tôi biết những dòng lệ khô lại có thể lăn chảy. Trên tấm áo lụa đen, bà khoác khăn len màu ngà. Vòng tóc quấn nhẹ quanh khuôn mặt thuần hậu, khác hẳn con gái bà, mẹ tôi, mang đôi mắt sâu đậm trên gò má cao và đôi môi mím mỏng. Sam nhìn ảnh bà rồi nói : – Man giống bà lắm mẹ. Tôi vùng vằng đòi ảnh lại : – Không, giống bà nhiều hơn. Mẹ tôi đã đứng nghiêm chỉnh lạnh lùng trước những bó hoa tiễn đưa Sam, bà lác lác tay tôi nhắc nhở : – Về thôi con, cũng may hai đứa mày chưa đám cưới. Tôi chẳng còn đủ sức để giựt tay lại, sau đó đã bước thẳng ra khỏi nghĩa trang, không đợi chân mẹ lúc thúc đàng sau.

Bà kéo khăn len trùm cao cổ cất tiếng dỗ dành :

– Ăn chút xúp sữa đi cháu, hồi xưa mày vẫn thích, sữa dê không ngấy đâu. Ngày mai mụ Mát sẽ làm bánh đào. Phải sang thu như bây giờ, đào núi mới thật thơm.

Tôi ngạc nhiên :

– Ai ở đây còn sức vào rừng hái đào ? Ghi hả bà ?

– Ôi Ghi, cái thằng con trai còn sót lại có bao giờ làm chuyện này ! Nó chỉ loay hoay sửa mấy cái xe cho mọi người là đã hết

ngày. Nó hỏi thăm cháu đấy.

Ngừng một chút, bà tiếp :

– Thì thỉnh thoảng mấy ông già họp nhau cùng đi, chỉ tới bìa rừng đã có trái. Ấy vậy mà năm trước, chó sói tru xa, có ông tưởng chúng sắp xông ra, ngất xỉu. Chao ơi, thú dữ càng ngày càng sinh sản, còn ai vào săn bắn đâu. May chúng chưa vào làng.

– Trong đất liền không ai ra giải quyết hổ bà ? Lơ là tôi hỏi cho có lệ.

Bà vội lắc đầu :

– Không, lâu lâu mới có bọn trẻ về thăm bố mẹ ông bà, mà bọn thành thị này có ở lâu đâu cũng chẳng dám vô rừng, chỉ ham xuống biển săn cá, tìm san hô.

Chiếc thìa khuấy nhẹ vài vòng, bà lại nói nhưng giọng rõ và ấm hơn :

– Cũng may, từ đầu năm có ông ta xuất hiện.

Tôi bỏ ngang muỗng xúp :

– Ông nào ?

– Ô, ông Hêm, ông ta xưng là Hêm. Cháu chưa gặp cũng phải, ông ấy ở mút trên kia, thỉnh thoảng mới xuống cửa hiệu mù Mát.

Rồi bà đứng dậy khép cánh cửa, nhìn mông ra đêm tối :

– Người gì mà kỳ lạ, không biết từ đâu đến.

Chưa bao giờ tôi nghe giọng bà trầm như thế khi nói về một người đàn ông khác ông tôi, đã qua đời lúc bà chưa quá bốn mươi. Kể từ lúc ấy, bà cất kín những bộ quần áo màu sắc cùng nữ trang gương lược vào mấy chiếc rương. Chúng đã phủ nhiều lớp bụi trong căn gác chứa đồ cũ từ ngày tôi chưa rời đảo. Mỗi khi nhắc đến, mẹ tôi vẫn cố tình thả vài câu :

– Người nào cũng như bà mày, ở lại đó là phải muôn đời sống với quá khứ. Cái gì cũng già cỗi, cũng buồn đến chảy thiu.

Nhưng lúc này tôi không muốn nghĩ tới lời nói dằn nặng ấy, mà chỉ ngạc nhiên trước giọng kể của bà tôi về người đàn ông lạ đó. Chẳng khác thường sao được khi không biết từ đâu đến, và tới đây giữa những con người chỉ còn quá khứ này để làm gì ? Với hành lý là hai chiếc rương sắt, một chiếc có ngăn riêng đựng súng săn và giáo nhọn, vài tấm mộc bằng da dầy. Cái rương thứ nhì nhỏ xíu với ít quần áo, ngoài ra là những quyển vở học trò bọc bìa xanh. Ai cũng biết thế nhờ anh phu bến tàu khuôn vác hành lý cho ông ta đã thăm thì rót vào những vành tai điếc dẫn tò mò.

Nghe đâu con cháu lão Phê đã cho ông ấy thuê căn nhà bỏ trống từ ngày lão qua đời với một giá rất hời. Người ở đây bàn tán, chẳng biết ông Hêm ăn uống ra sao, làm những gì, ngoài một điều là từ ngày ông đến đảo thì về đêm, nhất là những đêm gió động, tiếng súng săn nổ rõ mồn một từ rừng sâu bên kia dãy núi. Và ngoài một lần ông nổi giận tung bừa giữa quán mù Mát, như lời bà tôi thuật lại. Ông Hêm xuống quán tìm rượu, không chai nào mù Mát đem ra hợp ý dù mù đã cưỡng quít xuống dưới hầm nhà đem lên mấy chai cuối cùng của một mùa nho đã xưa. Buổi chiều là lúc những người đàn ông trên đảo tụ họp ngồi dưới tàn cây dẻ cao trước quán mù Mát để uống vài giọt, nhìn băng qươ và kể nhậ đôi câu. Làm sao họ chẳng giạt thốt người khi đột ngột ông Hêm hầm hầm bước từ quán ra vừa chỉ tay xuống bãi vườn khô không xa đấy lắm, giảng toàn cỏ hoang và sậy ở lưng đồi, vừa nói như hết :

– Hai mươi năm trước, dưới đó toàn là nho, bốn năm giống

nho khác nhau trộn vào làm thành loại rượu mà chỉ cần nói đến tên là một vinh dự cho cái đảo mấy người đang ở, có biết không.

Rồi ông dùng dùng trèo lên chiếc xe 4x4, bỏ lại lớp bụi phủ xuống những khuôn mặt khô già ngờ ngẩn. Sau lần ấy, ít người gặp lại Hêm, nhưng tiếng súng săn đều đặn vọng về. Cũng lạ kỳ, không ai tỏ ý phiến trách lời lẽ cộc cằn thượng thượng mà còn có vẻ an tâm với sự có mặt của ông ta. Như thể một người đàn ông đó đủ bảo vệ họ trước đe dọa của thú rừng. Bà tôi bảo các ông Phi, già Pát, bà Li... đã định bụng đem tặng Hêm rau đậu, bột mì. Nhưng anh phu bến tàu, người duy nhất giao dịch với Hêm cảnh cáo là điều đó vô ích, hình như ông ta chỉ ăn thịt thú và uống rượu. Sau lần chè rượu của mù Mát, ông ta đã gọi gửi ra từ đất liền những thùng gỗ đầy vang đỏ. Anh phu xuyết xoa với những cái nhần trên chai trang trọng, đẹp tuyệt vời.

Không hiểu sao tất cả những gì tôi nghe về ông Hêm từ đêm trăng mang hấp lực kỳ lạ. Đến nỗi đôi lúc lói được tôi ra khỏi vũng sương bủa kín hình ảnh Sam. Thỉnh thoảng khi bước đi trên đá vỡ của bờ tường trong nghĩa trang tôi đã ngừng về phía núi, nhìn nóc nhà cao phủ đá xám của lão Phê. Nếu muốn nhìn thấy ông Hêm tôi phải leo lên đó. Leo hay không ? hoặc là kiên nhẫn đợi một lần ông ta sẽ xuống làng. Cũng có lúc ông ta cần một thứ gì khác chứ, xăng dầu cho cái xe, cà-phê, xà phòng, dao cạo râu... hay một cú điện thoại cho ai đó. Tôi không tin rằng ngôi nhà hoang phế ấy còn một đường dây. Đêm thường nổi những cơn gió lạnh, tôi vẫn chui rúc trong chăn với hình bóng Sam ray rút, nhưng cùng lúc cố tình mở hé cửa sổ, đợi chờ. Mỗi lần đoàn một tiếng dù rất mơ hồ tôi vẫn nghe như gần cận, và lạ lùng bà tôi dưới nhà cũng trở mình để thốt lên một âm thanh nhẹ ấm.



Cuối cùng tôi đã thấy Hêm, cùng với Ghi trên chiếc xe Golf đỏ của một du khách bỏ sửa. Trừ mùa đông biển động, những con tàu vẫn đều đều đưa vào đảo một số khách du lịch tò mò về phong cảnh lạ. Thường họ chỉ ghé qua rồi đi, ở lại một hai đêm là nhiều nhất vì ngoài mấy căn phòng trọ đơn sơ và quán ăn của vợ chồng già Pát thì chẳng còn gì để cung cấp những thứ tiện nghi của đất liền. Lâu lâu có người tưởng sẽ đi xa quanh đảo nên đem cả xe qua, thỉnh thoảng anh chàng Ghi có thêm công việc vá bánh xe nổ bởi đá nhọn trên đường vòng núi, chêm chế xăng dầu. Ghi đã gần hai mươi khi mẹ bắt tôi rời đảo, bây giờ vẫn nước da nâu ánh và chiếc răng khểnh duyên dáng. Ghi mô côi sớm, chúng tôi gặp lại nhau trong buổi sáng tôi vừa bước vào đã thấy Ghi đang đưa chân đá gom những quả dẻ rụng đầy trên bìa mộ bố mẹ anh ta. Ghi hát khê một điệu gì đó, hình như tôi có nghe hồi còn bé. Hai đứa nhìn nhau chăm chăm chẳng một câu, rồi sau đó lắng lặng cùng ngồi trên một phiến mộ mòn nhẵn. Bấy giờ Ghi mới nói :

– Nghe bà bảo Man tính ở luôn lại đây.

Tôi không trả lời, chỉ giương mắt ngó. Hồi xưa Ghi thường đeo tôi sau xe đạp vòng những con đường lên xuống quanh làng và ra bến xem tàu. Anh cũng hay đem về cho tôi những nhánh san hô hồng như máu dù biết thứ này bán cho du khách sẽ được khối tiền. Tự nhiên nổi ân hận dậy lên, mấy ngày trở lại đây tôi không hề rời căn nhà và cái nghĩa trang để đi thăm một ai, ngay cả Ghi. Chưa biết nói thế nào thì Ghi ném cao quả dẻ nâu đang cầm trong tay về phía biển :

– Đùng. Khi nỗi đau đã qua, Man sẽ thấy không nơi nào buồn hơn đây.

Gió rì rào hoà điệu với lời anh và những làn sóng đều đặn nổi cao, lăn chạy rồi tan biến dưới xa kia là chứng cứ đơn điệu rõ ràng. Nhưng làm sao Ghi hiểu nổi tất cả ước mơ tôi đã thành bọt nước, không một hi vọng về sự tái sinh như sóng lại được tuần tự đẩy trôi lên. Phi Châu xa mút với cảnh thổ hoang dã mà Sam chiều ý cùng đi, cho tôi được thoả giấc mơ sờ tay nhào những nắm đất vàng thắm với đủ loại đá khoáng óng ánh nặn thành đủ tượng hình. Trộn bao vỏ cây lạ với vỏ sỏi lá rừng hoang để chung cất thành chất mầu làm bóng đẹp lụa là hay nhuộm rung mái tóc. Nhưng tất cả dự tính sôi sục đó đã tung biến vào hư vô cùng với Sam buổi sớm ấy.

Có lẽ chán độc thoại, Ghi đứng lên rủ tôi đi trả chiếc xe Golf cho người khách. Ở khúc queo cao leo đồi chúng tôi đã thấy người đàn ông đang lững thững rẽ vào lối mòn. Chỉ cái dáng vóc chững chạc ấy tôi biết ngay là Hêm, không thể ai khác. Nghe tiếng xe, ông ta dừng ngoảnh lại. Mắt Ghi cũng xoáy vào Hêm, chân đạp thắng. Mái tóc thưa vượt ngược ra sau cùng một màu sáng bạc với hàm râu quai nón và bộ ria mép tủa đều, hai tay trong túi quần Hêm bước tới bên xe, tự nhiên :

– Hê, chào cô bé và chàng thanh niên.

Chưa để chúng tôi trả lời Hêm hỏi ngay một câu khiến tôi và Ghi giật mình :

– Chiếc xe đồ bóng lộn hay chàng trai đã dụ được cô nhỏ ra khỏi vòng tay người chết ?

Cũng bằng cách tiếp cận nghiêm nhiên thẳng thừng đó Hêm đã đậu xe ngoài nghĩa trang hôm sau khi chiều ngả, áo sơ-mi dây thong dong bỏ ngoài quần, lạnh cập mắt tinh quái ném qua hàng rào :

– Chắc chắn là những chùm san hô vừa tấp vào cồn cát bên kia hấp dẫn hơn mấy cành sỏi già ở đây.

Bất ngờ nghe tiếng ông tôi trở mắt ngạc nhiên, rồi cuối cùng đã trèo lên xe Hêm băng qua nhiều góc biển, ghềnh đá lẫn những vườn ô-liu bắt đầu rụng lá. Qua bao nhiêu năm cảnh vật tưởng từng quen đến thuộc lòng bỗng rạn lên bao sắc nét mới lạ dưới ánh mặt trời chuyển đổi thật nhanh, trước khi biến mất. Gió dưới biển lút qua những rặng cây để bốc lên thổi bay sương núi. Núi lừng lững sau căn nhà lão Phê, vân thạch rực lên dưới nắng chiều. Tôi ngỡ ngàng ngỡ sững thứ màu hoàng thổ vạch lưng chừng mắt. Hêm dừng xe trong sân, con chó săn dữ tợn xích ở góc phải đón chủ, vung lên cuống sủa. Bên trái là đồng củi than dưới trục sắt quay dùng nướng thịt, còn âm ỉ toả khói. Cửa chính để mở toang, tôi lạ lùng thấy Hêm đi vào lạ làng như lướt.

Chưa từng đến nhà này thời còn lão Phê nên tôi chẳng biết không gian mạnh bạo sậm mầu của căn phòng khách với những tấm thảm dệt hình ảnh thú rừng cùng những đầu hươu hoẵng cong sừng gắn trên tường đang soi mói lẫn buồn rầu cúi nhìn tôi là thuộc về Hêm hay đã có từ trước. Không, đồ vật cảnh trí này chẳng thể xuất xứ từ lão Phê mà bà tôi vẫn cho là lệt bệt nhất làng. Nhưng anh phu bến tàu đã nói ngày ông ta lên đảo hành lý rất gọn. Chắc Hêm đã gọi gửi qua từ đất liền như những thùng rượu vang thiên hạ xì xào. Chiếc rương sắt đen bóng chiếm một góc phòng và cây giáo dựng bên tường vượt một đầu sắc lịm. Tôi đến gần tấm mộc da máng trên cột gỗ sỏi đầu cầu thang đưa lên lầu. Những mảng da thú căng láng nổi chi chít đường gân như mạch máu khô, nối với nhau

bằng chùm lông hung đỏ như để đóng tuồng. Tôi quay lại hỏi :

– Chẳng lẽ mộc này dùng đi săn ?

Hêm đang đứng quay lưng vào cửa sổ, đèn chưa thắp, nhưng tôi vẫn nhìn ra khuôn mặt bỗng nhiên bất động của ông trong ánh sáng là thấp cuối buổi chiều. Hình như sau đó ông nhếch miệng :

– Không thể săn bằng giáo ở rừng này. Rõ uống.

– Tại sao không đánh cá ngoài biển mà hay vào rừng ? Tôi nói với Hêm những lời trống không kỳ quái, ông ta đáp lại bằng cái giọng thẳng đuột khó hiểu :

– Săn cá làm gì ! Có chẳng tìm sư tử trên cát trắng.

Tối hôm ấy mẹ vẫn gọi ra từ thành phố ấy, như tôi một mực không cầm điện thoại mặc cái nhìn khẩn khoản của bà tôi. Những ngày đầu bà đổ dành :

– Không về thì không về, ở lại thì ở lại, nhưng trả lời cho mẹ đi cháu, nói với nó một lời.

Dĩ nhiên bà hiểu, nếu tôi cất tiếng mẹ sẽ tuôn ra từng tràng về cái không quan trọng, chẳng đáng để bị thương của một mối tình tuổi trẻ, về sự ngu muội tốt cùng nếu tôi ở lại nơi này với cái thế giới tàn tạ. Tôi không muốn hình dung lại những đêm khuya sau cửa sổ thấy mẹ xuống xe, chào những người đàn ông đưa đón bằng nụ cười duyên dáng nhưng vẫn khẩy nét gì khinh bạc. Chẳng nhớ từ bao giờ, hình như năm tôi sáu tuổi lúc bố hoàn toàn bất tin, mẹ bắt đầu dạy tôi phải nhìn những người đàn ông bằng ánh mắt tự trên cao. Mỗi lần như thế tôi lại nhớ khuôn mặt bà tôi nghiêng đắm trên tấm ảnh của ông để đầu giường. Nhưng hình ảnh níu giữ đảm thắm này ngày một mờ đi như trôi theo sóng biển.

Không hẳn vì bà tôi tỏ ý lo ngại khi cháu mình đã đến nhà Hêm – dù bà chăm chú nghe với tất cả thích thú lời tôi thuật lại cuộc gặp gỡ – cũng không phải sau lần ấy người đàn ông đó đã mất sức hấp dẫn hay không còn là một điều bí ẩn đối với đứa con gái hai mươi. Nhưng khi trở về, với đêm tối cùng cảm giác bàn tay Sam vẫn luồn trong chân gối thì tôi lại thấy nháy mắt tinh lạnh, giễu cợt của ông ta nhấp nhánh trong bóng cây ngoài cửa sổ. Chính ánh mắt thấp thoáng màu thú ấy khiến bỗng dung da thịt tôi chạm vào Sam tê man, rồi trở thành cứng lạnh. Sam mãi mê, loay hoay trong khi tôi vênh tai như đang rình ngóng con mồi. Rồi thốt giạt bắn người cùng tiếng súng nổ, đẩy Sam rơi xuống. Chàng níu lấy vai tôi nhưng chỉ tích tắc đã vụt chìm hay biến mất trong bóng đêm, rớt lại tiếng thờ dài. Nên vừa sáng ngày, vung chạy ngay sang khu phần mộ, tôi kết tội mình và dẫn vật gọi tên Sam. Những lần sau tôi đã lặng thinh cúi xuống đám rêu xanh mọc ẩm dưới lớp lá vàng dây trên lối đi, mặc cho Hêm dừng xe gọi bên kia bờ rào. Là một điều ông ta chẳng bao giờ bước chân vào hẳn trong nghĩa trang như thể có một biên giới vô hình ngăn chia, chặn lối. Càng lạ hơn khi đứa con gái không mấy nhút nhát vốn sẵn chút kiêu ngạo lại giữ được im lặng trước lời lẽ lảm lức khiêu khích, châm chọc của người đàn ông ấy. Cuối cùng Hêm rồ xe đi dưới đôi mắt bà tôi chong bên kia khuôn cửa.



Lần đầu tiên tôi ngồi lại trên thềm giữa bóng nắng trưa soi qua giàn hồng leo đã trĩu lá. Bà đứng sau lưng chăm chăm chải gỡ những sợi tóc mà tôi chỉ tự cời bằng mấy ngón tay độ sau này. Tôi muốn nắm lấy bàn tay dài thời gian ấy áp vào má, tôi sắp quay lại để cập mắt ươm tro bụi kia nhìn thấy nỗi đau và

thương cảm của mình. Vừa lúc đó, cánh cổng sắt kêu nhỏ, bà Li lò dò đi vào với chùm cúc trắng. Li và bà tôi là hai khuôn mặt biểu tượng vẻ đẹp tươi sáng và tin cẩn trong hồn tôi, và chắc chắn cho tất cả những người nhìn thấy họ năm xưa. Giờ đây tuy đuôi mắt và vầng trán nhiều nếp tẻ dài vẫn nụ cười chúm chím nét thơ ngây, gò má Li còn thoáng hồng màu mận chín. Chỉ có những sợi tóc khô xám, dựng đứng ót sau và vắt bừa xuống bên tai. Li mừng rỡ thấy tôi ngoan ngoãn ngồi đây thay vì dang tay lần dò trên bức tường long đá như thường lệ. Đặt bó hoa trong lòng tôi, Li cúi hôn âu yếm lên trán. Đúng vệt dầy kéo Li ngồi xuống ghế thay mình, tôi hỏi bà tôi về cái kéo cắt tóc cùng gương lược. Bà hướng mắt lên căn gác xếp dưới nóc nhà.

Căn gác năm sáu tuổi tôi leo lên cùng con búp bê tóc vàng óng ả, ru nó ngủ trong chiếc nôi mây từng buổi trưa hè thoáng gió biển len qua mái ngói, đập rập rình cánh cửa gỗ cong. Chiếc rương của ông Hèm bóng bẩy đường bệ bao nhiêu thì những cái của bà tôi khiêm nhường nằm trên nhau, lặng im từng lớp bụi. Hẳn lâu rồi bà chẳng còn đủ sức bắc cái thang gỗ leo lên dù chỉ để chạm tay vào kỷ niệm. Chung quanh tường đây giá kệ ông tôi đã đóng, đựng rất nhiều vật dụng lẫn sách báo đủ loại. Tủ kính nơi phòng khách dưới nhà toàn bày những cuốn đóng bìa da từng bộ cũ xưa và dĩ nhiên bà bảo là rất quý. Tôi tìm kéo cùng kẹp tóc của bà năm nào để thu vén mái tóc cho Li, loay hoay lật cái này lôi vật nọ, nhiều thứ theo đà rơi xuống sàn gỗ. Có cả những cuốn truyện Grimm cổ tích, tôi nằm cuộn tròn quẩn cánh tay bố, thêm thiếp trong khu vườn thần tiên với giọng bố đọc rì rào tiếng biển. Chẳng ngờ tập báo đó rơi xuống chân mở tung trên một hình ảnh rõ như sự thật. Tôi nhìn vào chăm chăm bàng hoàng, rồi cố giữ nhịp tim chạy bung xuống cầu thang tung ra đường, mặc Li vẫn hân hoan ngồi thẳng người ở ghế chờ tôi làm đẹp và bà cất tiếng gọi theo sùng sốt.

Ghi đang lúi húi dưới gầm xe, tôi hỏn hển hỏi Ghi cho mượn ngay tức khắc một chiếc nào. Anh vội chùn người ra, nằm ngửa nhìn lên ngạc nhiên, lắc đầu. Xe của anh thì già Pát đã lấy đi chờ hàng vào bến. Thất vọng tôi bước ra, chợt thấy cạnh gốc ngô đồng chiếc xe gắn máy xộc xệch anh vẫn dùng chạy rong thăm viếng dân làng, thỉnh thoảng chuyển đưa gói thuốc, cuộn phim hài hay phần bánh mà mẹ Mát chia cho ông Đôn đang ốm dở, cài sau yên xe. Vội vàng tôi nhảy lên đạp máy nhưng vụng về hai ba lần không nổ. Ghi đến gần chẳng một lời, cúi xuống nhặt đưa tờ báo tôi đã đánh rơi rồi ra hiệu để anh đạp hộ. Tôi phóng xe lên đồi, gió tốc buốt chiếc pull mỏng thùng thỉnh. Tóc quất từng vạt, đầu tôi tê điếng. Nhiều lần tờ báo kẹp cứng giữa cần xe chực vọt bay qua vực đá cheo leo trên những đầu ngọn sóng.

Khi tôi lên đến nơi Hèm đang ngồi thêm cửa, khẩu súng săn dựa bên và nùi giẻ vạt dưới chân, tay đang xoay vòng rượu đậm trong ly thủy tinh. Vẫn trên yên xe, tôi hoang mang nhìn đăm đăm vào khuôn mặt ông, nắng sáng trên hàm râu quai nón và làn da rạm dầy. Nhưng bỗng dung bộ mặt ấy nhòa đi như vừa bị xóa trắng bởi những vệt sơn quẹt vội, thế rồi nó lại bất ngờ hiện ra cùng tiếng gọi thần nhiên :

– Chào cô bé, lại đây ngồi chơi.

Gấp rút là thế nhưng bây giờ co chân bên cạnh Hèm trên bậc đá này tôi chưa nói được câu nào, tờ tạp chí kẹp giữa hai đầu gối, trước tôi ne né, sau lại nhìn ông trắng trắng. Hèm biết nhưng lặng thỉnh để tôi trợ tráo, hẳn xem như một trò đùa, mãi sau băng quơ :

– Khi người ta đáp xong nắm mộ, họ nghĩ rằng chẳng bao giờ gặp người chết nữa.

Tôi rùng mình gai người nhưng cố hỏi giật giọng :

– Ông từ đâu tới ?

– Từ sâu trong Thung lũng Mặt trời. Hèm điềm nhiên trả lời, hướng mắt thật xa về phía vầng sáng tròn to đang sửa soạn lặn dần vào biển. Ông chợt quay lại lặng lẽ nhìn tôi rồi chậm rãi :

– Cái xứ đó hùng vĩ nhưng không hoang dại quyến rũ bằng Châu Phi mà cô muốn đến. Sao không đi đi, ở lại đây chẳng ích gì cho ai, cả người chết của cô và đám ông già bà lão.

Người chết của cô, Sam của tôi ! Con giận nghẹn ngực và sự lạ lùng chen sợ hãi khiến hồi lâu sau tôi mới nói được :

– Ai chết ! Còn những người già ấy, họ thương tôi.

– Ừ, họ thương nhưng họ làm được gì ! Giả thử anh chàng của cô bị một du khách chạy xe ngang đây đụng chết rồi bỏ đi như vậy thì sao ? À, hằng ngày họ sẽ sắp hàng ngồi trên băng đá ở lối vào làng để kiến nghị từng chiếc xe vọt qua mà không thể nhận ra cái nào là thủ phạm.

Tức thì hiện ra trước mắt tôi những bộ mặt nhăn nhúm, những con mắt lơ lơ ngoài từ trái sang phải theo chiều xe rồi loà dần loà dần. Tôi không còn đủ sức để ngạc nhiên về một điều gì nữa trước người đàn ông này mà khuôn mặt bây giờ đã trở thành một mảng trắng chồn vờn, tiếng nói lúc rành mạch lúc rên rên như chuông vọng cõi xa. Tuy thế tôi cố cãi rằng bọn người thành phố càng tệ mạt hơn, đừng dung và không hiệu lực gì trong việc tra tìm chiếc xe giết người, húc Sam hôm ấy. Hèm chặn lại bằng một câu rất gọn :

– Chính mình còn bỏ trốn ra đây thì ai hơi đâu bận tâm. Đầu cưng thế, điều cần thiết là phải biết có mặt đứng chỗ.

Sau đó dường như ông ta còn muốn tôi phải nghe nhiều thứ nữa, những mũi dao xoáy trong mảng óc nhờn liệt của tôi. Hết chịu đựng nổi, tôi đứng dậy bước vào nhà. Vẫn những đầu hươu và lợn rừng chăm bẵm nhưng không gian lần này khác hẳn trước, ảo ảo hư hư. Ngay cả mấy cuốn vở kẻ dòng bìa xanh bây giờ tôi đã biết là gì của ông ta. Nhưng khi lật ra, thật chẳng ngờ chúng hoàn toàn trình nguyên, không nét chữ. Hèm đứng sau lưng từ bao giờ tựa đợi chờ câu hỏi. Thấy tôi chỉ nhìn vào những trang giấy mà không nói, nên cuối cùng ông tự trả lời :

– Bắt đầu từ dạo đó, được thành thang một mình vứt bỏ mọi ràng buộc, gia đình, bạn bè, danh vọng, thế sự, chiến tranh, ngay cả những đóng sách vở mà mình cho rằng không có chúng thì con người chỉ là thứ bọt nước rong rêu tầm thường. Chẳng muốn đọc gì nữa nhưng nghĩ rằng thỉnh thoảng nên ghi chép vài điều lý thú.

– Nhưng... những quyển vở này chưa có chữ nào. Tôi ngắt lời.

– À, ờ...tôi sẽ khởi đầu, mà cũng có thể không bao giờ. Biết đâu.

Lúc này thì tôi đã bớt lao đao và hoang mang. Đôi mắt tinh nhanh và vành miệng sóng mũi Hèm dần dần hiện ra rõ nét hơn. Chỉ những lần nhăn vầng trán là còn lẫn lộn trong vệt sơn nhòa nhòa hư thực. Chúng tôi trở ra ngồi lại thêm đá cửa, buổi chiều đã thực sự rơi xuống sau rặng cây đen biên giới bìa rừng. Hèm kể về hành trình khởi đi từ Thung Lũng Mặt Trời, sang Havane, vòng qua Paris, xuống Madrid, quay lại Kenya nhưng ông không ghé thăm trò chuyện với bất cứ quen biết nào xưa cũ. Khi ông nói đến Phi Châu hồn tôi lại sục bùng những mơ

ước náo nức tưởng phải vui chôn. Tôi hỏi ông tất cả về nơi ấy và cuối cùng, khi bóng tối đã chòang khắp khu đồi, chỉ để vương chút ánh đỏ lập loè từ đồng củi tro mà chùng như Hèm cố tình giữ lửa, tôi mới nói ra câu muốn hỏi từ đầu :

– Làm sao cho Sam có thể trở về cõi người như ông ?

Hèm im lặng vài giây rồi xoay hẳn lại nhìn tôi. Cũng chính lúc ấy thì khuôn mặt ông hoàn toàn hiển lộ, trọn vẹn vòm trán nám nâu đầy tàn nhang nhưng mạnh mẽ, bộ râu bạc sáng ánh trắng. Ông cầm tờ báo vẫn nằm trên đùi tôi nhưng không mở ra lại đặt xuống. Bỗng ông đưa hai tay nắm cứng hai bờ vai tôi, giọng thẳng thừng :

– Không có biên giới giữa sống và chết. Không phải chỉ đoàn người đoàn hai phát súng tự chĩa vào mình là có thể chấm dứt tất cả. Tôi và đám già lão thân thuộc của cô ở đây ai sống và ai chết ? Tôi bảo đảm Sam đang ngao du đó đây như tôi thời đầu được giải thoát. Còn cô, đừng tưởng cách duy nhất để tang Sam là nằm lủi ở lại đảo này, đấy chỉ là một sự chạy trốn dễ dàng nhưng vô ích, một cái chết dần mòn, ngu xuẩn.

Cầm ly rượu Hèm đã rót, tôi ngắm màu nho thắm như máu sắp đông, dưới cặp mắt chăm chú của ông ta. Ha, tôi biết Hèm đợi con bé ngồi cạnh nói một câu phản kháng hay công kích nhưng tự nhiên tôi thấy cổ mình khô rát nên đưa ly uống cạn. Mùi nồng bốc lên mũi, rạo trong ruột, và lạ thay tôi bắt đầu nghĩ đến những miếng thịt rừng cháy thơm trên lửa.



Từ đầu trưa khi những người đàn ông còn cố giữ điềm tĩnh để ngồi đợi dưới cây dẻ trước cửa hàng mại Mát thì ngoài sân lẫn trong nhà bà tôi hầu như tụ họp gần đủ các phụ nữ của làng này. Tôi bận tít tít suốt từ sáng, bà tôi cũng không ngừng chạy ra chạy vào lấy thêm ghế, pha thêm trà và đưa tôi tấm khăn cùng quét gom những mớ tóc rớt xuống sàn. Bao nhiêu tiếng nói rộn rã, nét hớn hở không khác trẻ con chờ ngày hội lớn hiện rõ trên những khuôn mặt chùng dẫu thời gian. Họ nghe lời Li quảng cáo ùn ùn kéo đến cho tôi cắt tóc, chải chuốt, điểm thêm chút phấn hồng. Mụ Mát đeo tấm tạp dề phục phịch chạy tới, chỉ kịp ló đầu vào dặn tôi cố đợi mụ đóng cửa tiệm sớm. Bà An kéo theo Êmi, Mun rồi đến Nina đem theo mấy chiếc áo mặc vào, thử cái này cái khác nhờ tôi chọn lựa. Tất cả xúm xít ngắm nghía đầu tóc mới, chăm chú trầm ngâm lẫn ngỡ ngàng trước gương như thể đã quên mất bóng dáng mình từ lâu lắm. Có những mái tóc còn mềm nhưng màu đã bệch đi với nước thời gian và gió biển. Chúng càng khiến tôi nôn nao tiếc nuối dự án dùng lá rừng thảo mộc chế thành màu nhuộm tóc của Sam, từ bạc rụng sáng đến nâu óng chuốt, đồng hung, thu đỏ. Những sợi tóc già nua này phải được hun lên bằng sức nóng cùng sắc màu của trời và đất để giữ lấy sự sống.

Lúc tất cả những người đàn bà đã vội vã gom thu áo sống với nữ trang, những thứ ướp sâu mùi thời gian trong lòng gỗ cũ được dịp rũ tung giữa khí trời, và ra khỏi nhà để cùng nhau lên đường thì bà tôi xem chừng thấm mệt. Bà ngồi xuống chiếc ghế bành vẫn kê bên cửa sổ, nhắm mắt và thở nhẹ. Tôi đến cạnh vuốt những sợi tóc thân quen và đôi vai mà hôm nay tôi mới nhận ra là gầy guộc, nhớ xa xót hình ảnh bà cười đón hậu, cặp má đầy và ánh mắt còn xanh trong vào những ngày tôi ngồi trên đùi mẹ trong vườn nắng. Nhưng hình như bà mỉm cười, bà đang trả lại tôi nét cười thanh thản ánh điều gì thích thú. Tôi vội lúi chúi chiếc thang gỗ, trèo lên gác xếp, mở tung chiếc rương trên cùng, may thay trong ấy là quần áo. Chiếc áo

nhưng dài màu ngọc lam phớt dịu lên người bà, những nếp tóc tôi cuốn lộn rồi kẹp cao lộ vuốt gáy thanh mảnh. Tôi đeo vòng trai muốt trắng quanh cổ bà rồi hôn khẽ lên má. Bà đẩy nhẹ cháu mình ra, đẩy mắt reo vui bởi hai giọt nước ngập ngừng.

Chúng tôi được Ghi đưa xe lên căn nhà cao mút của lão Phê khi lửa đang bùng cháy giữa khuôn sân. Mấy ngọn đuốc sáng cắm đó đây rạng tươi vài vốc, khuôn mặt và mái tóc của những người khách Hèm mời đêm nay. Có nụ cười nhút nhát móm mém chen với tiếng nói bỗng nhiên rộn rã, hả hê. Bà tôi hơi e dè vịn cánh tay tôi và lấy mắt về phía mùi thịt bốc khói ngậy thơm trên than củi, thắm thì :

– Toàn đám răng rụng gần hết, làm sao ăn hỏ cháu. Mà không biết là thịt gì nữa, có ai quen ăn mấy thứ này đâu.

Tôi trấn an :

– Hình như gà rừng bà ạ, dễ thôi.

Vừa lúc ấy, Hèm đã đến bên :

– Chưa lần nào tôi ngủ ra gấu hay sư tử ở đây, chỉ vài chú heo, nai, chán thật.

Tôi nghịch ngợm nhìn Hèm :

– Đầu còn thời ông hạ được cả một con hà mã !

Ông nháy cười trả lại. Còn bà hết ngó tôi rồi quay sang Hèm, ngờ ngẩn chẳng hiểu gì. Hôm ấy trăng lên thật cao, trời khá lạnh, khí núi sương sương, vậy mà bà tôi cùng tất cả những con người kiên trì với nơi chốn hầu đã bị đời bỏ quên, nói cười rộn rã bên lửa ấm. Gương mặt đầy nếp nhăn của họ căng lên, hồng đỏ qua màu rượu. Những hàm răng trệu trạo nhóm nhém từng miếng thịt vàng chất ngọt, chảy lan xuống cằm. Họ nắm tay nhau nhảy tròn theo điệu nhạc do Ghi và anh phu bến tàu thay nhau cho quay mấy cái đĩa bốn lỗ, ba mươi ba vòng cũ rích nhưng là loại nhạc quen thuộc dân làng năm xưa. Rồi là tango, pasodoble và một điệu valse chậm chậm thư thả. Tấm áo xanh mềm mại của bà tôi lánh óng mỗi lần tôi ngóng qua tia lửa. Cùng một lúc tôi cũng chạm vào ánh mắt Hèm đứng dựa cửa nhìn họ với ly rượu trong tay. Có lúc dường như ông nhắm mắt lại, cả khuôn mặt bỗng nhiên lại toang mở vệt sơn hư ảo.

Tôi không nói từ biệt Hèm buổi sáng hôm sau trước khi bước xuống tàu. Ghi đứng cạnh bà im lặng. Bà đưa khăn thấm nước mắt nhưng tôi biết bà yên lòng hơn ngày tôi đặt chân lên bờ. Qua những cành ô-liu trơ lá tôi cố tìm nhưng không thấy được rõ ràng căn nhà lão Phê, chỉ thoáng một góc mái nhô lên xám bạc. Vách hoàng thổ rung mắt dưới mặt trời. Chẳng cho ai biết, nên cuộc ra đi cũng có nghĩa trở về này chỉ có bà và Ghi đưa tôi ra bến. Những thân thể già nua kia còn đang yên ngủ, thả dài nghỉ ngơi sau một tối đêm được rộn rạo hân hoan trở ngược thời gian. Lúc Ghi đưa cho chiếc túi hành lý tôi rút ra tờ tạp chí có tấm chân dung in chồng lên góc một bức hình gia đình bạn bè Hèm và ông cố đạo đang đọc kinh hạ huyết giữa một vùng đất mênh mông. Có những cột chữ thông báo một mất mát lớn cho thế gian, theo người viết. Định đưa nó lại cho bà, nhưng chợt hiện ra ánh mắt Hèm tinh quái, Hèm đang nói thật nhỏ, chỉ đủ tôi nghe :

– Hãy để tôi được rong chơi, đừng làm họ sợ, không thấy rằng họ đang vui sao. Đường đi Phi Châu chẳng có gì khó khăn. Tôi sẽ nói lại với Sam, khi nào gặp.

Mai Ninh

(đầu tháng 11, hai ngàn)

Thơ chữ Hán “ *Lộc Minh Đình Thi Thảo* ” của Ứng Bình Thúc Giạ Thị

Hữu Vinh dịch và giới thiệu

Chúng ta đã thưởng thức Thơ, Ca Huế, Ca Trù, Hò, Tuồng của thi ông Ứng Bình Thúc Giạ Thị, một nhà thơ lừng lẫy của miền sông Hương núi Ngự. Nhưng nói đến sự nghiệp văn chương của thi ông mà không nhắc đến thơ chữ Hán của thi ông là một điều thiếu sót lớn lao. Thi ông Ứng Bình Thúc Giạ đã để lại cho kho tàng văn học Việt Nam tất cả 197 bài thơ chữ Hán, nếu kể một bài thơ thuộc loại tám câu, thì thi ông đã sáng tác hơn 200 bài theo lối thơ Đường luật. Phần nhiều đều là những bài thơ thật tuyệt vời không những về hình thức lẫn nội dung.

Thơ chữ Hán của Ứng Bình có những đặc điểm sau đây:

1. Nói chung, thi ông xoay quanh chữ “Tình”. Tình đối với núi sông non nước, tình đối với thiên nhiên, tình bạn thơ ca,

tình bạn ở quan trường, tình bạn bè thâm giao, tình với cô đào của ca trù và ca Huế.

2. Tình của thi sĩ thường được thể hiện qua những “nỗi buồn”. Buồn của thi ông cũng đa dạng, nhưng cũng rất đặc biệt. Thi ông không buồn như nỗi buồn day dứt, than thở sinh không gặp thời như phân đông các thi gia đời Tống, Đường. Thi ông cũng buồn vì ly loạn chiến tranh, nhưng không buồn tê tái như Đỗ Phủ, không buồn man mác như Lý Bạch, không buồn yếm thế như Lý Thương Ẩn. Trái lại, người làm quan Án Sát mà lúc nào cũng say sưa với cái đẹp của vũ trụ, cái đẹp của thiên nhiên và buồn một cách nhẹ nhàng, thanh tươi. Thi ông buồn vì xa nhà, nhớ quê; buồn vì xa bạn, xa cô đào; buồn vì thiếu người để cùng ngao du sơn thủy; buồn vì mưa thu; buồn vì xa người ruột thịt v.v. Do đó thơ chữ Hán của thi ông có sự thu hút mãnh liệt đối với đa số người đọc, vì hồn thơ thanh thoát, mộc mạc nhưng tế nhị, sâu sắc.

3. Thơ của thi ông thường hay ghi lại những vết tích lịch sử, địa lý và xã hội cho nên rất gần gũi và dễ cảm nhận với con tim của người đọc cùng xứ sở. Chúng ta có thể cùng được thưởng thức phong cảnh tuyệt vời ở những nơi danh thắng mà trong đó còn có những nhân vật nổi tiếng có liên quan đến lịch sử, văn học và xã hội đương thời.

Cuộc đời của thi ông Ứng Bình Thúc Giạ Thị là cuộc đời của những bậc đường quan, nhưng cũng là của những kẻ tao nhân mặc khách. Gió mát, trăng thanh, phong cảnh, trời thu, tình yêu đều là những yếu tố cần thiết, là nguồn thơ không thể thiếu. Phần nhiều các thi sĩ sống và sáng tác vì cô đơn, yêu cô đơn, lấy sự cô đơn, sự khổ đau làm lẽ tự nhiên cho nguồn sáng tạo. Thi ông thì trái ngược, lấy tình người làm gốc chốt, lấy ngoại cảnh thiên nhiên để cảm hứng, để dệt thành những vần thơ ngọt ngào, thanh thoát và đầy ấp tình người luyến lưu, đậm đà. Thi ông thường hứng tạo những vần thơ về tình người trong những lúc cùng bè bạn ngao du sơn thủy, chơi

thuyền, trèo núi; hay trong những lúc ngâm thơ xướng họa; hay trong những lúc hò hát; hay trong những phút nhớ nhung vì xa cách. Do vậy, trong cuộc đời của thi ông, bạn bè, ca nữ và thiên nhiên là những yếu tố quan trọng.

Tình bạn đối với bạn thơ

Tập thơ chữ Hán của thi ông hầu như là tập thơ họa với thơ của các bạn thơ. Thi ông có rất nhiều bạn bè. Song thi ông thường họa thơ và nhắc nhở đến nhiều lần với mối cảm tình nồng nàn, đậm đà là những người như ông Thúc Thuyên, Đông Chi, Đông Trì và Hà Thiệu Trai.

Đối với em trai Thượng Thư Thúc Thuyên

Thi sĩ thì ai cũng lắm tình, nhưng mối tình ruột thịt của thi ông đã đặc biệt dành cho Thúc Thuyên thì thật đậm đà, được thể hiện qua tám bài thơ còn để lại trong tập thơ chữ Hán có liên quan đến Thúc Thuyên. Thượng Thư Thúc Thuyên, không ai khác hơn là người em ruột của thi ông, tuổi tác gần kề, cũng yêu thơ và cũng là quan lớn trong triều đình nhà Nguyễn. Đều cùng là những bậc đại quan trong triều, việc quan gánh nặng trên vai, Thúc Thuyên và Thúc Giạ đều phải rày đây mai đó, nhậm chức ở những nơi khác biệt. Anh em hiếm lúc đoàn tụ sinh sống bên nhau. Tuy nhiên không phải vì thế mà tình cảm anh em ruột thịt xa mặt cách lòng. Song ý trời không thay đổi được. Năm Ất Hợi (1935), lúc Thúc Giạ về hưu được hai năm thì Thúc Thuyên mất. Thi ông khóc em thống thiết như sau:

*** Ất Hợi bát nguyệt thập lục nhật
khóc gia đệ Thúc Thuyên. (Lộc minh
đình thi thảo tập 2 bài số 129).

*Thiên thiên di tích thính ai minh
Sắt sắt thu thanh điệp lạc thanh
Do thị nguyệt minh tam kính cúc
Vị hà phong tiễn nhất chi kinh
Túy dư hoa giáp nan thành tịch
Trước nhữ ban y bất tại đình
Cạnh phủ linh nguyên vô thiếu bổ
Phật tiên đỉnh lễ phúng tâm kinh*

*** Ngày 16 tháng 8 năm Ất Hợi khóc
em Thúc Thuyên.

*Chim sâu lối cũ cỏ còn xanh
Xào xạc thu sang rụng lá cành
Đây cũng trăng chờ ba luống cúc
Mà đâu gió cuốn một cành kinh
Để ta bạc tóc ai say với
Thiếu áo màu em sản vắng tanh*



Ứng Bình Thúc Giạ Thị (1877-1961)

*Trước bến Văn Lâu, ai ngồi ai câu...
Giọng hò Huế đã đưa bài ca ấy vào tâm
khảm của người Việt Nam không biết
tự bao giờ... Hầu như ai cũng biết, và
biết chủ đề bài ca liên quan tới cuộc
khởi nghĩa của vua Duy Tân. Nhưng có
lẽ ít người biết tên tác giả: Nguyễn
Phúc Ứng Bình, bút hiệu Thúc Giạ Thị.
Ngoài tập thơ chữ Hán giới thiệu trong
bài này, Thúc Giạ Thị là tác giả các vở
tuồng *Tuồng Lộ Dịch*, *Tuồng Tào lao*
và các tập thơ *Tình Thúc Giạ*, *Đời Thúc
Giạ*, *Bán buồn mua vui*, *Tiếng hát sông
Hương...**

*Ca tụng chim chìa đầu ý nghĩa
Phật đài dành lễ tụng tâm kinh*

Chú thích : Cây Kinh để chỉ tình anh em hoà thuận (Tự điển Thiệu Chử, trang 554). Chim Chìa – còn có tên Tích Linh, để chỉ tình em quán quýt – Tự điển Thiệu Chử, trang 798.

Đôi với ông Thiệu Trai Hà Ngại

Trong 197 bài thơ chữ Hán còn lưu lại, thi ông đã dành gần 15 bài thơ hoạ với ông Hà Ngại. Đây là số tỉ lệ lớn nhất về thơ hoạ của thi ông với bạn bè. Thi ông quen biết với ông họ Hà từ lúc còn làm Tri Phủ huyện Triệu Phong tỉnh Quảng Trị. Tình bạn cứ kéo dài cho tới lúc về hưu và nhất là lúc tuổi già về trời, thi ông với ông họ Hà có rất nhiều bài thơ hoạ tuyệt tác.

*** Đáp hoạ Bình Định Quan Sát sứ Hà Thiệu Trai trung thu cảm tác nguyên vận. (Lộc minh đình thi thảo tập 2 bài số 189).

*Thu khứ thu lai thu hựu thu
Hợp ly ly hợp kỷ thời hựu
Tài hoa ngã thặng Uyên Minh kính
Tuyển cú quân đăng Dữu Lượng lâu
Giang tế oanh ca thối cữu mộng
Vân biên nhận tín giải tân sầu
Tự liên sáu cốt sai thi cốt
Nan đạo thừa tra tác viễn du*

遠遊 邊雁信辭新愁自憐瘦骨猜詩骨難道乘槎作
淵明徑選句君登度亮樓江際鶯歌值舊夢雲
秋去秋來秋又秋合離離合幾辰休栽花栽刺
厨唇和平定觀察使何少齋中秋感作原韻

Nguyên tác bài thơ số 189 ở trên

*** Hoạ đáp thơ Trung thu cảm tác của quan Án Sát Bình Định Hà Thiệu Trai.

*Thu đến thu đi đã mấy mùa
Hợp tan tan hợp đến bao giờ
Uyên Minh vườn cũ tôi trồng cúc
Dữu Lượng trên lầu anh vịnh thơ
Đầu bến giọng oanh ru mộng cũ
Chân trời bóng nhận rộn tin chờ
Tìm thơ mòn mỏi đã gây cơn
Phải đạo thuyền chơi chuyện chẳng
đùa*

Tình đôi với Thiên nhiên

Cuộc đời của thi ông, sống ở Huế chỉ trừ lúc sinh ra, sống thiếu thời và lúc về hưu, còn ngoài ra đều vì việc quan nên phải rày đây mai đó, nhậm chức quan lúc thì ra phía bắc miền trung, lúc thì vào phía nam miền trung nước Việt. Ngao du sơn thủy, thơ ngâm, rượu nhấm, hò hát, bạn bè là những yếu tố cần thiết trong cuộc đời của thi ông. Qua những vần thơ chữ Hán, chúng ta có dịp thưởng ngoạn những danh thắng như: Chùa Tra Am, chùa Linh Mục, núi Ngự sông Hương ở Huế, sông Ngưu Chử ở Hương Khê, Đầm Câu Hai, núi Bạch Mã ở Thừa Thiên, Ngũ Hành Sơn ở Quảng nam, sông Hãn ở Quảng Trị, núi Linh Phong ở Bình Định, Động Phong Nha, Lũy Thầy, sông Gianh, sông Nhật Lệ, núi Đâu Mâu ở Quảng Bình, dãy Hoàng Sơn ở Hà Tĩnh, Văn Miếu ở Hà Nội v.v...

Trung thu

*** Tân Tỵ trung thu phiếm nguyệt hữu hoài (Lộc minh đình thi thảo tập 2 bài số 190).

*Nhất diệp khinh chu thủy thượng phù
Số thanh hàn nhận bất thảng thu
Nhĩ Tỳ bà khúc thương ly hợp
Xuy phụng hoàng tiêu cảm khứ lưu
Phẩm minh đề thi chiêu khách họa
Hữu ngư vô tửu hướng khuê mưu
Bông song liêm quyển hàm thanh
mộng*

Thổ ảnh tương khuy bạn chấm đầu

*** Cảm nhớ vào dịp Trung thu năm Tân Tỵ (năm 1941) chơi thuyền.

*Một chiếc thuyền con thả lững lờ
Thu sâu nhận lễ gọi bâng quơ
Tiếng Tỳ tan hợp lòng thương cảm
Sáo Phụng chờ đi luống ngẩn ngờ
Trà nhấm thơ để mời khách họa
Cá còn rượu thiếu gọi nhà đưa
Mạn thuyền say mộng bên rèm cuốn
Ngước mắt trăng chờ bên gối mơ*

Đi thăm núi Linh Phong ở Bình Định.

*** Quý Dậu thủ hạ giai Nại Viên Ứng Nghệ Lan Đình Ứng Bộ Thúc Đồng Ứng Loại Thanh Chi Ứng Thông tùng Bình Định tỉnh Án Sát sứ Thiếp Thiết Phù Cát huyện doãn Thái Văn Chánh phóng Linh Phong cổ tự (Lộc minh đình thi thảo tập 2 bài số 94).

*Linh Phong cổ sát cận Bàn thành
Huê hữu đăng lâm bộ bộ khinh
Hữu họa sơn vân phù phiến phiến
Vô ba sơn tuyền lạc thanh thanh
Ngự sàng hoán tình quân vương
mộng*

*Thạch thất thường lưu đại sĩ danh
Hà hạnh thử sinh tu đắc đạo
Tương yêu địa chủ thái đa tình*

*** Đầu mùa hè năm Quý Dậu (năm 1933) cùng các ông Nại Viên Ứng Nghệ, Lan Đình Ứng Bộ, Thúc Đồng Ứng Loại, Thanh Chi Ứng Thông theo quan Án Sát tỉnh Bình Định là Thiếp Thiết, quan huyện Phù Cát là Thái Văn Chánh đến thăm chùa cổ Linh Phong.

*Linh Phong chùa cổ cạnh Bàn thành
Cùng bạn lên chơi bước bước nhanh
Họa có mây trời hình lớp lớp
Sông yên suối nước tiếng thanh thanh
Long sàng vương để hồn mơ tỉnh
Thạch thất Phật bà tiếng nổi danh
May mắn đời này tu có được
Chủ chùa mời đón quá thân tình*

Yếu tố thơ Đường trong thơ chữ Hán của Ứng Bình

Ứng Bình chữ Hán uyên thâm một phần nhờ ảnh hưởng của thơ Đường, phú Tống. Mượn tình và cảnh trong thơ Đường để dệt nên những vần thơ trác tuyệt là một trong những đặc điểm trong thơ chữ Hán của thi ông. Nhưng không vì thế mà làm cho thơ chữ Hán của thi ông cứng cõi, câu nệ, nặng nề, trái lại thơ chữ Hán của thi ông lại thanh tươi, nhẹ nhàng, ý thơ lai láng, trữ tình, sâu đậm, cô đọng, và phần nhiều dễ gây được cảm thông sâu xa với người đọc. Thi ông chịu ảnh hưởng nhiều đối với các thi nhân Tống, Đường của Trung Quốc như Bạch Cư Dị, Đỗ Phủ, Lý Bạch, Lý Thương Ẩn và Vương Duy. Thi thánh Đỗ Phủ là thi nhân được nhắc đến nhiều nhất trong thơ của thi ông, kể đến là Vương Duy và Lý Thương Ẩn.

Dưới đây là bài thơ trong đó mượn ý thơ của các thi sĩ đời Đường để diễn đạt sự nhớ nhung bạn cũ.

*** Xuân nhật hữu hoài Linh Giang

cựu hữu - Ấn Sát Quảng Bình (Lộc Minh đình thi thảo tập 1 bài số 66).

*Tế số lạc hoa sâu vị phá
Tĩnh tình để diểu tín tương lai
Ngâm bôi hữu khách hoài vân thụ
Lữ dạ hà nhân khán đẩu đài
Kỷ khúc Vị Thành tân sắc liễu
Nhất chi Kế Bắc cựu tình mai
Tư quân nhiều mộng tâm quân xứ
Chu phiếm Linh Giang thượng Hải
đài*

*** Ngày xuân nhớ bạn cũ ở sông Gianh - Ấn Sát Quảng Bình

*Đếm tàn hoa rụng chạnh sầu
Lặng nghe chim gọi đợi cầu tri âm
Mây ngàn rượu ngổn thơ ngâm
Trông sao đêm trọ âm thầm nhớ ai
Vị thành khúc vắng bên tai
Nhớ người Kế Bắc cành mai gọi tình
Nhớ anh vào mộng tìm quanh
Sông Gianh thuyền dạo lên thành Hải
trông*

Chú thích : *Mây ngàn*, thơ Đỗ Phủ *Xuân nhật hoài Lý Bạch*, có hai câu “ Vị Bắc xuân thiên thụ, Giang Đông nhật mộ vân ” ; Trần trọng Kim dịch *Ngày xuân nhớ Lý Bạch* : “ Cây xuân Vị Bắc xanh rờn, Giang Đông chiều tối mây ngàn thành thên ”. (Nhìn phong cảnh

nên thơ ở Vị Bắc mà nhớ người ở Giang Đông).

“ Vị Thành ”, “ Dương Quan ” hay “ Tam Điệp ” thường được thi ông lấy ý từ bài *Vị Thành Khúc* thơ Vương Duy để diễn tả tình cảnh chia ly bịn rịn, ngậm ngùi với bạn bè.

*** Vị Thành Khúc

*Vị Thành triều vũ áp kinh trần
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu
Tây xuất Dương Quan vô cố nhân.*

Wang Duy

*** Khúc hát Vị Thành

*Vị thành mưa sáng mờ sương bụi
Lữ xá xanh màu sắc liễu xuân
Anh ơi hãy cạn ly này nhé
Qua khỏi Dương Quan ai cố nhân*

Hữu Vinh dịch

Phản kết

Trong 197 bài thơ chữ Hán trong tập *Lộc Minh Đình thi thảo*, thi ông Ưng Bình Thúc Giạ Thị đã để lại cho nên thơ văn chúng ta nhiều bài thơ trác tuyệt, là những tài liệu quý giá để cho người đời sau còn có dịp nghiên cứu và hiểu được phần nào về xã hội, lịch sử thời đó, cũng

như có dịp hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của thi ông.

Lướt qua những bài thơ chữ Hán, thi ông sẽ đưa người đọc về thế giới phong lưu của hàng mặc khách ngày xưa, ta sẽ cảm thấy buồn vui lẫn lộn, tình cảm sẽ dạt dào, và có được cảm giác nhớ nhung chất ngất, tai ta còn nghe văng vẳng đâu đây những tiếng cười vui với những nhịp trống, lời ca, tiếng hát, câu hò của khách thơ, của ca nữ trong những dịp vui hát ca Huế, ca Trù, hay trong những lúc dạo chơi với núi non, trăng thanh, gió mát, thuyền chèo ở miền Trung nước Việt.

Đọc những vần thơ đầy ấp tình bạn, tình người, tình đối với ca nữ, tình đối với trăng thanh, gió mát, hoa tươi, cỏ đẹp, núi biếc, sông mờ, ta dễ cảm nhận được ý nghĩa của tình người qua thi ca của thi ông Ưng Bình Thúc Giạ Thị.

*** Dịch giả chân thành cảm ơn nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương, ái nữ của thi ông, đã chỉ dẫn, khuyến khích, cho phép trích dịch và cung cấp tài liệu.

Hữu Vinh

diễn đàn xuân tân tị 2001

mục lục :

2 lịch sinh hoạt

thời sự & những vấn đề

3 Tin / Thời sự

11 Thư Hà Nội

12 Bão tố trong chén trà

13 Vietnam AD 2000

N. S. P.

P. Q.

Nguyễn Giang

tết

17 Tết, nhớ

19 Con rấn huyền thoại

22 Con rấn trong văn học

24 Chơi xuân chẳng dễ mấy người

Nguyễn Lộc

Văn Ngọc

Đặng Tiến

Nguyễn Dư

THƠ :

Đỗ Quang Nghĩa (tr 22), Ly Hoàng Ly (tr 40)

Nguyễn Văn Thọ (tr 40)

TRANH BÌA :

Phan Nguyên

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

27 Tin học và sinh học hội tụ

30 Cuộc hôn phối tung bùng...

34 Đọc *Gió Lửa* của Nam Dao

35 Hẻm (*truyện ngắn*)

37 Khúc ngẫu hứng... (*truyện ngắn*)

41 Ô-liu hoàng thổ (*truyện ngắn*)

46 Ưng Bình Thúc Giạ Thị

Hàn Thuỷ

Bùi Văn Nam Sơn

Nguyễn Thanh Nhã

Nguyễn Thị Hoàng Bắc

Đặng Anh Đào

Mai Ninh

Hữu Vinh

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 35 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

http://perso.wanadoo.fr/diendan

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Thể lệ mua báo : xin coi trang 2.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT.) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)